

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi.

Các số liệu, kết quả nêu trong luận văn là trung thực và chưa từng được ai công bố trong bất kỳ công trình nào khác.

Tác giả luận văn

Ngô Thị Ngọc

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU.....	1
1. Tính cấp thiết của đề tài.....	1
2. Tổng quan về đề tài nghiên cứu.....	2
3. Mục đích nghiên cứu.....	3
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	3
5. Phương pháp nghiên cứu.....	3
6. Tên và kết cấu luận văn.....	4
CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KIỂM SOÁT NỘI BỘ CHI PHÍ XÂY LẮP TRONG DOANH NGHIỆP XÂY LẮP.....	5
1.1 Lý luận chung về kiểm soát nội bộ.....	5
1.1.1 Khái niệm về kiểm soát nội bộ.....	5
1.1.2 Mục tiêu của KSNB.....	7
1.1.3 Ý nghĩa của hệ thống KSNB.....	7
1.2 Các yếu tố cấu thành của hệ thống KSNB.....	8
1.2.1 Môi trường kiểm soát (Control Environment).....	8
1.2.1.1 Đặc thù về quản lý.....	8
1.2.1.2 Cơ cấu tổ chức.....	8
1.2.1.3 Chính sách nhân sự.....	9
1.2.1.4 Công tác kế hoạch tại doanh nghiệp.....	10
1.2.1.5 Bộ phận kiểm toán nội bộ.....	10
1.2.1.6 Các nhân tố bên ngoài.....	10
1.2.2 Hệ thống kế toán (Accounting system).....	10
1.2.3. Các thủ tục kiểm soát (Control Procedures).....	11
1.2.3.1 Phân chia trách nhiệm đầy đủ.....	12
1.2.3.2 Kiểm soát quá trình xử lý thông tin và các nghiệp vụ.....	13

1.2.3.3 Kiểm soát vật chất.....	14
1.2.3.4 Kiểm tra độc lập việc thực hiện	15
1.2.3.5 Phân tích soát xét lại việc thực hiện.....	15
1.3. Kiểm soát chi phí trong doanh nghiệp xây lắp	15
1.3.1. Khái niệm và phân loại chi phí trong doanh nghiệp xây lắp.....	15
1.3.1.1. Khái niệm chi phí	15
1.3.1.2. Phân loại chi phí trong doanh nghiệp xây lắp.....	15
1.3.2 Đặc điểm về hoạt động kinh doanh xây lắp ảnh hưởng đến công tác kiểm soát nội bộ chi phí xây lắp.....	18
1.3.2.1 Đặc điểm về sản phẩm xây lắp.....	18
1.3.2.2 Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của các công ty (doanh nghiệp) xây lắp	19
1.3.2.3 Đặc điểm chi phí xây lắp trong hoạt động xây lắp	19
1.3.3 Tổ chức hệ thống thông tin phục vụ KSNB chi phí xây lắp trong các doanh nghiệp xây lắp	21
1.3.3.1 Tổ chức hệ thống thông tin dự toán	21
1.3.3.2 Tổ chức hệ thống thông tin thực hiện	24
1.3.4 Các thủ tục KSNB chi phí xây lắp trong quá trình xây lắp.....	25
1.3.4.1 Các thủ tục kiểm soát chi phí xây lắp hiện hành	25
1.3.4.2 Các thủ tục kiểm soát sau đối với chi phí xây lắp trong quá trình xây lắp.....	29
KẾT LUẬN CHƯƠNG 1.....	34
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG VỀ KIỂM SOÁT NỘI BỘ CHI PHÍ XÂY LẮP TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP ĐIỆN ĐN.....	35
2.1 Quá trình hình thành, phát triển, chức năng, nhiệm vụ, đặc điểm sản xuất kinh doanh tại công ty	35
2.1.1 Quá trình hình thành, phát triển của công ty	35
2.1.2 Chức năng, nhiệm vụ và các lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh	37
2.1.2.1 Chức năng hoạt động.....	37

2.1.2.2	Nhiệm vụ	37
2.1.2.3	Các lĩnh vực hoạt động của công ty	38
2.2	Giới thiệu về hệ thống kiểm soát nội bộ tại Công ty Cổ Phần Xây Lắp Điện ĐN	39
2.2.1	Môi trường kiểm soát	39
2.2.1.1	Đặc thù quản lý	39
2.2.1.2	Sơ đồ bộ máy quản lý.....	39
2.2.1.3	Chức năng và nhiệm vụ của từng bộ phận.....	41
2.2.2	Hệ thống kế toán	42
2.2.2.1	Sơ đồ bộ máy kế toán tại công ty	43
2.2.2.2	Chức năng nhiệm vụ của từng phần hành kế toán	45
2.2.2.3	Hình thức kế toán áp dụng trong công ty	46
2.2.2.4	Thủ tục kiểm soát nội bộ tại công ty.....	47
2.3	Kiểm soát chi phí xây lắp tại công ty Cổ Phần Xây Lắp Điện ĐN	48
2.3.1	Tổ chức hệ thống thông tin phục vụ KSNB chi phí xây lắp tại Công ty Cổ Phần Xây Lắp Điện ĐN.....	48
2.3.1.1	Tổ chức hệ thống thông tin dự toán tại công ty CP Xây Lắp Điện ĐN.....	48
2.3.1.2	Tổ chức hệ thống thông tin thực hiện	52
2.3.2	Kiểm soát nội bộ chi phí xây lắp.....	58
2.3.2.1	Thủ tục kiểm soát trước	58
2.3.2.2	Thủ tục kiểm soát hiện hành	59
2.3.2.3	Thủ tục kiểm soát sau đối với chi phí xây lắp	71
2.3.3	Những hạn chế trong công tác kiểm soát nội bộ chi phí xây lắp tại đơn vị....	71
	KẾT LUẬN CHƯƠNG 2.....	73
	CHƯƠNG 3: CÁC GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KIỂM SOÁT NỘI BỘ CHI PHÍ XÂY LẮP TẠI CÔNG TY CP XÂY LẮP ĐIỆN ĐÀ NẴNG.....	74
3.1	Hoàn thiện các thủ tục kiểm soát trước đối với chi phí xây lắp.....	74

3.2. Hoàn thiện thủ tục kiểm soát hiện hành đối với chi phí xây lắp.....	74
3.2.1 Hoàn thiện thủ tục kiểm soát chi phí nguyên vật liệu.....	74
3.2.2 Hoàn thiện thủ tục kiểm soát chi phí nhân công	80
3.2.3 Hoàn thiện thủ tục kiểm soát chi phí sử dụng máy thi công.....	81
3.2.4 Hoàn thiện thủ tục kiểm soát chi phí sản xuất chung	83
3.3 Hoàn thiện thủ tục kiểm soát sau quá trình thực hiện chi phí xây lắp:.....	84
3.3.1 Kiểm soát tình hình thực hiện chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.	85
3.3.2 Kiểm soát tình hình thực hiện chi phí nhân công trực tiếp.....	89
3.3.3 Kiểm soát tình hình thực hiện chi phí sử dụng máy thi công	94
3.3.4 Kiểm soát tình hình thực hiện chi phí chung.....	98
KẾT LUẬN CHƯƠNG 3.....	99
KẾT LUẬN	100
TÀI LIỆU THAM KHẢO	101

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

KSNB	Kiểm soát nội bộ
NVL	Nguyên vật liệu
BHXXH	Bảo hiểm xã hội
BHYT	Bảo hiểm y tế
KPCĐ	Kinh phí công đoàn
TSCĐ	Tài sản cố định
CBCNV	Cán bộ công nhân viên

DANH MỤC CÁC BẢNG

Số hiệu bảng	Tên bảng	Trang
1.1	Phân tích biến động chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	29
1.2	Phân tích biến động chi phí nhân công trực tiếp	31
1.3	Phân tích biến động chi phí sử dụng máy thi công	32
1.4	Phân tích biến động chi phí sản xuất chung	33
2.1	Sơ đồ bộ máy quản lý	41
2.2	Sơ đồ bộ máy kế toán	45
2.3	Tổng hợp chi phí dự toán	50
2.4	Dự toán chi phí xây dựng	51
2.5	Dự toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	54
2.6	Tổng hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp theo hạng mục công trình	55
2.7	Tổng hợp chi phí nhân công trực tiếp theo hạng mục công trình	56
2.8	Tổng hợp chi phí sử dụng máy thi công theo hạng mục công trình	57
2.9	Tổng hợp chi phí sản xuất chung theo hạng mục công trình	58
2.10	Bảng tính giá thành	59
2.11	Lưu đồ cung ứng vật tư cho các công trình	61
2.12	Lưu đồ xuất sử dụng vật tư	62
2.13	Lưu đồ kiểm soát chi phí nhân công	66
2.14	Lưu đồ kiểm soát chi phí sử dụng máy thi công	69
3.1	Lưu đồ quy trình đặt mua vật tư	76
3.2	Lưu đồ quy trình nhập kho vật tư	77

3.3	Lưu đồ quy trình xuất kho vật tư	78
3.4	Bảng phân tích tình hình biến động chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	87
3.5	Bảng phân tích tình hình biến động chi phí nhân công trực tiếp	91
3.6	Bảng phân tích tình hình biến động chi phí sử dụng máy thi công	96

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Đất nước đang trong quá trình đổi mới mạnh mẽ trong sự biến động và đổi mới không ngừng của nền kinh tế thị trường, khi nền kinh tế thị trường nước ta đang bước vào hội nhập với nền kinh tế thế giới, cánh cửa WTO đã mở rộng, các doanh nghiệp của chúng ta đang đứng trước những cơ hội và thách thức lớn, các nhà quản trị, nhà đầu tư phải luôn có những quyết định quan trọng và sáng suốt nhất trong thời gian nhanh nhất, các quyết định tài chính ảnh hưởng tới hiện tại và tương lai của các nhà đầu tư, các doanh nghiệp được đưa ra dưới áp lực thời gian, áp lực cạnh tranh của nền kinh tế thị trường, lúc này cần phải có sự tham gia của các bộ phận chuyên môn để ra quyết định nhanh nhất và hiệu quả nhất.

Với xu thế hội nhập và phát triển, xây dựng cơ bản là ngành mà sản phẩm làm ra là những cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ cho quá trình công nghiệp hóa – hiện đại hóa trên thế giới hiện nay. Điều đó bắt buộc tự thân mỗi doanh nghiệp xây lắp phải tổ chức bộ máy quản lý và tổ chức sản xuất sao cho thật hợp lý và đạt hiệu quả cao nhất trong điều kiện vốn và nhân lực vật lực hiện có. Muốn làm được điều đó doanh nghiệp cần phải quản lý mọi hoạt động của đơn vị mình để làm sao mà hiệu quả đạt được là cao nhất với chi phí bỏ ra là thấp nhất.

Mặt khác, vấn đề thất thoát trong xây lắp là một bài toán khó hiện nay. Các nhà quản lý ở các đơn vị thi công không thể kiểm soát chi phí trong quá trình thi công nên buộc phải thay đổi thiết kế như giảm bớt khối lượng sắt thép, xi măng... làm cho chất lượng công trình giảm sút. Làm thế nào để hạ thấp chi phí xây lắp mà vẫn đảm bảo được chất lượng công trình. Đó chính là vấn đề kiểm soát chi phí xây lắp trong quá trình thi công tại các đơn vị thi công xây lắp.

Công ty Cổ Phần Xây Lắp Điện Đà Nẵng là doanh nghiệp được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước sang công ty cổ phần. Công ty hạch toán độc lập, có đầy đủ tư cách pháp nhân thực hiện chức năng sản xuất kinh doanh theo giấy đăng ký kinh doanh do Sở Kế Hoạch Đầu Tư TP. Đà Nẵng cấp.

Trong những năm qua, chịu ảnh hưởng của cơ chế thị trường và chuyển biến của kinh tế đất nước. Công ty dần dần từng khẳng định và củng cố năng lực hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo thực hiện nguyên tắc cơ bản của kế hoạch kinh tế là: “Tự trang trải và có lợi nhuận”. Do đó, công ty đã có nhiều biện pháp nhằm cải thiện công tác quản lý lao động, bổ sung ngành kinh doanh, mở rộng đại bàn và tìm kiếm đối tác, tạo điều kiện và việc làm cho người lao động. Làm sao cho thu nhập toàn công ty nâng cao và đóng góp đầy đủ cho Ngân sách Nhà nước.

Với mục tiêu và kế hoạch mà công ty đã đề ra, đã làm cho công ty đứng trước một thách thức lớn về chất lượng công trình, kiểm soát nội bộ quá trình thực hiện chi phí xây lắp. Đó là làm sao công ty đạt được lợi nhuận vẫn đảm bảo chất lượng công trình nhưng giá thành sản phẩm lại thấp. Vì vậy cần phải thực hiện kiểm soát nội bộ chi phí xây lắp tốt tại công ty.

2. Tổng quan về đề tài nghiên cứu

Việc kiểm soát chi phí xây lắp trong các doanh nghiệp ở nước ta hiện nay chủ yếu và đơn thuần là phục vụ cho công tác kế toán, lập các báo cáo theo quy định của Nhà nước. Nhưng gần đây đã bắt đầu quan tâm đến kiểm soát chi phí xây lắp để phục vụ cung cấp thông tin cho các nhà quản trị để ra quyết định. Việc kiểm soát tốt chi phí xây lắp sẽ góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Gần đây, vấn đề kiểm soát chi phí xây lắp này đã được một số người quan tâm và trên thực tế đã có một số công trình nghiên cứu nhằm góp phần giúp các đơn vị xây lắp có cách kiểm soát chi phí xây lắp tốt hơn. Có thể nêu ra đây một số công trình như sau: “Kiểm soát chi phí sản xuất tại công ty Cổ Phần Dược - Thiết Bị Y Tế Đà Nẵng” của tác giả Nguyễn Thị Hiền - Đại Học Đà Nẵng và “Tăng cường công tác kiểm soát nội bộ chi phí đầu tư xây dựng cơ bản tại Bưu Điện Thành Phố Đà Nẵng” của tác giả Nguyễn Thị Diễm – Đại Học Đà Nẵng.

Có thể thấy rằng các công trình trên đã có nghiên cứu, xem xét và đưa ra các giải pháp để có thể kiểm soát chi phí tốt hơn. Tuy nhiên để đi sâu vào

phân tích và kiểm soát chi phí xây lắp ở Công ty CP Xây Lắp Điện Đà Nẵng thì chưa có một nghiên cứu nào được thực hiện.

Xuất phát từ tình hình đó, tác giả đi vào nghiên cứu công tác Kiểm soát chi phí xây lắp tại Công ty CP Xây Lắp Điện ĐN và mong muốn góp phần nào đó vào việc hoàn thiện công tác chi phí xây lắp tại đơn vị trong thời gian đến.

3. Mục đích nghiên cứu

Về lý luận: mục đích nghiên cứu của luận văn là làm rõ các cơ sở lý luận về kiểm soát nội bộ chi phí xây lắp nói chung và đi sâu làm rõ công tác kiểm soát nội bộ chi phí xây lắp trong các doanh nghiệp xây lắp

Về thực tiễn: thông qua việc tìm hiểu, thu thập, tổng hợp, phân tích thông tin từ thực tiễn tại các đơn vị xây lắp trực thuộc công ty Cổ Phần Xây Lắp Điện ĐN, phát hiện những hạn chế trong công tác kiểm soát nội bộ chi phí và qua đó đưa ra các giải pháp phù hợp nhằm hoàn thiện công tác kiểm soát nội bộ chi phí ở các đơn vị này.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu: Luận văn tập trung nghiên cứu về công tác kiểm soát chi phí xây lắp trong doanh nghiệp xây lắp bao gồm việc kiểm soát trước bằng cách lập dự toán xây lắp, kiểm soát trong quá trình thi công xây lắp và đánh giá kết quả thực hiện so với dự toán đã lập sau khi công trình hoàn thành.

Phạm vi nghiên cứu: Luận văn nghiên cứu tại công ty Cổ Phần Xây Lắp Điện ĐN.

5. Phương pháp nghiên cứu

Trong quá trình nghiên cứu, luận văn đã dựa trên cơ sở phương pháp luận duy vật biện chứng và sử dụng các phương pháp cụ thể như: phương pháp phân tích, thống kê, thu thập thông tin, tổng hợp, so sánh lý luận và thực tiễn để làm rõ vấn đề nghiên cứu.

6. Tên và kết cấu luận văn

Tên luận văn:

“Kiểm soát nội bộ chi phí xây lắp tại Công ty Cổ Phần Xây Lắp Điện Đà Nẵng”

Kết cấu luận văn:

Ngoài lời mở đầu và kết luận, nội dung luận văn được chia thành ba chương.

Chương 1: Cơ sở lý luận về kiểm soát nội bộ chi phí xây lắp trong doanh nghiệp xây lắp.

Chương 2: Thực trạng kiểm soát nội bộ chi phí xây lắp tại công ty Cổ Phần Xây Lắp Điện ĐN.

Chương 3: Các giải pháp hoàn thiện kiểm soát chi phí xây lắp tại công ty Cổ Phần Xây Lắp Điện ĐN.

Chương 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KIỂM SOÁT NỘI BỘ CHI PHÍ XÂY LẬP TRONG DOANH NGHIỆP XÂY LẬP

1.1 Lý luận chung về kiểm soát nội bộ

1.1.1 Khái niệm về kiểm soát nội bộ

Chức năng kiểm soát luôn tồn tại và chiếm một vị trí quan trọng trong quy trình quản lý, công việc này được thực hiện bởi một công cụ chủ yếu đó là hệ thống kiểm soát nội bộ (*internal control system*) của doanh nghiệp. Có rất nhiều quan niệm và định nghĩa về kiểm soát nội bộ (KSNB) song có thể kể đến một vài định nghĩa như sau :

- Hệ thống KSNB là toàn bộ các quy định về tổ chức quản lý, chức năng, nhiệm vụ, phương pháp công tác mà một đơn vị phải tuân theo.

- KSNB là một hệ thống chính sách và thủ tục do ban lãnh đạo đơn vị thiết lập nhằm kiểm tra theo dõi mọi hoạt động của đơn vị phục vụ nhu cầu quản lý đảm bảo việc thực hiện các mục tiêu: bảo vệ tài sản của đơn vị, bảo đảm độ tin cậy của các thông tin, bảo đảm việc thực hiện các chế độ pháp lý và bảo đảm hiệu quả của hoạt động và hiệu năng quản lý. Phát hiện kịp thời các rắc rối trong kinh doanh một cách kịp thời.

Tuy nhiên kiểm soát nội bộ theo định nghĩa của COSO (*Committee of Sponsoring Organizations of Treadway Commission* tạm dịch là Ủy ban các tổ chức tài trợ) có thể xem là định nghĩa đầy đủ nhất và chính xác nhất về kiểm soát nội bộ.

KSNB là một quá trình chịu ảnh hưởng bởi Hội đồng quản trị, các nhà quản lý và các nhân viên khác của một tổ chức, được thiết kế để cung cấp mọi sự đảm bảo hợp lý trong việc thực hiện các mục tiêu sau:

- Báo cáo tài chính đáng tin cậy
- Các luật lệ và quy định được tuân thủ
- Hoạt động hữu hiệu và hiệu quả

Trong định nghĩa trên, bốn nội dung cơ bản là quá trình, con người, đảm bảo hợp lý và mục tiêu cần phải được tìm hiểu. Cụ thể như sau:

- KSNB là một quá trình: KSNB bao gồm một chuỗi hoạt động kiểm soát hiện diện ở mọi bộ phận trong đơn vị và được kết hợp với nhau thành một thể thống nhất. Quá trình kiểm soát là phương tiện để giúp cho đơn vị đạt được các mục tiêu của mình

- KSNB được thiết kế và vận hành bởi con người: Kiểm soát nội bộ không chỉ đơn thuần là những chính sách, thủ tục, biểu mẫu...mà phải bao gồm cả những con người trong tổ chức như Hội đồng quản trị, ban giám đốc, các nhân viên khác... Chính con người định ra mục tiêu, thiết lập cơ chế kiểm soát ở mọi nơi và vận hành chúng

- KSNB cung cấp một sự đảm bảo hợp lý, chứ không phải đảm bảo tuyệt đối là các mục tiêu được thực hiện. Vì khi vận hành hệ thống kiểm soát, những yếu kém có thể xảy ra do sai lầm của con người nên dẫn đến không thực hiện được các mục tiêu. Kiểm soát nội bộ có thể ngăn chặn và phát hiện những sai phạm nhưng không thể đảm bảo chúng không bao giờ xảy ra. Hơn nữa, một nguyên tắc cơ bản trong việc đưa ra quyết định quản lý là chi phí cho quá trình kiểm soát không thể vượt quá lợi ích được mong đợi từ quá trình kiểm soát đó. Do vậy, người quản lý có thể nhận thức đầy đủ về các rủi ro nhưng nếu chi phí cho quá trình kiểm soát quá cao thì họ vẫn không thể áp dụng các thủ tục để kiểm soát rủi ro.

KSNB được chia thành hai loại: kiểm soát kế toán và kiểm soát quản lý.

- ✓ Kiểm soát kế toán: là các chính sách và quá trình thực hiện nhằm đạt được các mục tiêu là bảo vệ tài sản và đảm bảo thông tin kế toán chính xác, tin cậy.
- ✓ Kiểm soát quản lý: để thúc đẩy hiệu quả hoạt động kinh doanh và khuyến khích sự tham gia của công nhân viên đối với các chính sách quản lý.

Đứng trên giác độ tổ chức, vai trò của kiểm soát quản lý và kiểm soát quản lý là như nhau. Tuy nhiên, kiểm soát quản lý chủ yếu cập đến những vấn đề liên quan đến tổ chức, chủ trương của đơn vị, ít có quan hệ trực tiếp hơn đối với sự hợp lý của thông tin kế toán, còn kiểm soát kế toán chủ yếu quan tâm đến tính hợp lý của thông tin kết toán. Mặc dầu vậy, hai loại kiểm soát

này có quan hệ mật thiết, hỗ trợ cho nhau. Hiệu quả của các loại kiểm soát này có một tác động đáng kể đến tính hiệu quả của loại kiểm soát kia.

1.1.2 Mục tiêu của KSNB

- Đối với báo cáo tài chính, kiểm soát nội bộ phải đảm bảo về tính trung thực và đáng tin cậy

- Đối với tính tuân thủ, kiểm soát nội bộ phải đảm bảo hợp lý việc chấp hành luật pháp và các quy định, bên cạnh đó kiểm soát nội bộ còn phải hướng mọi thành viên trong đơn vị vào việc tuân thủ các chính sách quy định nội bộ của đơn vị qua đó đảm bảo đạt được những mục tiêu đơn vị.

- Đối với mục tiêu sự hữu hiệu và hiệu quả của các hoạt động, kiểm soát nội bộ giúp đơn vị bảo vệ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực, bảo mật thông tin, nâng cao uy tín, mở rộng thị phần, thực hiện các chiến lược kinh doanh của đơn vị...

Vậy các mục tiêu của kiểm soát nội bộ rất rộng, chúng bao trùm lên mọi mặt hoạt động và có ý nghĩa quan trọng đối với sự tồn tại và phát triển của đơn vị

1.1.3 Ý nghĩa của hệ thống KSNB

Trong một tổ chức bất kỳ, sự thống nhất và xung đột quyền lợi chung-quyền lợi riêng của người sử dụng lao động với người lao động luôn tồn tại song hành. Nếu không có hệ thống KSNB, làm thế nào để người lao động không vì quyền lợi riêng của mình mà làm những điều thiệt hại đến lợi ích chung của toàn tổ chức, của người sử dụng lao động? Làm sao quản lý được các rủi ro? Làm thế nào có thể phân quyền, ủy quyền, giao việc cho cấp dưới một cách chính xác, khoa học chứ không phải chỉ dựa trên sự tin tưởng cảm tính?

Một hệ thống KSNB vững mạnh có ý nghĩa như:

✓ Giúp cho việc quản lý hoạt động kinh doanh của đơn vị hiệu quả, giảm bớt nguy cơ rủi ro tiềm ẩn trong sản xuất kinh doanh.

✓ Bảo vệ tài sản khỏi bị hư hỏng, mất mát, hao hụt, gian lận, sử dụng sai mục đích. Đảm bảo tính chính xác, kịp thời của các số liệu, các báo cáo kế toán.

✓ Đảm bảo mọi thành viên tuân thủ nội quy, quy chế, quy trình hoạt động của tổ chức cũng như các quy định của pháp luật.

✓ Đảm bảo tổ chức hoạt động hiệu quả, sử dụng tối ưu các nguồn lực và đạt được mục tiêu đề ra.

1.2 Các yếu tố cấu thành của hệ thống KSNB

Thông thường hệ thống KSNB được chia thành ba bộ phận: môi trường kiểm soát, hệ thống kế toán và các thủ tục kiểm soát. Các bộ phận này được thiết kế nhằm đảm bảo việc thực hiện các mục tiêu trên của hệ thống KSNB

1.2.1 Môi trường kiểm soát (Control Environment)

Môi trường kiểm soát phản ánh sắc thái chung của một đơn vị, nó chi phối ý thức kiểm soát của mọi thành viên trong đơn vị và là nền tảng đối với các bộ phận khác của KSNB. Môi trường kiểm soát bao gồm toàn bộ các nhân tố (bên trong và bên ngoài đơn vị) có ảnh hưởng đến quá trình thiết kế, sự vận hành và tính hữu hiệu của KSNB. Các nhân tố chính của môi trường kiểm soát bao gồm:

1.2.1.1 Đặc thù về quản lý

Đặc thù về quản lý trước hết chỉ quan điểm khác nhau của người quản lý đối với toàn bộ hoạt động của đơn vị. Mọi hoạt động của doanh nghiệp đều được đặt dưới sự điều hành của các nhà quản trị. Bởi vậy quan điểm, đường lối cũng như tư cách của họ có ảnh hưởng trực tiếp đến sự hữu hiệu của hệ thống KSNB. Đặc thù về quản lý còn được thể hiện ở cơ cấu quyền lực trong đơn vị. Nếu quyền lực được tập trung vào người quản lý cao nhất thì môi trường kiểm soát phụ thuộc chủ yếu vào quan điểm, phong cách điều hành của người này, còn nếu quyền lực được phân tán cho nhiều người thì vấn đề kiểm tra giám sát việc sử dụng quyền lực đã phân quyền nhằm tránh tình trạng sử dụng không hết quyền hạn được giao hay lạm quyền.

1.2.1.2 Cơ cấu tổ chức

Cơ cấu tổ chức thực chất là sự phân chia quyền hạn và trách nhiệm giữa các bộ phận, giữa các thành viên trong đơn vị, nó góp phần rất lớn trong việc giúp đơn vị đạt được các mục tiêu của mình. Nói cách khác, cơ cấu phù hợp sẽ là cơ sở cho việc lập kế hoạch, điều hành, kiểm soát và giám sát các

hoạt động. Vì thế, khi xây dựng một cơ cấu tổ chức phải xác định được các vị trí then chốt với quyền hạn, trách nhiệm và các thể thức báo cáo cho phù hợp. Tuy nhiên, điều này còn phụ thuộc vào quy mô và tính chất hoạt động của đơn vị. Một cơ cấu tổ chức hợp lý giúp cho quá trình thực hiện sự phân công phân nhiệm, sự uỷ quyền, quá trình xử lý nghiệp vụ và ghi chép sổ sách cũng được kiểm soát từ đó ngăn ngừa được phần nào cá sai sót, gian lận. Để thực hiện điều này, cơ cấu tổ chức của đơn vị phải đảm bảo các nguyên tắc sau:

- Thiết lập được sự điều hành và kiểm soát trên toàn bộ hoạt động của đơn vị, không bỏ sót lĩnh vực nào đồng thời không có chồng chéo lên nhau giữa các bộ phận.

- Thực hiện sự phân chia ba chức năng: xử lý nghiệp vụ, ghi chép nghiệp vụ, ghi chép sổ sách và bảo quản tài sản. Sự phân chia này tạo điều kiện kiểm soát lẫn nhau giữa các bộ phận.

- Bảo đảm sự độc lập tương đối giữa các bộ phận.

1.2.1.3 Chính sách nhân sự

Khía cạnh quan trọng nhất của bất kỳ hệ thống kiểm soát nào cũng là con người. Nếu đơn vị có đội ngũ nhân viên có năng lực và đáng tin cậy thì nhiều quá trình kiểm soát có thể không cần thiết mà vẫn có các báo cáo tài chính đáng tin cậy. Con người thật thà, có năng lực có khả năng thực hiện công việc ở mức độ cao ngay cả khi có rất ít quá trình kiểm soát khác hỗ trợ cho họ. Ngược lại, con người không có năng lực và không trung thực có thể làm cho công việc trở nên hỗn độn cho dù có rất nhiều quá trình kiểm soát hỗ trợ. Ngay cả khi con người có thể có năng lực và trung thực họ vẫn có những khuyết điểm bẩm sinh, chẳng hạn do vấn đề tâm lý, sức khoẻ hay do thói quen mà có ảnh hưởng không tốt đến công việc đang làm dẫn đến những sai sót trong công việc...

Vì tầm quan trọng đó nên công tác tuyển dụng, đào tạo, đề bạt, khen thưởng, kỷ luật, giám sát,... đối với cán bộ công nhân viên trong Công ty là một vấn đề hết sức quan trọng đối với bất kỳ hệ thống KSNB nào.

1.2.1.4 Công tác kế hoạch tại doanh nghiệp

Công tác kế hoạch ở đây được hiểu là việc lập các kế hoạch và dự toán, đồng thời là việc theo dõi và kiểm tra quá trình thực hiện các kế hoạch, các dự toán đó. Các kế hoạch và dự toán này bao gồm kế hoạch tiêu thụ, kế hoạch sản xuất, kế hoạch thu mua nguyên vật liệu (NVL) và dự toán NVL, kế hoạch chi phí và thực hiện chi phí,... Nếu việc lập và thực hiện các kế hoạch được tiến hành một cách khoa học và nghiêm túc thì nó trở thành một công cụ kiểm soát rất hữu hiệu. Chính vì thế các nhà quản lý phải quan tâm xem xét việc lập kế hoạch, theo dõi, kiểm tra tiến độ thực hiện kế hoạch, định kỳ so sánh giữa số liệu thực hiện và kế hoạch để phát hiện những vấn đề bất thường và xử lý kịp thời. Đây cũng chính là một khía cạnh rất quan trọng của hệ thống KSNB.

1.2.1.5 Bộ phận kiểm toán nội bộ

Bộ phận kiểm toán nội bộ thực hiện giám sát và đánh giá thường xuyên về toàn bộ hoạt động của đơn vị, kể cả đối với hệ thống KSNB. Vì vậy kiểm toán nội bộ là một nhân tố rất quan trọng trong môi trường kiểm soát. Một đơn vị có bộ phận kiểm toán nội bộ hữu hiệu sẽ có được những thông tin kịp thời, chính xác về tình hình hoạt động của đơn vị.

Về tổ chức, bộ phận kiểm toán nội bộ phải thuộc cấp quản lý cao nhất để không bị giới hạn hoạt động, đồng thời phải được gia quyền hạn tương đối rộng rãi.

Về nhân sự, bộ phận kiểm toán nội bộ phải có các nhân viên có đủ năng lực để thực hiện nhiệm vụ của mình.

1.2.1.6 Các nhân tố bên ngoài

Ngoài các nhân tố bên trong thuộc tầm kiểm soát của đơn vị còn có một số nhân tố khác không thuộc tầm kiểm soát của đơn vị nhưng có ảnh hưởng rất lớn đến đơn vị như hệ thống luật pháp, đối thủ cạnh tranh, các nhà đầu tư, nhà cung cấp...

1.2.2 Hệ thống kế toán (Accounting system)

Thông qua việc ghi nhận, tính toán, phân loại, tổng hợp, kết chuyển vào sổ cái và lập báo cáo, hệ thống kế toán chẳng những cung cấp những thông tin cần thiết cho quá trình quản lý mà còn đóng vai trò quan trọng trong việc

kiểm soát các mặt hoạt động của đơn vị nên nó là một bộ phận quan trọng trong hệ thống KSNB. Một hệ thống kế toán hữu hiệu phải đảm bảo cho các mục tiêu sau đây sẽ được thực hiện:

- Tính có thực: nghĩa là chỉ được ghi chép các nghiệp vụ kinh tế có thật, không cho ghi chép những nghiệp vụ giả tạo vào sổ sách của đơn vị.

- Sự phê chuẩn: nghĩa là không được loại bỏ, giấu bớt hay để ngoài sổ sách về bất kỳ nghiệp vụ kinh tế phát sinh nào.

- Sự đánh giá: không thể xảy ra những sai phạm trong việc tính toán, trong việc áp dụng các chính sách kế toán.

- Sự phân loại: đảm bảo số liệu được phân loại đúng theo hệ thống tài khoản của đơn vị và ghi nhận đúng đắn vào các sổ sách kế toán có liên quan.

- Đúng hạn: việc ghi nhận doanh thu và chi phí phải đúng kỳ.

Chuyển sổ và tổng hợp chính xác: số liệu kế toán phải ghi vào sổ chi tiết đúng đắn và tổng hợp chính xác để giúp phản ứng trung thực tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của đơn vị.

Các mục tiêu trên được vận dụng cụ thể trong từng loại hoạt động, từng loại nghiệp vụ của đơn vị.

1.2.3. Các thủ tục kiểm soát (Control Procedures)

Thủ tục kiểm soát là toàn bộ các quy trình, các chính sách do các nhà quản lý thiết lập nhằm mục đích giúp đơn vị kiểm soát các rủi ro mà đơn vị có thể gặp phải. Các thủ tục kiểm soát này được thiết kế tùy thuộc vào nét đặc thù của cơ cấu tổ chức, của hoạt động kinh doanh... Chúng thường được xây dựng trên 3 nguyên tắc: Nguyên tắc phân công, phân nhiệm, nguyên tắc bất kiêm nhiệm, nguyên tắc ủy quyền và phê chuẩn.

- Nguyên tắc phân công, phân nhiệm

Theo nguyên tắc này, công việc và trách nhiệm cần được phân chia cho nhiều người trong một bộ phận hoặc nhiều bộ phận cùng thực hiện. Mục đích của việc làm này là không cho một cá nhân hay một bộ phận nào được thực hiện một nghiệp vụ từ khâu đầu tới khâu cuối. Cơ sở của nguyên tắc này là trong chế độ nhiều người cùng làm việc, các sai sót dễ bị phát hiện hơn và các

gian lận khó xảy ra hơn. Việc phân công, phân nhiệm còn có tác dụng tạo ra sự chuyên môn hóa, giúp cho việc kiểm tra, thúc đẩy nhau trong công việc.

- Nguyên tắc bất kiêm nhiệm

Nguyên tắc này nhằm ngăn ngừa các hành vi lạm dụng quyền hạn. Cụ thể, không được bố trí kiêm nhiệm giữa các nhiệm vụ như phê chuẩn và thực hiện nghiệp vụ, kế toán và bảo vệ tài sản, hay không thể kiêm nhiệm giữa chức năng thực hiện và chức năng kiểm soát.

Nguyên tắc này xuất phát từ mối quan hệ đặc biệt ở các nhiệm vụ mà nếu có sự kiêm nhiệm thì dễ dàng dẫn đến sự lạm dụng, và việc ngăn ngừa hay phát hiện gian lận sẽ rất khó khăn. Chẳng hạn nếu để kế toán tiền mặt kiêm thủ quỹ thì họ rất dễ điều chỉnh sổ sách để che giấu hành vi tham ô tiền quỹ.

Thông thường, chế độ kế toán các nước quy định các đơn vị không được bố trí cán bộ kế toán kiêm nhiệm thủ quỹ, thủ kho và các công tác phụ trách vật chất khác.

- Nguyên tắc ủy quyền và phê chuẩn

Ủy quyền là việc nhà quản lý giao quyền quyết định và giải quyết một số công việc trong một phạm vi nhất định cho thuộc cấp.

Phê chuẩn là biểu hiện cụ thể của việc ra quyết định và giải quyết một số công việc trong một phạm vi quyền hạn được giao.

Trong quá trình hoạt động của đơn vị, các nhà quản lý không thể và cũng không nên trực tiếp giải quyết mọi vấn đề phát sinh mà nên có sự phân chia quyền lực cho các cấp, đồng thời xác định rõ thẩm quyền phê chuẩn của từng cấp. Việc làm này một mặt giúp cho các hoạt động của đơn vị tiến triển thuận lợi, mặt khác giúp cho nhà quản lý vẫn có thể kiểm soát và hạn chế được sự tùy tiện khi giải quyết công việc.

Các thủ tục kiểm soát chủ yếu bao gồm:

1.2.3.1 Phân chia trách nhiệm đầy đủ

Phân chia trách nhiệm là không cho phép một thành viên nào được giải quyết mọi mặt của nghiệp vụ từ khi hình thành cho đến khi kết thúc. Chẳng

hạn, không thành viên nào được kiêm nhiệm các chức năng phê chuẩn, thực hiện, ghi chép nghiệp vụ và bảo quản tài sản.

Mục đích của phân chia trách nhiệm nhằm để các nhân viên kiểm soát lẫn nhau, nếu có các sai sót xảy ra sẽ được phát hiện nhanh chóng, đồng thời giảm cơ hội cho bất kỳ thành viên nào trong quá trình thực hiện nhiệm vụ có thể gây ra và giấu giếm những sai phạm của mình.

1.2.3.2 Kiểm soát quá trình xử lý thông tin và các nghiệp vụ

Để thông tin đáng tin cậy cần phải thực hiện nhiều hoạt động kiểm soát nhằm kiểm tra tính xác thực, đầy đủ và việc phê chuẩn các nghiệp vụ.

Khi kiểm tra quá trình xử lý thông tin, cần đảm bảo: kiểm soát chặt chẽ hệ thống chứng từ, sổ sách kế toán và đảm bảo việc phê chuẩn các nghiệp vụ phải đúng đắn. Cụ thể:

* Kiểm soát hệ thống chứng từ, sổ sách kế toán, cần lưu ý các vấn đề sau đây:

- Các chứng từ phải được đánh số liên tục trước khi sử dụng để có thể kiểm soát, tránh thất lạc và dễ dàng truy cập khi cần thiết.

- Chứng từ cần được lập ngay khi nghiệp vụ xảy ra, hoặc càng sớm càng tốt.

- Cần thiết kế chứng từ đơn giản, rõ ràng, dễ hiểu và có thể sử dụng cho nhiều công dụng khác. Thí dụ, hóa đơn bán hàng là căn cứ để tính tiền cho khách hàng, ghi nhận doanh thu vào sổ sách, thống kê hàng bán và tính hoa hồng bán hàng.

- Phải tổ chức luân chuyển chứng từ khoa học và kịp thời, nghĩa là chứng từ chỉ đi qua những bộ phận có liên quan đến nghiệp vụ, và chứng từ phải được xử lý nhanh chóng để chuyển cho bộ phận tiếp theo.

- Sổ sách cần phải đóng chắc chắn, đánh số trang, quy định nguyên tắc ghi chép, có đầy đủ chữ ký của người kiểm soát.

- Tổ chức lưu trữ, bảo quản tài liệu kế toán khoa học, an toàn, đúng quy định và dễ dàng truy cập khi cần thiết.

* Phê chuẩn đúng đắn cho các nghiệp vụ hoặc hoạt động.

Cần đảm bảo là tất cả các nghiệp vụ hoặc hoạt động phải được phê chuẩn bởi một nhân viên quản lý trong phạm vi quyền hạn cho phép. Bởi lẽ

nếu bất kỳ ai trong đơn vị cũng đều có quyền mua sắm hoặc sử dụng tài sản thì sự hỗn loạn tất yếu sẽ xảy ra. Sự phê chuẩn có thể được chia thành 2 loại là phê chuẩn chung và phê chuẩn cụ thể.

+ Phê chuẩn chung là trường hợp nhà quản lý ban hành các chính sách để áp dụng cho toàn đơn vị. Thí dụ Ban giám đốc ban hành bảng giá bán sản phẩm, dịch vụ hoặc hạn mức bán chịu cho khách hàng ... Sau đó, nhân viên cấp dưới căn cứ chính sách đó để xét duyệt các nghiệp vụ trong giới hạn mà chính sách cho phép.

+ Phê chuẩn cụ thể là trường hợp người quản lý xét duyệt từng nghiệp vụ riêng biệt chứ không đưa ra chính sách chung nào. Phê chuẩn cụ thể được áp dụng cho những nghiệp vụ không thường xuyên phát sinh, thí dụ phê chuẩn việc mua sắm máy móc thiết bị... Phê chuẩn cụ thể cũng được áp dụng đối với những nghiệp vụ thường xuyên nhưng có số tiền vượt khỏi giới hạn cho phép của chính sách chung, thí dụ các nghiệp vụ bán chịu có số tiền lớn trên một mức ấn định nào đó.

Các cá nhân hoặc bộ phận được ủy quyền để thực hiện sự phê chuẩn phải có chức vụ tương xứng với tính chất và tầm quan trọng của nghiệp vụ.

1.2.3.3 Kiểm soát vật chất

Hoạt động này được thực hiện cho các loại sổ sách và tài sản, kể cả những ấn chỉ đã được đánh số trước nhưng chưa sử dụng, cũng như cần hạn chế sự tiếp cận với các chương trình tin học và những hồ sơ dữ liệu.

Thí dụ: tài sản có thể được kiểm soát bằng cách sử dụng tủ sắt, khóa, tường rào, lực lượng bảo vệ ... và chỉ những người được ủy quyền mới được phép tiếp cận với tài sản của đơn vị.

Việc so sánh, đối chiếu giữa sổ sách kế toán và tài sản hiện có trên thực tế bắt buộc phải được thực hiện định kỳ. Khi có bất kỳ chênh lệch nào, cũng cần phải điều tra và xem xét nguyên nhân, nhờ đó sẽ phát hiện được những yếu kém về các thủ tục bảo vệ tài sản và sổ sách có liên quan. Nếu không thực hiện công việc này thì tài sản có thể bị bỏ phế, mất mát hoặc có thể không phát hiện được những hành vi đánh cắp.

1.2.3.4 Kiểm tra độc lập việc thực hiện

Là việc kiểm tra được tiến hành bởi các cá nhân (bộ phận) khác với cá nhân (bộ phận) đang thực hiện nghiệp vụ. Nhu cầu phải kiểm tra độc lập xuất phát từ hệ thống KSNB có khuynh hướng bị giảm sút tính hữu hiệu trừ khi có một cơ chế thường xuyên kiểm tra rà soát lại. Thí dụ nhân viên có thể quên, hoặc vô ý không tuân thủ các thủ tục hoặc bất cẩn trong công việc và cần có một người quan sát để đánh giá việc thực hiện công việc của họ. Hơn nữa, ngay cả khi chất lượng kiểm soát tốt vẫn có khả năng xảy ra những hành vi tham ô hay cố tình sai phạm, vì thế hoạt động này rất cần thiết.

1.2.3.5 Phân tích soát xét lại việc thực hiện

Hoạt động này chính là xem xét lại những việc đã được thực hiện bằng cách so sánh số thực tế với số liệu kế hoạch, dự toán, kỳ trước, và các dữ liệu khác có liên quan như những thông tin không có tính chất tài chính, đồng thời còn xem xét trong mối liên hệ với tổng thể để đánh giá quá trình thực hiện. Soát xét lại quá trình thực hiện giúp nhà quản lý biết được một cách tổng quát là mọi thành viên có theo đuổi mục tiêu của đơn vị một cách hữu hiệu và hiệu quả hay không? Nhờ thường xuyên nghiên cứu về những vấn đề bất thường xảy ra trong quá trình thực hiện, nhà quản lý có thể thay đổi kịp thời chiến lược, kế hoạch hoặc có những điều chỉnh thích hợp.

1.3. Kiểm soát chi phí trong doanh nghiệp xây lắp

1.3.1. Khái niệm và phân loại chi phí trong doanh nghiệp xây lắp

1.3.1.1. Khái niệm chi phí

Chi phí là toàn bộ các hao phí về lao động sống và lao động vật hóa được biểu hiện bằng tiền phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh của đơn vị mà đơn vị đã bỏ ra trong một kỳ nhất định (tháng, quý, năm).

1.3.1.2. Phân loại chi phí trong doanh nghiệp xây lắp

Trong một đơn vị, chi phí có thể được phân loại theo nhiều tiêu thức khác nhau. Mỗi tiêu thức phân loại chi phí có ý nghĩa riêng đối với hoạt động của đơn vị. Phân loại chi phí là bước đầu để quản lý và sử dụng chi phí một cách hiệu quả. Có thể phân loại chi phí như sau:

a) Phân loại chi phí theo tính chất kinh tế

Theo tính chất kinh tế, các chi phí xây lắp được phân loại thành các yếu tố chi phí, trong mỗi yếu tố chi phí bao gồm những chi phí chung có cùng tính chất kinh tế hay nói cách khác phân loại chi phí xây lắp theo tính chất kinh tế là sắp xếp những chi phí có chung tính chất kinh tế vào một yếu tố, không kể chi phí đó phát sinh ở đâu, dùng vào mục đích gì trong sản xuất sản phẩm.

Theo cách phân loại này thì toàn bộ các chi phí xây lắp của doanh nghiệp xây lắp được chia ra 7 yếu tố chi phí cơ bản sau:

- Yếu tố chi phí nguyên liệu, vật liệu.
- Yếu tố chi phí nhiên liệu, động lực.
- Yếu tố chi phí tiền lương và các khoản phụ cấp.
- Yếu tố chi phí BHXH, BHYT, KPCĐ.
- Yếu tố chi phí khấu hao TSCĐ.
- Yếu tố chi phí dịch vụ mua ngoài.
- Yếu tố chi phí bằng tiền khác.

Phân loại chi phí xây lắp theo yếu tố giúp ta biết được những chi phí gì đã dùng vào sản xuất và tỷ trọng của từng khoản chi phí đó là bao nhiêu để phân tích, đánh giá tình hình thực hiện dự toán chi phí xây lắp, từ đó cung cấp tài liệu để tổng hợp tính toán.

b) Phân loại chi phí theo mục đích và công dụng kinh tế

Căn cứ vào ý nghĩa chi phí trong giá thành sản phẩm đồng thời để có thể so sánh, kiểm tra chi phí xây lắp thực tế phát sinh so với dự toán. Chi phí xây lắp được phân loại theo mục đích và công dụng của chi phí.

Theo cách phân loại này thì căn cứ vào mục đích và công dụng cả chi phí trong sản xuất để chia ra các khoản mục chi phí khác nhau, mỗi khoản mục chi phí bao gồm những chi phí có cùng mục đích và công dụng không phân biệt chi phí đó có nội dung kinh tế và công dụng như thế nào. Do vậy phân loại này còn được gọi là phân loại chi phí theo khoản mục. Trong doanh nghiệp xây lắp toàn bộ chi phí xây lắp phát sinh trong kỳ được chia ra làm các khoản mục chi phí sau:

- Chi phí vật liệu trực tiếp là chi phí của các vật liệu chính, vật kết cấu, vật liệu phụ, vật liệu luân chuyển, bán thành phẩm ... cần thiết để tạo nên sản phẩm xây lắp.

- Chi phí nhân công trực tiếp là toàn bộ những chi phí về tiền lương, tiền công và các khoản phụ cấp có tính chất lương của công nhân trực tiếp xây lắp, không tính vào khoản mục này số tiền lương, tiền công và các khoản trích theo lương của công nhân sử dụng máy thi công, nhân viên quản lý, nhân viên bán hàng.

- Chi phí sử dụng máy thi công là những chi phí phát sinh liên quan đến việc sử dụng máy thi công để thực hiện khối lượng xây lắp. Khoản mục này bao gồm 6 khoản mục: chi phí nhân công, chi phí vật liệu, chi phí công cụ dụng cụ, chi phí khấu hao máy thi công, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác.

- Chi phí sản xuất chung là những chi phí dùng cho hoạt động sản xuất chung ở các đội thi công ngoài 3 khoản mục đã nêu trên gồm 6 khoản: chi phí phải trả cho quản lý như tiền lương và các khoản trích theo lương, chi phí vật liệu, chi phí công cụ dụng cụ, chi phí khấu hao TSCĐ, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác.

Phân loại chi phí theo đúng mục đích và công dụng kinh tế có tác dụng phục vụ cho yêu cầu quản lý chi phí xây lắp theo định mức, cung cấp số liệu cho việc tính giá thành sản phẩm xây lắp, phân tích tình hình thực hiện kế hoạch giá thành.

c) Phân loại chi phí theo phương pháp tập hợp chi phí và mối quan hệ với đối tượng chịu chi phí

Theo các phân loại này thì chi phí xây lắp được phân thành hai loại.

- Chi phí trực tiếp là những chi phí xây lắp quan hệ trực tiếp với việc xây lắp công trình, hạng mục công trình, một khối lượng công việc nhất định. Căn cứ vào số liệu từ chứng từ kế toán để ghi trực tiếp cho từng đối tượng chịu chi phí.

- Chi phí gián tiếp là những chi phí xây lắp có liên quan đến việc xây lắp nhiều công trình, nhiều hạng mục công trình, nhiều khối lượng công việc.

Những chi phí này phải thông qua phân bổ cho các đối tượng chịu chi phí có liên quan theo một tiêu thức thích hợp.

Cách phân loại chi phí xây lắp có ý nghĩa trong việc xác định phương pháp kế toán thích hợp và phân bổ chi phí cho các đối tượng một cách đúng đắn, hợp lý.

1.3.2 Đặc điểm về hoạt động kinh doanh xây lắp ảnh hưởng đến công tác kiểm soát nội bộ chi phí xây lắp

1.3.2.1 Đặc điểm về sản phẩm xây lắp

Xây lắp là một hoạt động xây dựng mới, mở rộng, khôi phục, cải tạo lại hay hiện đại hóa các công trình dân dụng, công nghiệp ... nhằm phục vụ cho sản xuất và đời sống xã hội. Việc tổ chức hay lựa chọn nhà thầu thi công qua phương thức đấu thầu hoặc chỉ định thầu.

Cũng như mọi hoạt động khác, hoạt động kinh doanh xây lắp có những đặc điểm riêng biệt ảnh hưởng đến quản lý và kiểm soát.

Một là, sản phẩm xây lắp là những công trình, vật kiến trúc ... có quy mô và kết cấu phức tạp.

Đối với công trình đường dây thì việc thi công rất khó khăn cho việc vận chuyển, sử dụng, bảo quản vật liệu, máy thi công, chịu ảnh hưởng của thời tiết và địa hình phong tục tập quán của địa phương. Khó kiểm soát số lượng cũng như chất lượng nguyên vật liệu đã sử dụng.

Sản phẩm xây lắp mang tính đơn chiếc, thời gian sản xuất lâu dài, dễ ảnh hưởng của môi trường sinh thái. Những đặc điểm này làm cho việc tổ chức sản xuất và hạch toán khác biệt với các ngành kinh doanh sản xuất khác. Chi phí xây lắp không chỉ phụ thuộc vào quy mô (khối lượng xây lắp) mà còn phụ thuộc vào tiến độ thi công, rủi ro do thiên tai, mất mát vật tư thiết bị sản xuất. Sản phẩm xây lắp phải lập dự toán. Thực hiện thi công xây lắp công trình phải theo quy định về quản lý đầu tư do Nhà nước ban hành, tổ chức thi công theo đúng quy trình kỹ thuật, khối lượng, chất lượng thi công theo hồ sơ thiết kế, dự toán được duyệt.

Hai là, sản phẩm xây lắp cố định tại nơi sản xuất còn điều kiện sản xuất (máy thi công, thiết bị vật tư, người lao động ...) phải di chuyển theo địa

điểm đặt sản phẩm. Đặc điểm này làm cho quá trình kiểm soát chất lượng số lượng vật tư, lao động đã xuất kho cho quá trình thi công cũng như hạch toán chi phí sản xuất rất phức tạp và chịu ảnh hưởng của môi trường, dễ tổn thất, hư hỏng...

Ba là, sản phẩm xây lắp được sử dụng lâu dài chịu ảnh hưởng của môi trường sinh thái, cảnh quan. Sau khi hoàn thành, sản phẩm xây lắp rất khó thay đổi. Khi nghiệm thu nếu không đạt chất lượng như thiết kế thì phải phá đi làm lại, làm cho chi phí sản xuất tăng lên. Vì vậy việc quản lý, giám sát thi công và hạch toán cần được tổ chức chặt chẽ, đảm bảo chất lượng công trình phù hợp với dự toán thiết kế.

1.3.2.2 Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của các công ty (doanh nghiệp) xây lắp

Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý của các công ty xây lắp rất đa dạng và có sự thay đổi, do sản phẩm xây lắp có đặc thù riêng so với sản phẩm công nghiệp khác.

Đặc thù riêng của sản phẩm xây lắp là các công trình phát sinh nhiều nơi, thời gian thi công kéo dài. Vì vậy, khi có công trình tùy theo cơ chế quản lý và phân cấp tài chính thì công ty có thể thành lập các đội, bộ phận quản lý trực tiếp thi công. Khi công trình hoàn thành thì bộ phận này có thể được giải tán. Do đó bộ phận lao động của công ty có thể tăng lên hay giảm xuống. Mặt khác quyền và nghĩa vụ của các bộ phận thành viên cũng không nhất quán tùy theo cơ chế quản lý của từng công ty.

1.3.2.3 Đặc điểm chi phí xây lắp trong hoạt động xây lắp

Theo định nghĩa về chi phí thì chi phí bao gồm chi phí trực tiếp và chi phí gián tiếp.

Chi phí trực tiếp là chi phí kết tinh trong sản phẩm xây lắp gồm: chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công, chi phí máy thi công, chi phí sản xuất chung.

Điểm khác biệt của chi phí trong xây lắp so với các sản phẩm khác là chi phí máy thi công. Chi phí máy thi công đối với công trình đường dây là lớn và khó kiểm soát.

Theo khoản mục, chi phí sản xuất xây lắp được phân chia thành các loại:

- Chi phí nguyên vật liệu: là toàn bộ giá trị nguyên vật liệu chính, phụ và các cấu kiện bê tông đúc sẵn (vật liệu xây dựng, vật liệu điện, nước, các thiết bị cần lắp) dùng để xây lắp công trình.

Vật liệu xây dựng gồm: xi măng, sắt thép, cát, đá, gạch....

Vật tư điện gồm: dây điện các loại, cáp sứ, tủ điện, đồng hồ, trụ bê tông, hệ thống công tắc, automat....

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp chiếm tỷ trọng lớn khoảng từ 55% - 70% giá trị công trình.

- Chi phí nhân công trực tiếp: là khoản tiền lương, tiền công và các khoản trích theo lương cho công nhân trực tiếp thi công, khoản mục chi phí này thường chiếm khoảng 20% - 30% giá trị công trình. Đối với công trình cải tạo, nâng cấp thì chi phí nhân công thường chiếm tỷ trọng lớn hơn.

Khoản mục này bao gồm: tiền lương chính của công nhân trực tiếp tham gia thi công xây dựng công trình và các khoản trích theo lương như tiền thưởng, tiền ăn ca, tiền phụ cấp...

- Chi phí máy thi công: chi phí máy thi công gồm toàn bộ chi phí về vật tư, lao động, khấu hao, chi phí trực tiếp bằng tiền như mua xăng dầu phục vụ cho hoạt động thi công.

Chi phí máy thi công bao gồm các loại: chi phí tạm thời, chi phí thường xuyên.

+ Chi phí tạm thời: là những chi phí có liên quan đến việc tháo lắp, chạy thử, vận chuyển máy thi công và chi về những công trình tạm thời phục vụ máy thi công. Chi phí này phân bổ dần theo thời gian máy ở công trường.

+ Chi phí thường xuyên: là những chi phí hằng ngày cần thiết cho việc sử dụng máy thi công, gồm: khấu hao máy móc thiết bị, chi phí thuê máy móc thiết bị, lương của công nhân điều khiển, nhiên liệu, phí tổn sửa chữa... và các chi phí khác.

Trong chi phí máy thi công không bao gồm các khoản mục: tiền lương của công nhân vận chuyển, phân phối nhiên liệu cho máy, chi phí lắp đặt lần

đầu, chi phí sử dụng cho sản xuất phụ, phí tổn sửa chữa thường xuyên và các khoản trích theo lương của công nhân vận hành máy thi công.

- Chi phí sản xuất chung: là chi phí chung khác liên quan đến việc quản lý công trình, trong phạm vi tổ, đội sản xuất thi công xây lắp, bao gồm: chi phí tiền lương và các khoản chi phí khác cho nhân viên quản lý công trình, dụng cụ dùng cho quản lý công trình, chi phí làm lán trại..., các khoản trích theo lương của công nhân vận hành máy thi công, công nhân xây lắp.

Ngoài ra, trong xây lắp thường phát sinh các khoản thiệt hại: thiệt hại về ngừng sản xuất, do thiên tai, phá đi làm lại. Đây là những khoản chi phí không có trong kế hoạch và dự toán, là một nhân tố làm tăng giá thành sản phẩm xây lắp.

Đối với các khoản thiệt hại do thiên tai và phá đi làm lại do không đúng kỹ thuật thiết kế vượt quá công suất bình thường thì không được tính vào chi phí sản xuất sản phẩm xây lắp.

1.3.3 Tổ chức hệ thống thông tin phục vụ KSNB chi phí xây lắp trong các doanh nghiệp xây lắp

Để kiểm soát cần phải có thông tin đầy đủ, một hệ thống thông tin đầy đủ phải có hai nhân tố đó là: thông tin dự toán và thông tin thực hiện. Dựa vào hai hệ thống thông tin đó chúng ta mới thực hiện được thủ tục phân tích, đánh giá kết quả thực hiện chi phí sản xuất là tốt hay xấu và nguyên nhân gây ra.

1.3.3.1 Tổ chức hệ thống thông tin dự toán

Trong các doanh nghiệp xây lắp, đối tượng cần lập dự toán là các hạng mục công trình và công trình xây lắp. Hệ thống thông tin dự toán này chính là hệ thống định mức cho các khoản mục: chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí máy thi công, chi phí sản xuất chung.

Định mức chi phí trong các công trình xây lắp là thước đo việc thực hiện chi phí trong hoạt động xây dựng tại công trình.

Trong xây lắp, hệ thống định mức chi phí bao gồm: định mức chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, định mức chi phí nhân công trực tiếp, định mức chi phí máy thi công, định mức chi phí sản xuất chung. Một điều thuận lợi trong việc xây dựng định mức chi phí cho các công trình xây lắp là Bộ Xây dựng đã

ban hành hệ thống định mức xây lắp về đơn giá vật liệu và hệ số nhân công do Sở Tài chính quy định.

* Định mức chi phí nguyên vật liệu trực tiếp bao gồm định mức về giá và lượng cho 1 khối lượng thi công.

Các định mức về lượng về một đơn vị khối lượng thi công trong các công trình xây lắp được xác định rất chuẩn xác trên cơ sở tính toán và thí nghiệm của các chuyên gia trong ngành.

Định mức về giá cho một đơn vị lượng là mức giá niêm yết tại Sở Xây dựng và Sở Tài chính của địa phương mà công trình tọa lạc tại thời điểm lập dự toán.

$$\text{Tổng dự toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp} = \frac{\text{tổng lượng vật liệu } i}{\text{vật liệu } i} \times \text{giá vật liệu } i$$

Trong các hạng mục công trình, mỗi hạng mục có nhiều quy định riêng về khối lượng. Để lập được dự toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp cho các công trình thì các kỹ sư sẽ căn cứ vào bản vẽ kỹ thuật của công trình.

Trong dự toán chi phí thì lượng vật liệu rất ổn định nhưng giá nguyên vật liệu lại biến động, bởi vì các công trình này thường thực hiện trong một thời gian dài. Vì vậy lập dự toán để có tính thực tế và khả thi khi công trình hoàn thành cần có sự điều chỉnh chênh lệch giá giữa thời điểm hoàn thành và thời điểm lập dự toán để đảm bảo tính khách quan cho quá trình kiểm soát.

* Định mức chi phí nhân công trực tiếp bao gồm định mức giá và định mức khối lượng cho một khối lượng xây lắp.

Giống như chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, định mức về lương (ngày công) cho chi phí nhân công trực tiếp (ngày công) cho đơn vị khối lượng xây lắp được quy định rõ trong các tiêu chuẩn với một trình độ nhân công thích hợp. Tuy nhiên, định mức này chỉ có tính tương đối. Bởi vì, lượng chi phí nhân công còn phụ thuộc vào các yếu tố: tâm lý công nhân, thời tiết, trình độ tay nghề, sức khỏe...

Định mức về giá của chi phí nhân công trực tiếp là ổn định. Bởi vì tiền lương của công nhân thường được thỏa thuận trước và ổn định cho đến khi công

trình kết thúc. Nó bao gồm đơn giá tiền lương, phụ cấp và các khoản trích theo lương.

$$\text{Tổng dự toán chi phí nhân công trực tiếp} = \frac{\text{tổng lượng (ngày công) lao động}}{\text{lao động}} \times \text{đơn giá lao động}$$

* Định mức chi phí sử dụng máy thi công bao gồm các định mức về tiền lương công nhân vận hành máy thi công, nhiên liệu, vật liệu chạy máy và khấu hao máy. Đây là những biến phí thay đổi theo số giờ (ca máy) hoạt động của máy. Định mức của yếu tố chi phí này bao gồm định mức về giá và lượng.

$$\text{Tổng dự toán biến phí sử dụng máy thi công} = \frac{\text{tổng số giờ máy (ca máy) hoạt động}}{\text{máy) hoạt động}} \times \text{đơn giá}$$

Khấu hao máy thi công là định phí không thay đổi theo số giờ máy (ca máy) hoạt động mà thay đổi theo tiến độ thi công.

Tổng khấu hao máy thi công được tính dựa vào tỷ lệ khấu hao cụ thể của từng máy thi công sử dụng chung cho cả công trình.

$$\text{Tổng dự toán chi phí sử dụng máy thi công} = \frac{\text{tổng dự toán biến phí sử dụng máy thi công}}{\text{phí sử dụng máy thi công}} \times \frac{\text{tổng dự toán định phí sử dụng máy thi công}}{\text{định phí sử dụng máy thi công}}$$

* Định mức chi phí sản xuất chung khác trong công trình bao gồm định mức các yếu tố biến phí, định phí và chi phí hỗn hợp. Định mức định phí như tiền lương, các khoản trích theo lương của nhân viên quản lý công trình, chi phí lán trại, khấu hao TSCĐ dùng cho bộ phận quản lý công trình... Định mức biến phí như các khoản trích theo lương của công nhân vận hành máy thi công, công nhân xây lắp trực tiếp... Các định mức hỗn hợp có thể là: tiền điện, tiền nước phục vụ chi xây dựng công trình....

1.3.3.2 Tổ chức hệ thống thông tin thực hiện

Tổ chức hệ thống thông tin thực hiện chi phí sản xuất trong các doanh nghiệp xây lắp là đi tổ chức hệ thống thông tin kế toán cho việc đo lường các chi phí sản xuất thực tế phát sinh trong quá trình thi công các công trình.

Kết quả của quá trình thực hiện chi phí trong các công trình được ghi chép và đo lường qua hệ thống hạch toán kế toán trong mỗi công trình theo thước đo hiện vật và giá trị.

Kết quả của quá trình thực hiện chi phí phải được đo lường cụ thể, khoa học và có hệ thống theo từng loại công việc, từng giai đoạn và phù hợp với số liệu dự toán về cả nội dung và phương pháp tính toán.

Hệ thống thông tin kế toán là quá trình thực hiện chi phí sản xuất bao gồm: hệ thống thông tin tài chính và hệ thống thông tin kế toán quản trị.

Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất là từng hạng mục công trình nhỏ như móng, trụ.... Đối tượng tính giá thành là các hạng mục công trình lớn như phần xây lắp, đường dẫn...

Trong quá trình thi công, khi phát sinh chi phí kế toán công trình phải căn cứ chứng từ hợp lệ, hợp pháp để hạch toán vào các khoản mục chi phí cụ thể cho từng hạng mục công trình. Định kỳ, kế toán sẽ tổng hợp chi phí và lập báo cáo để phục vụ cho công tác kiểm soát chi phí tại công trình..

Khi công trình hoàn thành thì kế toán tổng hợp chi phí phát sinh và tính giá thành chi từng hạng mục công trình lớn và toàn công trình trên bảng tính giá thành sản phẩm.

Phương pháp sử dụng để tập hợp chi phí cho từng hạng mục công trình là phương pháp trực tiếp và phương pháp để tính giá thành sản phẩm là phương pháp tổng cộng chi phí.

Hệ thống thông tin trong một công trình xây lắp bao gồm nhiều phân hệ trong đó hệ thống thông tin kế toán và hệ thống thông tin kỹ thuật nghiệp vụ là bộ phận quan trọng cho việc kiểm soát chi phí. Hệ thống thông tin kế toán bao gồm: chứng từ, sổ sách, báo cáo kế toán. Hệ thống thông tin kỹ thuật nghiệp vụ: nhật ký công trình, tiến độ thi công, báo cáo khối lượng thi công hoàn thành....

Chứng từ kế toán có chức năng thông tin và kiểm tra chi phí thực tế phát sinh qua các nghiệp vụ thi công. Việc kiểm soát được thực hiện qua từng nội dung kinh tế từng nghiệp vụ và qua các yếu tố: số lượng và đơn giá từng loại chi phí phát sinh.

Sổ chi tiết được mở theo nhiều hướng. Theo loại chi phí, theo hạng mục công trình, từng công trình, theo đơn vị thực hiện. Qua đó thực hiện chức năng kiểm soát chi phí. Sổ tổng hợp được mở cho từng tài khoản vừa đáp ứng yêu cầu của kế toán tài chính, vừa đáp ứng yêu cầu quản trị.

Báo cáo kế toán bao gồm các báo cáo kế toán tài chính và kế toán quản trị phục vụ yêu cầu kiểm soát từ bên trong và cả bên ngoài kể cả phân tích chi phí.

1.3.4 Các thủ tục KSNB chi phí xây lắp trong quá trình xây lắp

Thủ tục kiểm soát là toàn bộ các quy trình, các chính sách do nhà quản lý thiết lập nhằm mục đích giúp đơn vị kiểm soát các rủi ro có thể gặp phải.

Để kiểm soát chi phí xây lắp cần phải có các thủ tục kiểm soát hữu hiệu, các thủ tục đó phải kiểm soát ngay lúc chi phí phát sinh (kiểm soát hiện hành) như: kiểm soát đơn giá mua vật liệu thông qua việc lựa chọn nhà cung cấp, kiểm soát chất lượng, số lượng vật tư lúc nhập kho và số lượng vật tư khi đưa vào sử dụng, kiểm soát năng suất máy thi công... nhưng để hiệu quả hơn cần phải thực hiện phân tích, rà soát bằng cách tổng hợp so sánh chi phí xây lắp thực tế phát sinh với dự toán qua đó phân tích tìm nguyên nhân của sự biến động, phương án điều chỉnh thủ tục kiểm soát phù hợp hơn, đồng thời xác định trách nhiệm của từng cá nhân, bộ phận trong quá trình thực hiện chi phí xây lắp.

1.3.4.1 Các thủ tục kiểm soát chi phí xây lắp hiện hành

a) Thủ tục kiểm soát chi phí nguyên vật liệu

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tại công ty bao gồm những loại như: sắt thép, cáp sứ...

Mục tiêu kiểm soát chi phí nguyên vật liệu trực tiếp không chỉ là tiết kiệm tối đa các chi phí mà đồng thời cũng phải đảm bảo chất lượng sản phẩm xây lắp đúng kỹ thuật, chất lượng.

Thủ tục kiểm soát chất lượng nguyên vật liệu: tại mỗi công trình trước khi tiến hành thi công, phòng kế hoạch sẽ căn cứ vào dự toán để lên kế hoạch về số lượng, chất lượng của từng loại vật liệu cần mua theo từng hạng mục công trình cũng như thời điểm đặt hàng. Kế hoạch này được ban giám đốc xét duyệt triển khai và quán triệt việc thực hiện.

Thủ tục kiểm soát giá cả: khi trúng thầu hay được chỉ định thầu một công trình trên cơ sở dự toán nhà quản lý sẽ gửi yêu cầu đến các nhà cung ứng vật tư báo giá, từ đó lựa chọn nhà cung ứng đảm bảo được chất lượng như thiết kế, giá cả thấp và các chính sách, chiết khấu, vận chuyển, thanh toán.

Khi có nhu cầu vật tư, các đội sẽ làm giấy đề nghị cấp vật tư, thủ trưởng đơn vị xét duyệt và báo với nhà cung cấp. Việc thanh toán sẽ được thực hiện độc lập bởi phòng kế toán trên cơ sở ký kết hợp đồng.

Thủ tục kiểm soát sử dụng vật tư: định kỳ và đột xuất, nhà quản lý sẽ lập ra ban kiểm kê để thống kê số lượng xây lắp hoàn thành và căn cứ vào định mức để tính khối lượng nguyên vật liệu hao hụt so với định mức.

Đồng thời căn cứ vào đó để kiểm tra lượng nguyên vật liệu tồn đầu kỳ, nhập trong kỳ, lượng nguyên vật liệu còn trong kho để kiểm tra xem lượng hao hụt và từ đó tìm ra nguyên nhân lượng vật tư thất thoát do đâu.

b) Thủ tục kiểm soát chi phí nhân công

Cuối tháng các tổ trưởng sẽ tổng hợp số ngày công thực tế làm của họ và đưa lên phòng tổ chức, phòng tổ chức sẽ tiếp nhận bảng chấm công, bảng tổng hợp xếp loại... từ các phân xưởng, đội thi công tiến hành kiểm tra xác nhận ký duyệt. Sau đó phòng tổ chức sẽ cập nhật thông tin vào máy tính, đưa vào phần mềm chấm công dựa trên số giờ làm và ngày công làm việc của công nhân vào bảng tính lương. Phòng tổ chức có nhiệm vụ kiểm soát chặt chẽ chi phí tiền lương cho CBCNV và các chế độ liên quan cho người lao động, hạn chế tối đa việc khai không tiền lương

Ở công ty, việc tính và trả lương cho người lao động được tiến hành theo hai hình thức:

+ Trả lương theo thời gian

Công ty áp dụng hình thức này đối với những nhân viên làm việc gián tiếp như: vận chuyển nguyên vật liệu, bốc xếp vật tư thành phẩm..... Vì vậy nên công ty không xây dựng định mức lương cho công nhân mà công ty dựa trên khối lượng, chất lượng công việc mà họ hoàn thành.

+ Trả lương theo sản phẩm

Áp dụng cho công nhân trực tiếp thi công xây lắp, sản xuất sản phẩm. Mỗi xí nghiệp đều xây dựng một đơn giá sản phẩm riêng dựa trên thời gian làm việc thực tế và khối lượng sản phẩm hoàn thành mà họ làm ra để tính lương. Hình thức trả lương này công ty dựa trên độ phức tạp, trách nhiệm, mức độ hoàn thành công việc... và công ty sử dụng hai hình thức khoán như sau:

- Khoán theo thời gian.
- Khoán theo sản phẩm.

Việc ghi chép, phản ánh chi phí nhân công căn cứ vào: Bảng chấm công, Bảng nghiệm thu kỹ thuật, Phiếu xác nhận khối lượng sản phẩm hoàn thành.

Ở công ty đã có phân định rõ ràng giữa các chức năng khác nhau như quản lý nhân sự, ghi chép, chất lượng, phát lương, chẳng hạn:

+ Đối với công nhân gián tiếp thi công công trình được công ty quản lý ở phòng tổ chức hành chính. Mọi sự thay đổi về nhân sự văn phòng chịu trách nhiệm thông báo cho Ban giám đốc và phòng kế toán biết để tạo thuận lợi cho việc theo dõi cũng như tính lương.

+ Đối với công nhân trực tiếp thi công cũng có sự phân nhiệm rõ ràng, nhất là số công nhân thuê ngoài. Số lượng công nhân này được quản lý bởi đội trưởng đội thi công và được phân thành từng tổ, tổ trưởng có trách nhiệm theo dõi, quản lý số công nhân mà mình đảm trách.

Cuối tháng từng bộ phận trong công ty sẽ phụ trách về việc chấm công cho các nhân viên thuộc bộ phận mình, kế toán căn cứ vào Bảng chấm công để lập Bảng tính lương, trình kế toán trưởng ký, sau đó trình giám đốc duyệt rồi mới đưa cho thủ quỹ phát lương. Khi phát lương, thủ quỹ căn cứ vào số

tiền lương đã duyệt mà phát cho công nhân viên và yêu cầu người nhận ký, ghi rõ số tiền bằng chữ.

Thủ tục kiểm soát năng suất lao động: định kỳ và cuối tháng kế toán dựa vào số lượng ngày công đã kiểm tra để tính ra chi phí nhân công phát sinh trong kỳ, đồng thời thống kê khối lượng công việc hoàn thành từ đó sẽ tính toán và đối chiếu định mức chi phí nhân công trong hồ sơ dự toán. Nếu có sự chênh lệch thì sẽ tìm ra nguyên nhân và khắc phục, quy định trách nhiệm cho người có liên quan.

c) Thủ tục kiểm soát chi phí máy thi công

Bao gồm thủ tục kiểm soát chi phí liên quan trực tiếp đến máy thi công như: chi phí cho nhân viên lái xe, chi phí nhiên liệu, năng suất sử dụng máy thi công.

Việc cung ứng, điều động máy thi công được thực hiện bởi Phòng kỹ thuật. Do mỗi công trình đều có dự toán, thiết kế riêng nên khi thi công công trình, căn cứ vào dự toán được duyệt phòng kỹ thuật sẽ tiến hành lập “Bảng dự trù điều máy thi công” trong đó liệt kê đầy đủ chủng loại, số lượng của từng máy và công dụng của chúng trong từng giai đoạn thi công. Khi có nhu cầu sử dụng phòng sẽ đề xuất công ty, giấy đề xuất chuyên máy thi công đến đội xây dựng phải được người lập, trưởng phòng, giám đốc ký duyệt đầy đủ. Ở công ty đã có sự phân công trách nhiệm giữa các chức năng: quản lý, theo dõi, vận hành, ghi sổ máy thi công. Khi sử dụng máy thi công các đội tiến hành theo dõi thời gian hoạt động của máy thông qua “Phiếu theo dõi máy thi công” và phải được ký xác nhận đầy đủ của người điều khiển máy, tổ trưởng, đội trưởng.

Các máy thi công, các xe vận chuyển và các tài sản khác phục vụ cho thi công công trình được kế toán TSCĐ thực hiện đầy đủ việc trích khấu hao và phân bổ khấu hao. Định kỳ, kế toán tổng hợp tập hợp chi phí sử dụng máy thi công để phục vụ công tác tính giá thành.

d) Thủ tục kiểm soát chi phí sản xuất chung

Chi phí sản xuất là khoản mục bao gồm: chi phí nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, tiền lương, trích BHXH, BHYT, KPCĐ, chi phí khấu hao, chi phí

bằng tiền khác... phục vụ cho bộ phận quản lý. Việc tập hợp chi phí sản xuất được tập hợp cùng với các chi phí trên:

+ Tiền lương trả cho các tổ trưởng, ban quản lý tại công trình thì căn cứ vào danh sách nhân viên ở phòng tổ chức, Bảng chấm công, Bảng thanh toán tiền lương.

+ Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ xuất dùng cho bộ phận quản lý căn cứ vào giấy yêu cầu xuất vật tư, phiếu xuất kho và các chứng từ khác liên quan.

+ Chi phí khác bằng tiền dựa trên phiếu chi, giấy tạm ứng, giấy báo nợ của ngân hàng.

+ Chi phí khấu hao TSCĐ: công ty áp dụng hình thức khấu hao theo phương thức đường thẳng, và khấu hao theo năm

1.3.4.2 Các thủ tục kiểm soát sau đối với chi phí xây lắp trong quá trình xây lắp

Trên cơ sở thông tin dự toán, thông tin thực hiện, chúng ta tiến hành lập các báo cáo phân tích, xác định nguyên nhân, người chịu trách nhiệm về việc tăng chi phí xây lắp trong quá trình xây lắp.

Thực chất của thủ tục kiểm soát sau đối với chi phí xây lắp là sự phân tích biến động của chi phí xây lắp thông qua việc sử dụng phương pháp thay thế liên hoàn để tìm ra các câu trả lời.

a) Thủ tục kiểm soát biến động chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Hai nhân tố ảnh hưởng đến chi phí nguyên vật liệu trực tiếp đó là số lượng nguyên vật liệu tiêu hao và đơn giá. Bằng phương pháp thay thế liên hoàn việc phân tích biến động của chi phí nguyên vật liệu trực tiếp được thể hiện qua bảng 1.1 như sau:

Bảng 1.1 Phân tích biến động chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Σ Lượng nguyên vật liệu thực tế tiêu hao x đơn giá định mức nguyên vật liệu	Σ Lượng nguyên vật liệu tiêu hao định mức x đơn giá định mức nguyên vật liệu	Σ Lượng nguyên vật liệu tiêu hao theo thực tế x đơn giá thực tế nguyên vật liệu
(1)	(2)	(3)
	(1)-(2): biến động về lượng nguyên vật liệu (ΔM)	(3)-(1): biến động về giá nguyên vật liệu (ΔP)
Tổng biến động = $\Delta M + \Delta P$		

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp thì giá nguyên vật liệu phát sinh vào lúc mua. Vì vậy, kiểm soát về giá nguyên vật liệu phải được thực hiện vào lúc mua. Kiểm soát về lượng nguyên vật liệu sử dụng được thực hiện khi nhập kho và khi đưa nguyên vật liệu vào sử dụng cho các công trình.

Biến động khối lượng nguyên vật liệu nói lên sự khác nhau giữa khối lượng nguyên vật liệu sử dụng trong sản xuất với khối lượng phải sử dụng theo định mức tiêu chuẩn đã được lập. Cho dù biến động này có liên quan đến việc sử dụng vật chất của nguyên vật liệu, nó vẫn thường được xác định bằng tiền. Biến động về khối lượng nguyên vật liệu sử dụng được xác định tốt nhất vào lúc đưa nguyên vật liệu vào sử dụng hoặc khi kết thúc một hạng mục công trình.

Biến động về giá nguyên vật liệu nói lên sự khác nhau giữa số tiền đã trả cho một lượng nguyên vật liệu nhất định với số tiền phải trả theo định mức cho số lượng nguyên vật liệu đó.

Biến động về giá và lượng nguyên vật liệu sử dụng nhỏ hơn là tốt. Điều này chứng tỏ việc kiểm soát chi phí nguyên vật liệu có hiệu quả. Tuy nhiên cũng cần chú ý tới chất lượng công trình khi có sự biến động này.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, biến động về giá nguyên vật liệu có thể là do nguyên nhân: giá cả thị trường biến động, có sự gian lận sai sót trong quá trình mua nguyên vật liệu của người mua với cơ sở cung cấp, phí chuyên chở cao.

Trong trường hợp có sự thông đồng giữa người mua hàng và nhà cung cấp, thì nhà quản lý cần xác định lại chính xác giá cả nguyên vật liệu tại thời điểm mua ở nhiều nhà cung cấp khác nhau và yêu cầu người thực hiện nghiệp vụ mua hàng phải bồi thường chênh lệch. Trong tương lai, đối với hạng mục công trình tiếp theo, để kiểm soát tốt hơn giá nguyên vật liệu mua vào nhà quản lý cần tham khảo Bảng báo giá ở nhiều nhà cung cấp khác nhau, sau đó lựa chọn một nhà cung cấp với giá cả và điều kiện tốt nhất.

Biến động về lượng nguyên vật liệu có thể do các nguyên nhân: mất mát trong quá trình xây lắp, sử dụng lãng phí nguyên vật liệu, gia tăng khối lượng xây lắp so với thiết kế ... Trường hợp mất mát trong quá trình xây lắp thì

người quản lý thi công đó phải bồi thường, nếu mất mát trong kho thì thủ kho phải chịu bồi thường. Trường hợp khối lượng nguyên vật liệu sử dụng khi gia tăng khối lượng xây lắp thiết kế so với thiết kế thì cần phải điều chỉnh định mức kiểm soát.

b) Thủ tục kiểm soát biến động chi phí nhân công trực tiếp

Tương tự như cách phân tích chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, việc phân tích chi phí nhân công trực tiếp được thể hiện bằng bảng 1.2

Bảng 1.2 Phân tích biến động chi phí nhân công trực tiếp

Σ Số giờ công làm việc thực tế x đơn giá giờ công định mức	Σ Số giờ công làm việc định mức x đơn giá giờ công định mức	Σ Số giờ công làm việc thực tế x đơn giá thực tế giờ công
(1)	(2)	(3)
	(1)-(2): biến động về năng suất lao động (ΔNc)	(3)-(1): biến động về giá giờ công (ΔPnc)
Tổng biến động = $\Delta Nc + \Delta Pnc$		

Qua bảng phân tích trên thì biến động chi phí nhân công trực tiếp xảy ra do sự biến động của 2 nhân tố sau:

Biến động về năng suất lao động là sự so sánh sức sản xuất của thời gian lao động giữa định mức và thực tế. Đây là một biến động mà các nhà quản lý công trình xây lắp cần đặc biệt quan tâm. Vì tăng cao sức sản xuất của thời gian lao động là một nhân tố chủ yếu để tiết kiệm chi phí.

Biến động về mức giá lao động: là sự chênh lệch giữa đơn giá tiền lương thực tế so với đơn giá tiền lương định mức của công nhân trực tiếp xây lắp. Đối với công nhân làm việc theo hợp đồng dài hạn, mức lương đã được quy định chính xác thì biến động về giá lao động hiểu theo nghĩa là số tiền trả cho người lao động. Biến động về mức giá lao động thường phát sinh như là kết quả của cách sử dụng lao động. Tổ (đội) trưởng tổ thi công phải chịu trách nhiệm trong sự biến động về giá nhân công này.

Đối với chi phí nhân công trực tiếp, biến động về giá nhân công có thể so các nguyên nhân: nhà quản lý công trình tăng, giảm đơn giá tiền lương cho công nhân xây lắp trực tiếp. Trong các công trình xây dựng thì giá nhân công thường rất ít biến động. Bởi vì đơn giá tiền công của công nhân xây lắp trực tiếp đã được ký hợp đồng và thỏa thuận trước khi thực hiện việc xây lắp.

Biến động về năng suất lao động: đây chính là yếu tố chủ yếu gây nên sự biến động về chi phí nhân công trực tiếp. Nguyên nhân của sự biến động năng suất lao động gồm có: công nhân ít kinh nghiệm, nguyên vật liệu kém chất lượng, máy móc thiết bị cũ, trình độ tay nghề công nhân thấp, ý thức kỷ luật kém... Người quản lý lao động thường phải chịu trách nhiệm này trước ban giám đốc. Đồng thời quy định trách nhiệm bồi thường cụ thể cho nhân viên quản lý không tốt.

c) Thủ tục kiểm soát biến động chi phí sử dụng máy thi công

Đối với chi phí sử dụng máy thi công được phân tích theo bảng 1.3

Bảng 1.3 Phân tích biến động chi phí sử dụng máy thi công

Σ ca máy thực tế x đơn giá định mức một ca máy	Σ ca máy định mức x đơn giá định mức một ca máy	Σ ca máy thực tế x đơn giá thực tế một ca máy
(1)	(2)	(3)
	(1)-(2): biến động về năng suất lao động (ΔT)	(3)-(1): biến động về giá ca máy thi công (ΔP_m)
Tổng biến động = $\Delta T + \Delta P_m$		

Qua bảng phân tích trên thì biến động chi phí máy thi công xảy ra do sự biến động của 02 nhân tố sau:

+ Biến động về năng suất máy thi công: là sự chênh lệch giữa khối lượng máy thi công được trên 1 đơn vị thời gian giữa thực tế và định mức.

+ Biến động về giá ca máy thi công: là sự chênh lệch giữa đơn giá ca máy thực tế so với đơn giá ca máy định mức.

Vậy mục tiêu kiểm soát là đơn giá ca máy thấp nhưng vẫn đảm bảo được năng suất hoạt động của máy thì việc kiểm soát đó là hữu hiệu.

Nếu đơn giá thực tế lớn hơn định mức thì cần phải xem lại khâu lựa chọn nhà cung cấp, nếu có sự thông đồng giữa nhân viên trong đơn vị và nhà cung cấp để nâng giá thì phải thu hồi số chênh lệch và có hình thức kỷ luật thích đáng.

Nếu năng suất máy hoạt động thấp hơn định mức thì có thể do nhân viên kỹ thuật điều hành không hợp lý, công nhân lái máy tay nghề còn thấp, lười biếng hoặc do máy móc đã cũ.... Thông qua việc phân tích những nguyên nhân gây ra đơn vị có biện pháp điều chỉnh phù hợp.

d) Thủ tục kiểm soát biến động chi phí sản xuất chung

Chi phí sản xuất chung bao gồm các yếu tố định phí và biến phí sản xuất chung.

Phần biến phí sản xuất chung có thể được phân tích và kiểm soát bằng việc sử dụng các công thức cơ bản đã được sử dụng trong phân tích chi phí nguyên vật liệu trực tiếp và chi phí nhân công trực tiếp. Cụ thể biến động này được phân tích quan bảng 1.4

Bảng 1.4 Phân tích biến động chi phí sản xuất chung

Σ khối lượng xây lắp thực tế x đơn giá định mức cho một khối lượng	Σ khối lượng xây lắp định mức x đơn giá định mức cho một khối lượng	Σ khối lượng xây lắp thực tế x đơn giá thực tế cho một khối lượng
(1)	(2)	(3)
	(1)-(2): biến động về khối lượng (ΔMc)	(3)-(1): biến động về đơn giá (ΔPc)
Tổng biến động = $\Delta Mc + \Delta Pc$		

Đối với chi phí sản xuất chung, do khối lượng xây lắp tại mỗi công trình là cố định trong hồ sơ thiết kế nên định phí sản xuất chung trong mỗi công trình xây lắp có thể được phân tích:

$$\begin{array}{l} \text{Biến động chi} \\ \text{phí sản xuất} \\ \text{chung} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Tổng định phí sản xuất} \\ \text{chung thực tế phát sinh tại} \\ \text{mỗi công trình} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Tổng định phí sản xuất} \\ \text{chung định mức tại mỗi} \\ \text{công trình} \end{array}$$

Tổng biến động chi phí sản xuất chung = Biến động biến phí sản xuất chung + Biến động định phí sản xuất chung.

Biến động chi phí sản xuất chung bị ảnh hưởng bởi hai yếu tố : giá cả tăng lên và sự sử dụng lãng phí các yếu tố cấu thành nên chi phí sản xuất chung như nhân công, nguyên vật liệu, nhiên liệu ... Đối với biến động biến phí sản xuất chung nhà quản lý cần có các biện pháp kiểm soát tương tự chi phí nguyên vật liệu trực tiếp và nhân công trực tiếp.

Đối với biến động định phí sản xuất chung cần phải xem xét lại khối lượng xây lắp thực tế so với thiết kế, những yếu tố định phí nào có sự gia tăng so với định mức và cá nhân nào thực hiện chi phí này cần có giải trình và chịu trách nhiệm trước nhà quản lý.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Trong chương 1, luận văn đã hệ thống hóa những lý luận cơ bản về KSNB nói chung và dựa trên các đặc điểm riêng của hoạt động xây lắp để đưa ra lý luận về KSNB chi phí xây lắp trong quá trình xây lắp.

Qua đó rút ra kết luận rằng: để KSNB chi phí xây lắp tốt cần phải có môi trường kiểm soát tốt, tổ chức thông tin dự toán (hệ thống định mức) và hệ thống thông tin thực hiện (thông tin kế toán) phù hợp khoa học đồng thời phải có các thủ tục kiểm soát hữu hiệu.

Vì vậy trong phần tìm hiểu, đánh giá thực trạng công tác KSNB chi phí xây lắp tại công ty CP Xây Lắp Điện ĐN, luận văn sẽ đi sâu vào nội dung trên.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG VỀ KIỂM SOÁT NỘI BỘ CHI PHÍ XÂY LẮP TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP ĐIỆN ĐN

2.1 Quá trình hình thành, phát triển, chức năng, nhiệm vụ, đặc điểm sản xuất kinh doanh tại công ty

2.1.1 Quá trình hình thành, phát triển của công ty

Sau khi thống nhất đất nước thì tình hình trong nước ổn định cùng với sự khuyến khích động viên tạo điều kiện cho ngành Điện phát triển để phù hợp và đáp ứng yêu cầu của đất nước cũng như đòi hỏi của các ngành khác.

Cùng với sự phát triển chung đó vào ngày 21/1/1976 công ty được thành lập theo quy định số 884/QĐ-UB và có tên là “CÔNG TY XÂY LẮP ĐIỆN QUẢNG NAM – ĐÀ NẴNG” thuộc tỉnh Quảng Nam – Đà Nẵng, trụ sở kinh doanh đặt tại 348B Điện Biên Phủ. Công ty ban đầu thành lập cũng giống như mọi công ty khác thành lập trong thời điểm đó là thuộc quyền sở hữu của nhà nước, do nhà nước cấp vốn. Với số vốn ban đầu là 800.000.000 đồng.

Sau khi tỉnh Quảng Nam – Đà Nẵng tách thành hai đơn vị hành chính là tỉnh Quảng Nam và thành phố Đà Nẵng thì công ty đã đổi tên thành “CÔNG TY XÂY LẮP ĐIỆN ĐÀ NẴNG” để phù hợp với tính chất địa lý.

Từ năm 1978 đến năm 1988, công ty hoạt động theo cơ chế bao cấp, hoạt động theo lệnh cấp trên và chỉ tiêu do nhà nước đề ra. Do vậy tồn tại nhiều tiêu cực và là nguyên nhân gây ra hoạt động sản xuất kinh doanh kém hiệu quả, vấp phải nhiều khó khăn.

Năm 1988, do sự đổi mới từ xã hội bao cấp chuyển sang nền kinh tế thị trường có sự quản lý của nhà nước. Trong cơ chế hội nhập nền kinh tế, công ty được thành lập lại theo quyết định số 388 QĐ cho phù hợp với điều kiện mới vào ngày 27/3/1988. Tổng nguồn vốn là 3.600.000.000 đồng.

Ngày 23/12/2002, để phù hợp với tình hình phát triển và kinh doanh công ty đã tiến hành cổ phần hóa và đổi tên thành “CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP ĐIỆN ĐÀ NẴNG”. Công ty Cổ Phần Xây Lắp Điện Đà Nẵng, công ty được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước (Công

ty Xây Lắp Điện Đà Nẵng) theo quyết định số 142/2002/QĐ – UB của ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng có tên giao dịch là: Danang Electric Construction Corporation, tên viết tắt là: DANELCO. Trụ sở chính: 421 Điện Biên Phủ - Tp Đà Nẵng. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 3203000065 của Sở Kế Hoạch và thành phố Đà Nẵng cấp ngày 12/03/2003, Luật Doanh nghiệp, điều lệ công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay công ty có 6 lần điều chỉnh giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và điều chỉnh lần 6 vào ngày 16/01/2008.

Vốn điều lệ theo giấy phép đăng ký kinh doanh: 7.000.000.000 đồng.

Vốn đầu tư thực tế: 7.000.000.000 đồng.

Các đơn vị trực thuộc:

- Xí nghiệp Cơ Khí Mạ Đà Nẵng
- Xí nghiệp Vật Tư Thiết Bị Đà Nẵng.
- Trung tâm Tư Vấn Thiết Kế Điện Đà Nẵng.
- Xí nghiệp Xây lắp điện Đà Nẵng.
- Xí nghiệp Bê Tông Xây Dựng Đà Nẵng.

Công ty Cổ Phần Xây Lắp Điện Đà Nẵng là doanh nghiệp được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước sang công ty cổ phần. Công ty hạch toán độc lập, có đầy đủ tư cách pháp nhân thực hiện chức năng sản xuất kinh doanh theo giấy đăng ký kinh doanh do Sở Kế Hoạch Đầu Tư Tp Đà Nẵng cấp.

Trong những năm qua, chịu ảnh hưởng của cơ chế thị trường và chuyển biến của kinh tế đất nước. Công ty dần dần từng khẳng định và củng cố năng lực hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo thực hiện nguyên tắc cơ bản của kế hoạch kinh tế là: “Tự trang trải và có lợi nhuận”. Do đó, công ty đã có nhiều biện pháp nhằm cải thiện công tác quản lý lao động, bổ sung ngành kinh doanh, mở rộng đại bàn và tìm kiếm đối tác, tạo điều kiện và việc làm cho người lao động. Làm sao cho thu nhập toàn công ty nâng cao và đóng góp đầy đủ cho Ngân sách Nhà nước.

2.1.2 Chức năng, nhiệm vụ và các lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh

2.1.2.1 Chức năng hoạt động

- Xây lắp đường dây tải điện, trạm điện thế đến 500KV.
- Xây lắp các công trình và điện công nghiệp – dân dụng, chiếu sáng công cộng, công trình thông tin viễn thông, đầu tư phát triển nguồn điện, đấu thầu kinh doanh, mua bán điện năng.
- Kinh doanh và xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị kỹ thuật điện, vật tư, thiết bị kỹ thuật công nghiệp.
- Kinh doanh dịch vụ kỹ thuật, dịch vụ vận tải, giao nhận hàng hóa và cho thuê kho bãi, chế tạo lắp ráp tổ hợp điện và các thiết bị điện các loại.
- Sản xuất chế tạo bê tông cốt thép (các loại trụ bê tông cốt thép, cầu kiện bê tông đúc sẵn...).
- Sản xuất sản phẩm cơ khí, phụ kiện kết cấu cơ khí. Sản xuất cột đèn, cột anten viễn thông (bằng thép), phụ kiện điện xây lắp cho đường dây tải điện và trạm biến áp đến 500KV.
- Chế tạo, lắp đặt đường ống áp lực thủy điện. Mạ kẽm nhúng nóng, mạ điện phân, đồng, crôm, niken...
- Sơn tĩnh điện các sản phẩm cơ khí và các phụ kiện phục vụ cho ngành công nghiệp, điện, giao thông, viễn thông.
- Tư vấn các công tác đầu tư và xây dựng dự án công trình điện đến 35KV. Khảo sát, lập báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo đầu tư, thiết kế các công trình điện, đường dây và trạm điện áp đến 220K, điện động lực dân dụng, chiếu sáng công cộng, đèn tín hiệu giao thông, các công trình xây dựng dân dụng, các công trình viễn thông.
- Thẩm định dự án đầu tư, thẩm định thiết kế kỹ thuật thi công, tổng dự toán, lập hồ sơ mời thầu xây lắp, mua sắm thiết bị và đánh giá hồ sơ dự thầu.
- Giám sát thi công xây dựng các công trình điện đến 220KV, công trình xây dựng dân dụng, giám sát lắp đặt thiết bị.

2.1.2.2 Nhiệm vụ

- Kinh doanh theo đúng ngành nghề đã đăng ký. Xác định và tổ chức thực hiện các kế hoạch sản xuất kinh doanh của công ty bao gồm kế hoạch

kinh doanh dài hạn, trung hạn. Hằng năm, để đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh, dịch vụ của công ty, góp phần phát triển ngành nghề ở khu vực.

- Nghiên cứu khả năng sản xuất, nhu cầu tiêu dùng trong và ngoài nước để xây dựng và tổ chức thực hiện các phương án sản xuất kinh doanh có hiệu quả.

- Tổ chức lực lượng hàng hóa đa dạng về cơ cấu, phong phú về chủng loại, có chất lượng cao, mẫu mã đẹp, phù hợp với thị hiếu người tiêu dùng.

- Quản lý và sử dụng nguồn vốn theo đúng chế độ, chính sách, đạt hiệu quả kinh tế, đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh theo hướng đa dạng, đa hướng, đa phương, không ngừng đổi mới trang thiết bị.

- Tổ chức việc mua bán tốt, dự trữ, đáp ứng kịp thời nhu cầu người tiêu dùng.

- Thực hiện cam kết đầy đủ các hợp đồng mua bán tiêu thụ, liên doanh liên kết với các tổ chức kinh tế.

- Quản lý sử dụng đội ngũ cán bộ, công nhân viên theo đúng chính sách hợp đồng lao động, chăm lo đời sống vật chất tinh thần, nâng cao trình độ văn hóa chuyên môn kỹ thuật cho cán bộ nhân viên.

2.1.2.3 Các lĩnh vực hoạt động của công ty

Công ty Cổ Phần Xây Lắp Điện Đà Nẵng sản xuất và kinh doanh trên nhiều lĩnh vực như:

➤ Kinh doanh xây lắp điện do Xí Nghiệp Xây Lắp Điện Đà Nẵng đảm nhận.

➤ Kinh doanh vật tư, thiết bị điện có liên quan do Xí Nghiệp Vật Tư Thiết Bị Điện Đà Nẵng đảm nhận.

➤ Kinh doanh sản xuất sản phẩm cơ khí, mạ kẽm, mạ điện phân ... do Xí Nghiệp Cơ Khí Mạ Đà Nẵng đảm nhận.

➤ Kinh doanh sản phẩm bê tông cốt thép ... do Xí Nghiệp Bê Tông Xây Dựng Đà Nẵng đảm nhận.

➤ Kinh doanh sản phẩm thiết kế, dự toán các công trình điện đến 35KV, điện chiếu sáng ... do Trung Tâm Tư Vấn Thiết Kế Điện Đà Nẵng đảm nhận.

Công ty có thị trường rộng khắp miền Bắc Trung Bộ và Tây Nguyên. Công ty đã không ngừng nâng cao doanh số bán ra, phấn đấu hạ thấp chi phí và lựa chọn nguồn hàng cung ứng kịp thời. Từ đó, có thể giảm bớt giá thành, kích thích tiêu dùng, không ngừng mở rộng thị trường và tăng khả năng cạnh tranh, thu được nhiều lợi nhuận. Tuy nhiên, công ty cũng gặp rất nhiều khó khăn do nguồn vốn sản xuất kinh doanh nhỏ nên công ty phải tự bổ sung vốn để đáp ứng nhu cầu vốn cho sản xuất kinh doanh. Bên cạnh đó, do đặc thù ngành xây lắp, do những nhu cầu thị trường nên phải vay vốn của Ngân hàng để tái tạo và mở rộng thêm sản xuất. Trong điều kiện khó khăn đó, Công ty đã không ngừng phấn đấu vươn lên để hoàn thành kế hoạch, đảm bảo cuộc sống ổn định của cán bộ công nhân viên trong công ty.

2.2 Giới thiệu về hệ thống kiểm soát nội bộ tại Công ty Cổ Phần Xây Lắp Điện ĐN

2.2.1 Môi trường kiểm soát

2.2.1.1 Đặc thù quản lý

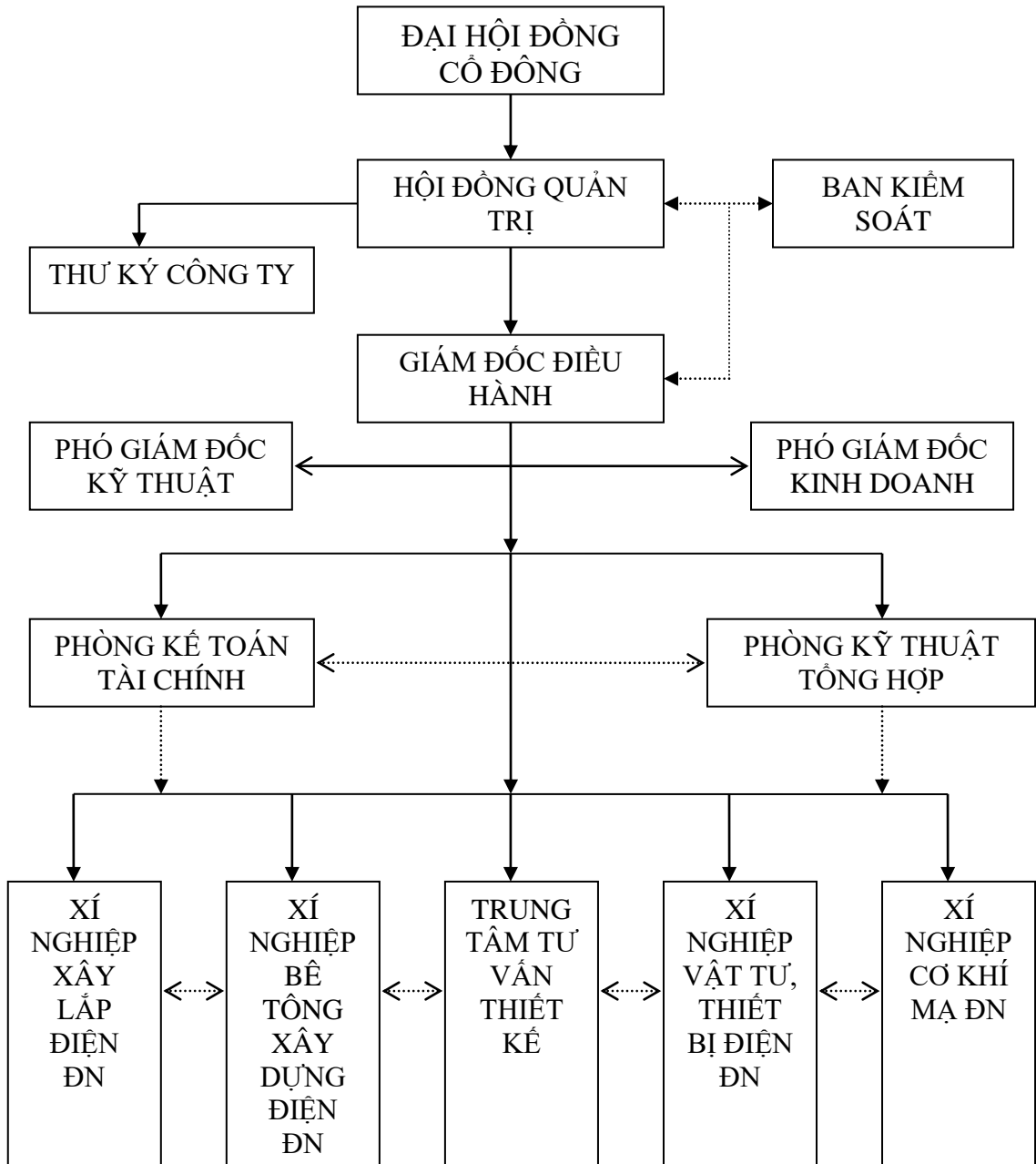
Công ty Cổ Phần Xây Lắp Điện Đà Nẵng là doanh nghiệp được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước sang công ty cổ phần. Công ty hạch toán độc lập, có đầy đủ tư cách pháp nhân thực hiện chức năng sản xuất kinh doanh theo giấy đăng ký kinh doanh do Sở Kế Hoạch Đầu Tư Tp Đà Nẵng cấp.

Trong những năm qua, chịu ảnh hưởng của cơ chế thị trường và chuyển biến của kinh tế đất nước. Công ty dần dần từng khẳng định và củng cố năng lực hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo thực hiện nguyên tắc cơ bản của kế hoạch kinh tế là: “Tự trang trải và có lợi nhuận”. Do đó, công ty đã có nhiều biện pháp nhằm cải thiện công tác quản lý lao động, bổ sung ngành kinh doanh, mở rộng đại bàn và tìm kiếm đối tác, tạo điều kiện và việc làm cho người lao động. Làm sao cho thu nhập toàn công ty nâng cao và đóng góp đầy đủ cho Ngân sách Nhà nước.

2.2.1.2 Sơ đồ bộ máy quản lý

Trong cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của Công ty các bộ phận có mối quan hệ phụ thuộc lẫn nhau theo lối chuyên môn hóa, được phân cấp trách nhiệm và quyền hạn nhất định nhằm đảm bảo chức năng quản lý.

Tổ chức bộ máy quản lý của Công ty Cổ Phần Xây Lắp Điện ĐN theo kiểu trực tuyến chức năng.



❖ Ghi chú:

- Quan hệ trực tuyến
- ↔ Quan hệ chức năng
- ↔ Quan hệ phối hợp

Sơ đồ 2.1 Bộ máy quản lý tại Công ty Cổ Phần Xây Lắp Điện Đà Nẵng

2.2.1.3 Chức năng và nhiệm vụ của từng bộ phận

+ Đại Hội Đồng Cổ Đông

Là đại hội cổ đông tất cả các cổ đông của công ty, họp 5 năm một lần để bầu ra Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị công ty gồm 7 người làm nhiệm vụ quyết định tất cả các chiến lược kinh doanh của công ty.

+ Hội Đồng Quản Trị:

- Phụ trách công tác điều hành sản xuất kinh doanh, công tác pháp lý của Công ty, công tác cải tiến quản lý như: Công tác vốn sản xuất kinh doanh, cổ phần, cổ phiếu, công tác chiến lược sản xuất kinh doanh và phát triển sản xuất kinh doanh. Nghiên cứu các dự án đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh.

- Phụ trách công tác lao động, chế độ đối với người lao động, công tác tranh chấp và giải quyết tranh chấp trong công ty.

+ Giám đốc điều hành:

Nhiệm vụ quyền hạn của Giám đốc được nhà nước quy định là người được ủy quyền quản lý và sử dụng có hiệu quả tài sản của doanh nghiệp, có quyền điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh theo kế hoạch, chính sách, pháp luật của nhà nước. Giám đốc chịu trách nhiệm toàn diện về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trước pháp luật, trực tiếp quản lý công tác tổ chức tài chính của Công ty. Mọi quyết định của xí nghiệp phải được Giám đốc thông qua và xét duyệt.

Bên dưới Giám đốc điều hành còn có hai Phó giám đốc:

- Phó giám đốc kỹ thuật: chịu trách nhiệm về trước Giám đốc về kỹ thuật của các công trình và sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất ra, các sáng kiến kỹ thuật.

- Phó giám đốc kinh doanh: chịu trách nhiệm về quản lý, chỉ đạo sản xuất kinh doanh có hiệu quả, tìm kiếm việc làm và ký kết các hợp đồng kinh tế chủ động tìm kiếm thị trường. đồng thời chịu trách nhiệm trước Giám đốc về việc làm của mình.

+ Phòng kế toán tài chính

Thực hiện chức năng tham mưu cho giám đốc lập kế hoạch tài chính, quản lý vốn, kiểm tra, kiểm soát đề xuất sử dụng hiệu quả vốn trong sản xuất kinh doanh. Tổ chức hạch toán kế toán chính xác, kịp thời.

Tổ chức hạch toán toàn bộ quá trình kinh doanh của công ty, tính giá thành, xác định kết quả tiêu thụ, thực hiện thu chi, quản lý và đảm bảo nguồn vốn cho công ty để giúp công ty ngày càng phát triển, thực hiện tốt lập báo cáo tài chính theo quy định của nhà nước.

+ Phòng kỹ thuật tổng hợp

Xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh giúp Giám đốc trong công tác quản lý kỹ thuật sản xuất, quản lý công nghệ môi trường và kỹ nghệ an toàn lao động. là đơn vị trực tiếp quản lý chất lượng công trình, chất lượng sản xuất sản phẩm của công ty.

+ Xí nghiệp xây lắp điện ĐN

- Xây lắp đường dây và trạm biến áp điện 220KV.
- Xây lắp điện dân dụng, điện công nghiệp, điện chiếu sáng.
- Đầu tư phát triển nguồn điện, đấu thầu kinh doanh, mua bán điện năng.

+ Xí nghiệp bê tông xây dựng

- Xây lắp điện công nghiệp, điện dân dụng, giao thông nông thôn, cấp thoát nước, chế tạo sản phẩm bê tông cốt thép.
- Xây lắp đường dây điện và trạm biến áp 220KV.

+ Xí nghiệp cơ khí mạ ĐN

- Sản xuất và lắp đặt các sản phẩm cơ khí, phụ kiện, cấu kiện cơ khí.
- Kinh doanh vật tư, dịch vụ vận tải, giao nhận hàng hóa.
- Mạ kẽm nhúng nóng, mạ điện phân kẽm, nhôm, đồng, crôm, niken.

+ Trung tâm tư vấn thiết kế điện ĐN

- Tư vấn công tác đầu tư, xây dựng, quản lý các dự án công trình điện.
- Khảo sát, thiết kế, dự toán các công trình điện đến 35KV, điện chiếu sáng.

+ Xí nghiệp vật tư thiết bị điện ĐN

- Kinh doanh mua bán, xuất nhập khẩu các thiết bị điện.
- Cung cấp các vật tư thiết bị điện.

2.2.2 Hệ thống kế toán

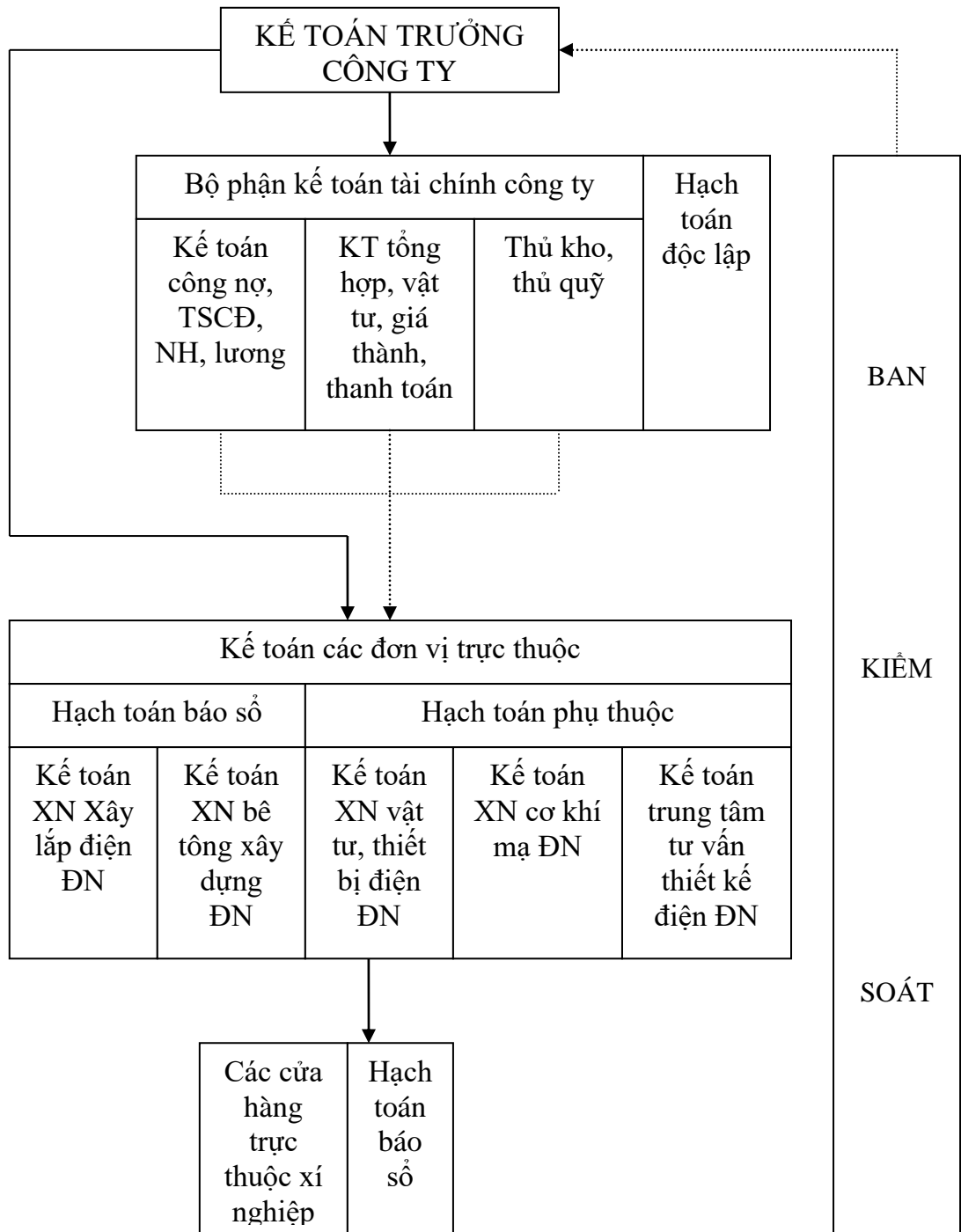
Công ty Cổ Phần Xây Lắp Điện ĐN là một doanh nghiệp xuất phát từ những điều kiện ban đầu không thuận lợi nhưng hiện công ty có một quy mô

sản xuất kinh doanh lớn, để đảm bảo sự thống nhất với công tác kế toán cũng như công việc kiểm tra, chỉ đạo, giám sát của ban lãnh đạo công ty và để thuận tiện cho việc áp dụng phương pháp hạch toán tiên tiến, sắp xếp bộ máy kế toán gọn nhẹ nhưng vẫn đạt hiệu quả cao, công ty đã vận dụng hình thức tổ chức kế toán vừa tập trung vừa phân tán để áp dụng cho công ty mình.

Các đơn vị trực thuộc công ty được phân cấp tài chính, nên toàn bộ chi phí phát sinh tại các đơn vị trực thuộc nào thì được kế toán của đơn vị đó tập hợp ghi sổ sau đó tổng hợp báo cáo lên công ty vào cuối kỳ.

Bộ phận kế toán có nhiệm vụ xây dựng và quản lý kế hoạch tài chính của toàn công ty, thực hiện các phần hành công việc kế toán phát sinh ở bộ phận kế toán tài chính công ty. Hướng dẫn, kiểm tra công việc kế toán ở tất cả các đơn vị trực thuộc, thu nhận, kiểm tra công việc kế toán ở tất cả các đơn vị trực thuộc, thu nhận, kiểm tra Báo cáo tài chính của các đơn vị kế toán trực thuộc gửi lên cùng với Báo cáo tài chính của bộ phận kế toán tài chính công ty để lập Báo cáo tài chính tổng hợp toàn công ty.

2.2.2.1 Sơ đồ bộ máy kế toán tại công ty



❖ Ghi chú: —————> Quan hệ trực tuyến
> Quan hệ chức năng

Sơ đồ 2.1 Bộ máy kế toán tại Công ty Cổ Phần Xây Lắp Điện Đà Nẵng

2.2.2.2 Chức năng nhiệm vụ của từng phân hành kế toán

+ Kế toán trưởng

- Chỉ đạo chung công tác kế toán, tổ chức thực hiện chức năng như: giám sát mọi hoạt động tài chính doanh nghiệp, là người tham mưu trực tiếp cho Giám đốc về việc lập kế hoạch tài chính, thiết lập và chỉ đạo hệ thống hạch toán của công ty. Chịu trách nhiệm trước Giám đốc về tình hình tài chính của công ty và thường xuyên kiểm tra tính hợp pháp, hợp lý của chứng từ.

- Xây dựng kế hoạch tài chính nhằm huy động và sử dụng nguồn vốn hiệu quả.

+ Kế toán tổng hợp vật tư, giá thành thanh toán

- Theo dõi và hiệu chỉnh số liệu các Bảng kê tổng hợp chi tiết, kiểm tra đúng việc vào sổ Cái, đối chiếu lập báo cáo cuối kỳ.

- Nhập xuất vật tư theo đúng chế độ hợp đồng và phân bổ vào bảng tính giá thành từng hạng mục công trình, từng sản phẩm cuối kỳ, tính giá thành các sản phẩm sản xuất và kết chuyển giá thành công trình hoàn thành, quyết toán công trình.

+ Kế toán công nợ, ngân hàng, lương, TSCĐ

- Theo dõi chặt chẽ chi tiết các tài khoản các khoản phải thu, phải trả, kiểm tra đôn đốc, thu hồi nợ khó đòi và theo dõi nợ phải trả.

- Theo dõi thu chi thông qua tài khoản ngân hàng như tiền gửi, tiền vay, quan hệ mở rộng, giao dịch với các ngân hàng.

- Theo dõi thu chi tạm ứng và thanh toán lương, các khoản chi bảo hiểm thay lương theo đúng chế độ hiện hành và quy định.

- Tính và trích khấu hao TSCĐ hằng năm của công ty.

+ Kế toán các đơn vị phụ thuộc

Tổ chức hạch toán riêng và theo dõi việc mua bán thu chi, thực hiện toàn bộ công tác kế toán tại đơn vị mình đến cuối kỳ báo cáo kết quả về công ty để công ty lập Báo cáo kế toán.

2.2.2.3 Hình thức kế toán áp dụng trong công ty

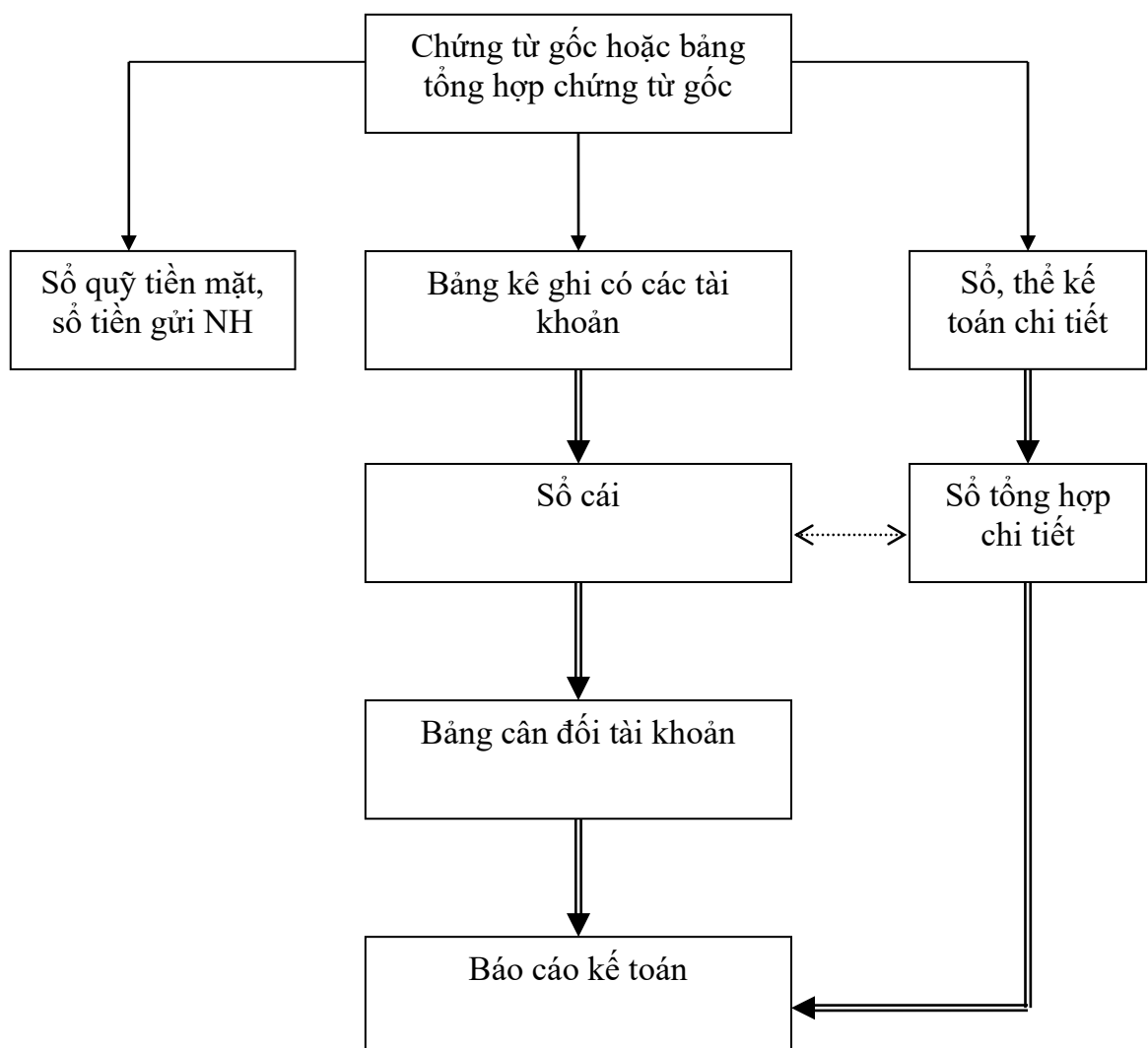
Do công ty là doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ nên công ty áp dụng hình thức Nhật ký chứng từ có cải biên để tổ chức hệ thống sổ sách kế toán.

Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ gốc hoặc bảng tổng hợp chứng từ gốc để lên Sổ, thẻ kế toán chi tiết từng tài khoản, Bảng kê ghi có các tài khoản có liên quan.

Cuối tháng kế toán tổng hợp số liệu từ sổ, thẻ kế toán chi tiết để lên Sổ tổng hợp chi tiết và tổng hợp số liệu từ Bảng kê chứng từ ghi có của tài khoản có liên quan để lên sổ cái.

Sau khi kế toán đối chiếu số liệu từ sổ Cái với Bảng tổng hợp chi tiết thì tiến hành lập Bảng cân đối tài khoản.

Cuối tháng sau khi cập nhật toàn bộ số liệu máy vi tính sẽ tự động in ra các Báo cáo kế toán.



❖ Ghi chú:	—————▶	Ghi hằng ngày
	══════════▶	Ghi cuối tháng
	◀.....▶	Đổi chiếu, kiểm tra

2.2.2.4 Thủ tục kiểm soát nội bộ tại công ty

Các thủ tục kiểm soát nội bộ chi phí xây lắp của công ty dựa trên ba nguyên tắc: Phân công phân nhiệm, bất kiêm nhiệm, ủy quyền phê chuẩn.

Cơ cấu quyền lực trong công ty đã được phân quyền và quy định cụ thể trong điều lệ thành lập công ty cũng như quy chế hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, dưới có các phó giám đốc, đội ngũ các trưởng phòng ban tham mưu giúp việc. Các phó giám đốc chịu trách nhiệm về công tác chuyên môn và được ủy quyền phê duyệt những công việc cụ thể khác. Trưởng các phòng ban có chức năng kiểm tra và xác nhận các vấn đề trong phạm vi chuyên môn của mình. Việc phân quyền có tác dụng làm giảm sức ép lên giám đốc qua đó phát huy tính tự chủ, năng động và tham gia quản lý của nhiều người. Mỗi công việc, mỗi dự án công trình đều có sự phân chia trách nhiệm đầy đủ cho các cá nhân có liên quan.

Tổng giám đốc công ty ủy quyền cho giám đốc các xí nghiệp một số nội dung như: ủy quyền trong việc tham gia đấu thầu, ký hợp đồng và nhận kinh phí từ các chủ đầu tư. Tất cả các nghiệp vụ của đơn vị đều được phê chuẩn đầy đủ của các cấp pháp lý.

Tuy nhiên việc phân công phân nhiệm tại công ty còn phụ thuộc vào cảm tính chứ chưa có căn cứ vào trình độ chuyên môn và năng lực của mỗi người.

Các thủ tục kiểm soát tại công ty bao gồm: thủ tục kiểm soát chi phí, thủ tục kiểm soát bán hàng, thủ tục kiểm soát thu chi tiền, thủ tục kiểm soát thanh toán... Các thủ tục kiểm soát đều được xây dựng để kiểm soát về mặt kế toán và kiểm soát trong quá trình quản lý các hoạt động sản xuất kinh doanh. Song các thủ tục kiểm soát nội bộ xây dựng còn sơ sài, chưa chặt chẽ, trong quá trình thực hiện nhiều lúc còn vi phạm quá trình quản lý, do đó phục vụ chưa tốt cho công tác kiểm soát nội bộ tại các đơn vị.

Công tác kiểm soát còn mang tính hình thức, chưa thực hiện triệt để, người được phân công kiểm tra chưa phát huy hết trách nhiệm, người bị kiểm tra tìm cách đối phó. Công tác kiểm tra chưa được thực hiện thường xuyên và chưa có phương án giải quyết triệt để.

2.3 Kiểm soát chi phí xây lắp tại công ty Cổ Phần Xây Lắp Điện ĐN

Để tìm hiểu thực trạng công tác KSNB về chi phí xây lắp tại công ty xây lắp thì phải đi sâu vào nghiên cứu vào những nội dung chính. Việc kiểm soát chi phí xây lắp tại Công ty qua các giai đoạn: từ khâu lập dự toán công trình đến khâu tổ chức thi công công trình, cuối cùng là khâu quyết toán, nghiệm thu công trình và các thủ tục kiểm soát.

2.3.1 Tổ chức hệ thống thông tin phục vụ KSNB chi phí xây lắp tại Công ty Cổ Phần Xây Lắp Điện ĐN

2.3.1.1 Tổ chức hệ thống thông tin dự toán tại công ty CP Xây Lắp Điện ĐN

Khi tham gia đấu thầu bất cứ công trình nào thì phòng kỹ thuật tổng hợp ở công ty sẽ lập các bảng dự toán chi tiết dựa trên các định mức về giá và lượng ban hành trong các tiêu chuẩn của Bộ.

Đối tượng lập dự toán chi phí xây lắp là từng nội dung công việc, hạng mục công trình và công trình. Đơn vị sẽ lập dự toán dựa trên các định mức giá và lượng của từng khoản mục.

Hệ thống định mức chi phí xây lắp bao gồm: định mức chi phí trực tiếp, định mức chi phí chung, định mức thu nhập chịu thuế tính trước, định mức chi phí xây lắp. Chi phí trực tiếp bao gồm: chi phí vật liệu, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung, chi phí máy thi công, chi phí trực tiếp khác cho tất cả các khoản mục.

Theo cách xây dựng định mức chi phí thì chi phí trực tiếp phụ thuộc vào khối lượng xây lắp, chi phí chung....

Vậy để kiểm soát tốt chi phí xây lắp các hạng mục công trình thì cần phải thực hiện tốt các nội dung sau:

- Đối với việc lập định mức chi phí: căn cứ vào bản vẽ thiết kế tính toán đúng khối lượng, riêng đối với chi phí chung thì phải tính toán phân tích thành những khoản mục chi phí cụ thể như: tiền lương nhân viên quản lý, các

khoản trích theo lương, vật liệu dùng chung, công cụ thi công, khấu hao tài sản, tiền điện nước, điện thoại và các chi phí khác có liên quan.

- Đối với kế toán: phải lập chứng từ gốc ban đầu và ghi sổ kế toán một cách chính xác, kịp thời, theo đúng khoản mục chi phí, đúng hạng mục công trình, số liệu kế toán phải so sánh với số liệu định mức.

Cụ thể tại Xí Nghiệp Xây Lắp Điện trực thuộc Công ty CP Xây Lắp Điện Đà Nẵng đã thi công công trình “ Hoàn thiện chống quá tải lưới điện Điện Lực Cẩm Lệ Năm 2011”

Bảng 2.3 Tổng hợp dự toán chi phí
CÔNG TRÌNH: HOÀN THIỆN CHỐNG QUÁ TẢI LƯỚI ĐIỆN ĐIỆN
LỰC CẨM LỆ NĂM 2011

Hạng mục: Xây dựng ĐZ liên lạc 471E9 – 471E12 đến TBA Hòa Phú 2–
471E12

TT	KHOẢN MỤC CHI PHÍ	CHI PHÍ TRƯỚC THUẾ	THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG	CHI PHÍ SAU THUẾ
1	Xây dựng ĐZ liên lạc 471 E9 - 471 E12 đến TBA Hòa Phú 2 - 471 E12			
1.1	<i>Chi phí mua sắm thiết bị</i>	<i>15.000.000</i>	<i>1.500.000</i>	<i>16.500.000</i>
1.1.1	Thiết bị phải lắp	15.000.000	1.500.000	16.500.000
1.2	<i>Chi phí lắp đặt thiết bị và thí nghiệm hiệu chỉnh</i>	<i>2.556.774</i>	<i>255.677</i>	<i>2.812.451</i>
1.2.1	Chi phí lắp đặt thiết bị	1.238.905	123.891	1.362.796
	+ <i>Vật liệu phụ</i>	22.880	2.288	25.168
	+ <i>Nhân công</i>	<i>1.036.705</i>	<i>103.671</i>	<i>1.140.376</i>

	+ Máy thi công	155.028	15.503	170.531
	+ Trực tiếp phí 2% (VLP+NC+MTC)	24.292	2.429	26.721
1.2.2	Chi phí thí nghiệm HC thiết bị	1.317.868	131.787	1.449.655
	Cộng [1]	17.556.774	1.755.677	19.312.451

Nguồn: Công ty Cổ Phần Xây Lắp Điện Đà Nẵng (tháng 2-2010)

Căn cứ vào định mức chi phí trực tiếp, tổng chi phí dự toán được tổng hợp lên bảng dự toán chi phí xây dựng qua bảng 2.2

Bảng 2.4: Dự toán chi phí xây dựng
DỰ TOÁN CHI PHÍ XÂY DỰNG
HOÀN THIỆN CHỐNG QUÁ TẢI LƯỚI ĐIỆN ĐIỆN LỰC CẨM LỆ
NĂM 2011

Hạng mục: Xây dựng ĐZ liên lạc 471E9 – 471E12 đến TBA Hòa Phú 2 – 71E12

Khoản mục chi phí	Diễn giải (Cách tính)	Chi phí xây lắp ĐZTT	Tổng
CHI PHÍ TRỰC TIẾP			
Chi phí vật liệu	$VL = VLC + VLP$	111.667.579	111.667.579
+ Vật liệu chính	VLC	110.894.414	110.894.414
+ Vật liệu phụ (theo đơn giá XD CB)	VLP	773.165	773.165
Chi phí nhân công	$NC = NC_{đg} \times K_{nc} \times 0,9$	25.911.162	25.911.162
Chi phí máy thi công	$M = M_{đg} \times K_{mtc}$	485.223	485.223
Trực tiếp phí khác	2% (VL+NC+M)	2.761.279	2.761.279

<i>Cộng chi phí trực tiếp</i>	<i>T=VL+NC+M+TT</i>	<i>140.825.244</i>	<i>140.825.244</i>
CHI PHÍ CHUNG	65%NC	16.842.256	16.842.256
GIÁ THÀNH DỰ TOÁN XÂY DỰNG	T + C	157.667.499	157.667.499
THU NHẬP CHỊU THUẾ TÍNH TRƯỚC	6% x (T+C)	9.460.050	9.460.050
<i>Giá trị dự toán xây dựng trước thuế</i>	<i>G = T + C + TL</i>	<i>167.127.549</i>	<i>167.127.549</i>
THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG	GTGT = G x 10%	16.712.755	16.712.755
<i>Giá trị dự toán xây dựng sau thuế</i>	<i>G_{XL} = G + GTGT (10%)</i>	<i>183.840.304</i>	<i>183.840.304</i>
<i>Giá trị XD nhà tạm tại hiện trường</i>	<i>Không tính</i>	-	-

Nguồn: Công ty Cổ Phần Xây Lắp Điện Đà Nẵng (tháng 2-2010)

+ Hệ số điều chỉnh nhân công (Knc) theo văn bản số 8571/BCT-NL ngày 31/08/2009 và 2486/EVN-ĐT ngày 14/6/2010 (đối với vùng 2)

+ Đối với công tác xây lắp trạm biến áp và đường dây tải điện:

$$K_{nc} = 1,138 \times 1,1892 = 1,3533$$

+ Đối với công tác xây lắp trạm biến áp:

$$K_{mtc} = 1,03 \times 1,0428 = 1,074$$

+ Đối với công tác xây lắp đường dây tải điện:

$$K_{mtc} = 1,039 \times 1,0469 = 1,0877$$

Theo các xây dựng định mức chi phí như trên thì chi phí trực tiếp phí phụ thuộc vào khối lượng xây lắp, chi phí máy thi công, chi phí nhân công và các chi phí trực tiếp khác.

Vậy để kiểm soát tốt chi phí xây lắp các hạng mục công trình thì cần phải thực hiện tốt các nội dung sau:

- Đối với việc lập định mức chi phí : Căn cứ vào bản vẽ thiết kế tính toán đúng khối lượng, căn cứ vào nội dung công việc áp dụng đúng định mức do Bộ xây dựng quy định. Riêng đối với chi phí chung phải tính toán phân tích thành những khoản mục chi phí như: Tiền lương của nhân viên quản lý,

các khoản trích theo lương, vật liệu dùng chung, công cụ thi công, khấu hao tài sản, tiền điện, nước, tiền điện thoại và các chi phí khác.

- Đối với kế toán: Phải lập chứng từ gốc ban đầu và ghi sổ kế toán một cách kịp thời chính xác theo đúng khoản mục chi phí, đúng hạng mục công trình, số liệu kế toán phải so sánh đúng với số liệu định mức.

2.3.1.2 Tổ chức hệ thống thông tin thực hiện

Hệ thống thông tin kết quả thực hiện chi phí thực tế phát sinh ở các công trình được các đơn vị xây lắp thực hiện thông qua sự kết hợp giữa ba loại hạch toán: hạch toán nghiệp vụ, hạch toán thống kê, hạch toán kế toán.

Hạch toán nghiệp vụ: báo cáo thường xuyên kịp thời hằng ngày cho Ban giám đốc. Công việc này do nhân viên kỹ thuật giám sát thi công công trình thực hiện.

Hạch toán thống kê: tại mỗi công trình, sau mỗi hạng mục công trình hoàn thành và được nghiệm thu theo yêu cầu về chất lượng, thiết kế và kỹ thuật thì nhân viên kỹ thuật của xí nghiệp sẽ thống kê khối lượng xây lắp hoàn thành và tổng hợp.

Hạch toán kế toán: hằng ngày căn cứ vào các chứng từ phát sinh hợp lệ, hợp pháp tại công trình thì kế toán của xí nghiệp thực hiện hạch toán vào các sổ chi tiết chi phí như chi phí vật tư, tiền lương, máy thi công và các chi phí khác Khi kết thúc mỗi hạng mục, công trình kế toán xí nghiệp mới tổng hợp chi phí và hạch toán báo sổ cho kế toán công ty, kế toán công ty sẽ tập hợp chi phí, phân bổ và tính giá thành cho từng hạng mục, công trình đó. Khi mỗi hạng mục, công trình hoàn thành bàn giao cho chủ đầu tư thì toàn bộ chi phí xây lắp và giá thành được tổng hợp và báo cáo.

Tại xí nghiệp, chi phí xây lắp được tập hợp cho mỗi hạng mục công trình theo các khoản mục: chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sử dụng máy thi công, chi phí chung trên tất cả các sổ sách mà doanh nghiệp áp dụng. Việc hạch toán chi phí phát sinh tại các công trình xây lắp chỉ phục vụ cho công tác kế toán tài chính của đơn vị chứ chưa phục vụ cho mục đích kiểm tra, kiểm soát chi phí phát sinh tại các công trình. Vì

vậy việc ghi chép chỉ mang tính thống kê, sử dụng thước đo hiện vật nhiều hơn thước đo giá trị. Cụ thể:

a) Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Chi phí này được tập hợp riêng cho từng hạng mục công trình. Hằng ngày, căn cứ vào các phiếu xuất kho, kế toán công trình sẽ phản ánh số lượng và giá trị của từng loại vật liệu xuất kho sử dụng cho toàn công trình.

Thực tế tại công trình Xây Dựng ĐZ liên lạc 471E9-471E12 đến TBA Hòa Phú 2-471E12 mà xí nghiệp xây lắp, kế toán công trình tổng hợp chung tất cả các hạng mục qua bảng 2.3

**Bảng 2.5 Dự toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp
CÔNG TRÌNH: HOÀN THIỆN CHỐNG QUÁ TẢI LƯỚI ĐIỆN ĐIỆN
LỰC CẤP LỆ NĂM 2011**

Hạng mục: Xây dựng ĐZ liên lạc 471E9 – 471E12 đến TBA Hòa Phú 2 –
471E12

S T T	Tên Vật tư	Đơ n vị	Số lượ n g		Đơn giá	Thành tiền
H M		tín h	Thiế t kế	Cả hao	(đ)	(đ)
1	Xây dựng ĐZ liên lạc 471 E9 - 471 E12 đến TBA Hòa Phú 2 – 471 E12					78.906.2 45
a.	Thiết bị					15.000.0 00
1	Dao cách ly 3 pha 24kV (truyền động cơ khí)	bộ	1		15.000.0 00	15.000.0 00
b.	Vật liệu					63.906.2 45
1	Dây nhôm bọc AV95-12,7kV	mét	759	777. 98	54.200	42.166.2 45

2	Sứ đứng 24kV + ty mạ kẽm (loại Pin post)	bộ	11		220.000	2.420.000
3	Chuỗi néo polime 24kV + phụ kiện	chuỗi	24		185.000	4.440.000
4	Kẹp răng trung thế A95-185/A95-185	cái	24		620.000	14.880.000
					
	TỔNG CỘNG					3.939.813.33 5

Nguồn: Công ty Cổ Phần Xây Lắp Điện Đà Nẵng (tháng 2-2010)

Cuối kỳ, từ bảng tổng hợp số liệu nguyên vật liệu trên kế toán sẽ tổng hợp chi phí nguyên vật liệu theo từng hạng mục công trình qua bảng 2.6.

Bảng 2.6 Tổng hợp dự toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp theo hạng mục công trình

Công trình: Hoàn thiện chống quá tải lưới điện Điện Lực Cẩm Lệ Năm 2011

STT	Tên Hạng Mục	Số tiền (vnd)
1	Hạng mục xây dựng ĐZ liên lạc 471E9-471E12 đến TBA Hoà Phú -471E12	78.906.245
2	Hạng mục xây dựng ĐZHT và TBA T2 KDC Phong Nam	225.672.100
	Tổng cộng	304.578.345

Nguồn: Công ty Cổ Phần Xây Lắp Điện Đà Nẵng (tháng 2-2010)

Tại công trình Hoàn thiện chống quá tải lưới điện Điện Lực Cẩm Lệ Năm 2011 chi phí nguyên vật liệu trực tiếp được đo lường tương tự như trên.

Như vậy, tại xí nghiệp đều tập hợp chi phí sản xuất cho từng công trình theo từng hạng mục lớn, còn các hạng mục nhỏ hơn thì chưa tập hợp chi phí. Vì vậy, việc so sánh và phân tích phục vụ công tác kiểm soát chưa thể thực hiện tốt được.

b) Chi phí nhân công trực tiếp

Chi phí nhân công trực tiếp bao gồm chi phí về tiền lương, các khoản phải trả khác, các khoản trích theo lương của công nhân xây lắp trực tiếp của xí nghiệp.

Hàng ngày, căn cứ vào thực tế làm việc của công nhân xây lắp, các tổ trưởng sẽ chấm công và ghi chép số tiền ăn, tiền ứng của các công nhân. Cuối tháng, tổ trưởng nộp bảng chấm công cho chỉ huy trưởng ký duyệt và gửi về phòng kế toán của xí nghiệp. Trên cơ sở ngày công làm việc thực tế trên bảng chấm công, mức lương theo Hợp đồng lao động, kế toán tính ra tiền lương của các công nhân xây lắp trực tiếp cho từng hạng mục công trình. Sau đó căn cứ vào Bảng thanh toán tiền lương hàng tháng kế toán sẽ tổng hợp chi phí tiền lương cho các hạng mục lớn.

Tại công trình Hoàn thiện chống quá tải lưới điện Điện Lực Cẩm Lệ Năm 2011 có nhiều hạng mục công trình. Mỗi hạng mục công trình giao cho tổ trưởng quản lý công nhân xây lắp trực tiếp. Khi hoàn thành công trình, căn cứ vào các Bảng thanh toán tiền lương cho công trình, toàn bộ chi phí nhân công trực tiếp được kế toán tổng hợp trên Bảng tổng hợp chi phí nhân công trực tiếp cho toàn công trình. Sau đó, kế toán xí nghiệp sẽ hạch toán báo sổ với công ty, được thể hiện qua bảng 2.7

Bảng 2.7 Tổng hợp chi phí nhân công trực tiếp theo hạng mục công trình
BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ NHÂN CÔNG TRỰC TIẾP THEO HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH

Công trình: Hoàn thiện chống quá tải lưới điện Điện Lực Cẩm Lệ Năm 2011

STT	Tên Hạng Mục	Số tiền (vnd)
1	Hạng mục xây dựng ĐZ liên lạc 471E9-471E12 đến TBA Hoà Phú -471E12	50.027.664
2	Hạng mục xây dựng ĐZHT và TBA T2 KDC Phong Nam	91.072.476
	Tổng cộng	141.100.140

Nguồn: Công ty Cổ Phần Xây Lắp Điện Đà Nẵng (tháng 2-2010)

Như vậy, xí nghiệp đều tập hợp chi phí nhân công cho từng công trình theo từng hạng mục lớn, còn các hạng mục nhỏ hơn thì chưa tập hợp chi phí. Vì vậy, việc so sánh và phân tích phục vụ công tác kiểm soát chưa thể thực hiện tốt được.

c) Chi phí máy thi công

Chi phí máy thi công tại các xí nghiệp trực thuộc bao gồm: chi phí phục vụ cho máy thi công tại các đơn vị như chi phí khấu hao máy thi công, chi phí xăng dầu chạy máy thi công, tiền lương và các khoản phải trả khác cho công nhân vận hành máy thi công ... và chi phí thuê ngoài máy thi công.

Chi phí phục vụ cho xe, máy thi công tại các đơn vị theo dõi chi tiết trên các bảng tính khấu hao xe, máy thi công, bảng tổng hợp về tiền lương, bảng tổng hợp nhiên liệu, vật liệu sử dụng cho máy thi công. Tại các đơn vị này chưa có hệ thống sổ chi tiết chi phí máy thi công cho từng hạng mục công trình.

Chi phí thuê xe, máy thi công được theo dõi chi tiết trên sổ chi tiết chi phí máy thi công thuê ngoài theo giờ máy hoạt động. Nhưng sổ này theo dõi chung chung chi phí thuê máy thi công cho toàn công trình chứ chưa theo dõi chi phí máy thi công cho từng hạng mục công trình.

Khi công trình hoàn thành, tất cả chi phí sử dụng máy thi công được tập hợp trên bảng tổng hợp chi phí máy thi công cho toàn công trình.

Căn cứ vào các bảng tính khấu hao cho máy thi công, bảng tính tiền lương, bảng kê nhiên liệu xuất kho cho máy thi công, kế toán công ty tổng hợp chi phí sử dụng máy thi công theo bảng 2.8.

Bảng 2.8 Tổng hợp chi phí sử dụng máy thi công theo hạng mục công trình

Công trình: Hoàn thiện chống quá tải lưới điện Điện Lực Cẩm Lệ Năm 2011

STT	Tên Hạng Mục	Số tiền (vnd)
1	Hạng mục xây dựng ĐZ liên lạc 471E9-471E12 đến TBA Hoà Phú -471E12	40.326.100
2	Hạng mục xây dựng ĐZHT và TBA T2 KDC Phong Nam	38.263.200
	Tổng cộng	78.589.300

Nguồn: Công ty Cổ Phần Xây Lắp Điện Đà Nẵng (tháng 2-2010)

Như vậy, cũng tương tự chi phí nguyên vật liệu trực tiếp và chi phí nhân công trực tiếp, chi phí máy thi công vẫn chưa được các đơn vị này tính toán và ghi sổ phù hợp với số liệu kế toán. Việc tập hợp chi phí phát sinh mà không so sánh với khối lượng xây lắp hoàn thành tương ứng để phục vụ cho công tác kiểm soát chi phí như mục tiêu đã đề ra khi bắt đầu thi công công trình.

d) Chi phí sản xuất chung

Trong các công trình xây dựng tại đơn vị xây lắp trực thuộc công ty thì chi phí sản xuất chung bao gồm: lương gián tiếp và các khoản trích theo lương của nhân viên quản lý công trình, chi phí tiếp khách, chi phí điện nước, điện thoại, chi phí khấu hao tài sản cố định phục vụ cho công trình không tính vào chi phí máy thi công.

Toàn bộ chi phí này được theo dõi trên bảng kê chi tiết và sổ tổng hợp chi phí chung của toàn bộ công trình. Cụ thể, kế toán công trình tập hợp các chứng từ liên quan đến các chi phí chung đến các chi phí chung phát sinh cho toàn công trình, lên bảng kê chi phí chung. Kế toán các đơn vị trực thuộc căn cứ vào bảng kê này và dựa vào bảng kê chi phí chung. Kế toán các đơn vị trực thuộc căn cứ vào bảng kê này và dựa vào bảng tính tiền lương, bảng tính khấu hao... để tổng hợp chi phí chung cho toàn công trình theo bảng 2.9

Bảng 2.9 Tổng hợp chi phí sản xuất chung công trình

Công trình: Hoàn thiện chống quá tải lưới điện Điện Lực Cẩm Lệ Năm 2011

STT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN (VNĐ)
1	Tiền lương quản lý công trình	33.856.000
2	Các khoản trích theo lương	19.756.550
3	Tiền điện, nước, điện thoại	5.149.520
4	Chi phí tiếp khách	6.615.200
	
	Tổng cộng	105.306.520

Nguồn: Công ty Cổ Phần Xây Lắp Điện Đà Nẵng (tháng 2-2010)

Các chi phí chung phát sinh cho các công trình xây dựng được các đơn vị trực thuộc công ty tập hợp chung cho tất cả các hạng mục công trình. Bởi vì việc tập hợp riêng cho từng hạng mục công trình yêu cầu sự quản lý và theo dõi rất chặt chẽ của kế toán công trình và sự phân bổ hợp lý các chi phí này. Điều này, kế toán công trình của các đơn vị chưa làm được.

Từ các bảng tổng hợp chi phí trên, kế toán đơn vị sẽ lập bảng tính giá thành cho công trình hoàn thành theo bảng 2.10

Bảng 2.10 Bảng tính giá thành

Công trình: Hoàn thiện chống quá tải lưới điện Điện Lực Cẩm Lệ Năm 2011

BẢNG TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM CÔNG TRÌNH		
STT	KHOẢN MỤC CP	TỔNG GIÁ THÀNH (VNĐ)
1	CP NVL TRỰC TIẾP	304.578.345
2	CP NC TRỰC TIẾP	141.100.140
3	CP MÁY THI CÔNG	78.589.300
4	CP SX CHUNG	105.306.520
	TỔNG CỘNG	629.574.305

Nguồn: Công ty Cổ Phần Xây Lắp Điện Đà Nẵng (tháng 2-2010)

2.3.2. Kiểm soát nội bộ chi phí xây lắp

2.3.2.1 Thủ tục kiểm soát trước

Khi công ty trúng thầu thì phòng kỹ thuật tổng hợp của công ty lập dự toán nội bộ về các chi phí cho công trình, văn phòng công ty sẽ có kế hoạch bố trí nhân viên cũng như cho thuê mượn thêm nhân công bên ngoài, trung tâm tư vấn thiết kế sẽ xem xét thiết kế và trình lên ban giám đốc phê duyệt, thời hạn thi công được xác định, công việc chuẩn bị vật tư, máy móc, thiết bị...sau đó sẽ tiến hành thi công. Tại xí nghiệp xây lắp, khi dự toán công ty đưa xuống thị tiến hành ra soát lại từng khoản mục để xem xét có gì bất cập không, nếu có thì phản ánh lại với công ty để điều chỉnh kịp thời. Dự toán nội bộ được lập nhưng ít chú trọng đến khâu kiểm soát trước khi thi công.

2.3.2.2 Thủ tục kiểm soát hiện hành

a) Thủ tục kiểm soát chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tại công ty bao gồm những loại như: sắt thép, cáp sứ...

Mục tiêu kiểm soát chi phí nguyên vật liệu trực tiếp không chỉ là tiết kiệm tối đa các chi phí mà đồng thời cũng phải đảm bảo chất lượng sản phẩm xây lắp đúng kỹ thuật, chất lượng.

Việc kiểm soát chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tại công ty được thực hiện qua các công việc như sau:

- Tổ chức hệ thống chứng từ

Khi có nhu cầu xuất dùng vật tư dưới các xí nghiệp sẽ là “giấy đề nghị xuất dùng vật tư” gửi lên Phòng kinh tế kỹ thuật tổng hợp, sau khi xem xét kỹ trưởng phòng sẽ ký duyệt.

Thông thường hàng tháng phòng kinh tế kỹ thuật tổng hợp sẽ có kế hoạch mua vật tư rồi đưa về nhập kho.

Các chứng từ sử dụng liên quan: giấy yêu cầu mua vật tư, giấy đề nghị xuất vật tư, phiếu nhập kho, phiếu xuất kho, thẻ kho, biên bản giao nhận, hóa đơn, phiếu chi...

- Công tác kế toán:

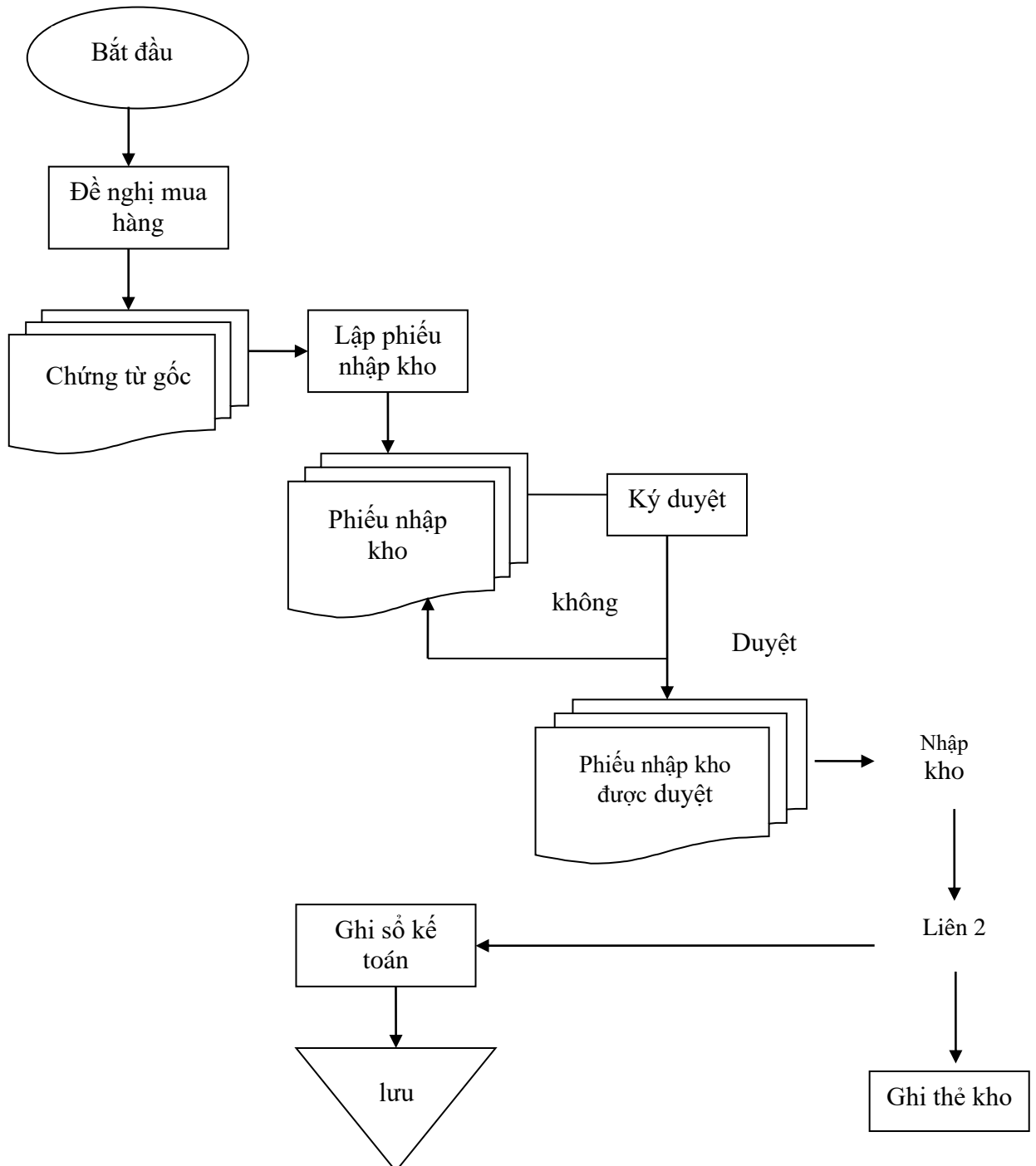
- Phương pháp tính nguyên vật liệu nhập kho:

$$\begin{array}{rcccl} \text{Giá nguyên vật} & & \text{giá mua} & & \text{các} \\ \text{liệu nhập kho} & = & \text{trên hóa} & + & \text{khoản} \\ & & \text{đơn} & \text{mua hợp lý} & \text{giảm trừ} \end{array}$$

Phương pháp tính giá nguyên vật liệu xuất kho: phương pháp bình quân sau mỗi lần nhập

Để đảm bảo quá trình thi công được diễn ra một cách liên tục, thực hiện đúng tiến độ thi công cũng như đúng thời hạn của từng hợp đồng, việc cung ứng vật tư do Phòng kỹ thuật kết hợp với Phòng kế toán thực hiện. Hàng tháng căn cứ vào kế hoạch sản xuất của xí nghiệp, kế hoạch thi công xây lắp của công ty phòng kế hoạch vật tư lập kế hoạch thu mua vật tư đảm bảo cho quá trình thi công diễn ra liên tục không bị gián đoạn. Tại đây phòng kế hoạch

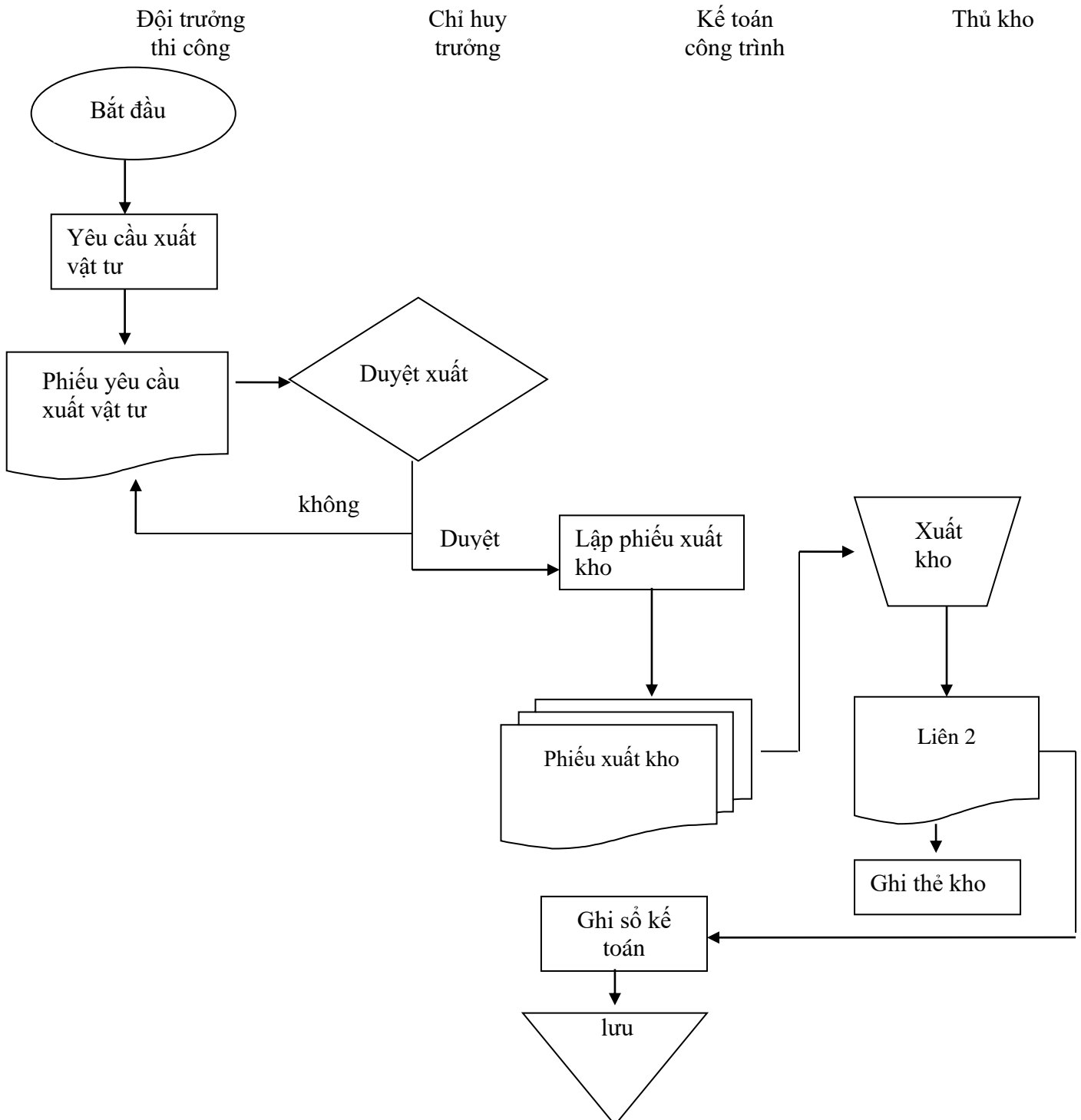
vật tư lập giấy yêu cầu mua vật tư và dựa trên hợp đồng đã được ký kết giữa
 hai Nhân viên mua vật tư và Kế toán theo Chỉ huy và Thủ kho
 này giao hàng qua sơ công trình trường



Sơ đồ 2.11 Lưu đồ cung ứng vật tư cho các công trình

Khi vật tư chuyển đến, phụ trách phòng kỹ thuật phải có đầy đủ các chứng từ. Căn cứ vào đó, kế toán vật tư sẽ tiến hành lập Phiếu nhập kho, thủ

kho sẽ ghi Thẻ kho. Khi có nhu cầu vật tư cho công trình, căn cứ vào Giấy đề nghị xuất vật tư đã được ký duyệt, phụ trách phòng kỹ thuật lập Phiếu xuất kho, thủ kho tiến hành xuất vật tư sau đó phản ánh vào Thẻ kho. Thủ tục xuất kho nguyên vật liệu được thể hiện theo sơ đồ 2.12



Sơ đồ 2.11 Lưu đồ xuất sử dụng vật tư cho các công trình

Đối với trường hợp mua chuyên thẳng cho công trình, thì kế toán vật tư lập Phiếu nhập kho đồng thời viết Phiếu xuất kho theo đúng số lượng ghi trên hóa đơn mua hàng.

Đây là quá trình kiểm soát việc luân chuyển chứng từ về các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến chi phí nguyên vật liệu trực tiếp và việc hạch toán, ghi chép vào sổ sách kế toán liên quan.

Nguyên vật liệu như sắt, thép tồn kho được bảo quản bằng hệ thống kho kiên cố, bãi có hàng rào lưới B40 có khóa cẩn thận, thủ kho chịu trách nhiệm bảo quản nguyên vật liệu, mọi thất thoát thủ kho phải bồi thường. Định kỳ, thủ kho phải báo cáo tình hình nguyên vật liệu tồn kho cũng như đối chiếu với sổ sách kế toán để kiểm tra và lên kế hoạch. Đối với nguyên vật liệu khác như cát, đất, đá dăm thì được tập kết tại công trình nên dễ xảy ra thất thoát và mất mát.

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp chiếm tỷ trọng lớn trong các khoản chi phí tại doanh nghiệp, làm thế nào để tiết kiệm tối đa các chi phí mà đồng thời chất lượng công trình vẫn luôn đảm bảo, đó cũng là mục tiêu luôn được đặt ra trong các doanh nghiệp. Vì thế tổ chức, quản lý, bảo quản tốt vật tư, phải thực hiện theo đúng quy định của nhà nước và của công ty, phải kiểm tra giám sát việc thực nhập xuất vật tư gây lãng phí, mất mát... ảnh hưởng tới chất lượng công trình, cũng như uy tín của công ty...

Ngoài việc kiểm soát chi phí nguyên vật liệu về mặt kế toán như thủ tục ký duyệt, trình tự luân chuyển chứng từ, việc kiểm tra chéo.....thì tại công ty còn kiểm soát chi phí về mặt vật chất thông qua kiểm kê đánh giá số lượng và chất lượng vật liệu ở trong kho ở công ty cũng như ở kho tại công trình.

Chất lượng và số lượng nguyên vật liệu xuất cho sử dụng không được theo dõi, kiểm soát chặt chẽ, số lượng xuất dùng một số loại vật tư lại không được cân, đo, đong, đếm cụ thể như cát, đá ... vì vậy không kiểm soát được quá trình sử dụng vật tư.

Ở xí nghiệp khi nhận NVL về thì tiến hành bảo quản và đưa vào sử dụng Nhưng tại xí nghiệp vẫn chưa thiết kế thủ tục kiểm soát vật tư trong quá trình thi công. Định kỳ, tổ (đội) trưởng và chỉ huy trưởng của các công trình

không kiểm kê khối lượng xây lắp hoàn thành của từng hạng mục để xác định số lượng vật liệu tiêu hao và kiểm soát việc thất thoát nguyên vật liệu trong quá trình sử dụng.

b) Thủ tục kiểm soát chi phí nhân công trực tiếp

Cuối tháng các tổ trưởng của xí nghiệp sẽ tổng hợp số ngày công thực tế làm của họ và đưa lên phòng kế toán của xí nghiệp, kế toán của xí nghiệp sẽ tiếp nhận bảng chấm công, bảng tổng hợp xếp loại... từ các phân xưởng, đội thi công tiến hành kiểm tra xác nhận ký duyệt. Sau đó kế toán xí nghiệp sẽ báo và chuyển số liệu cho phòng tổ chức, phòng tổ chức sẽ kiểm tra và cập nhật thông tin vào máy tính, đưa vào phần mềm chấm công dựa trên số giờ làm và ngày công làm việc của công nhân vào bảng tính lương. Phòng tổ chức có nhiệm vụ kiểm soát chặt chẽ chi phí tiền lương cho CBCNV và các chế độ liên quan cho người lao động, hạn chế tối đa việc khai khống tiền lương

Ở công ty, việc tính và trả lương cho người lao động được tiến hành theo hai hình thức:

+ Trả lương theo thời gian:

Công ty áp dụng hình thức này đối với những nhân viên làm việc gián tiếp như: vận chuyển nguyên vật liệu, bốc xếp vật tư thành phẩm..... Vì vậy nên công ty không xây dựng định mức lương cho công nhân mà công ty dựa trên khối lượng, chất lượng công việc mà họ hoàn thành.

+ Trả lương theo sản phẩm:

Áp dụng cho công nhân trực tiếp thi công xây lắp, sản xuất sản phẩm. Mỗi xí nghiệp đều xây dựng một đơn giá sản phẩm riêng dựa trên thời gian làm việc thực tế và khối lượng sản phẩm hoàn thành mà họ làm ra để tính lương. Hình thức trả lương này công ty dựa trên độ phức tạp, trách nhiệm, mức độ hoàn thành công việc... và công ty sử dụng hai hình thức khoán như sau:

- Khoán theo thời gian
- Khoán theo sản phẩm.

Đối với hạng mục giao khoán thì căn cứ vào đơn giá định mức và khối lượng thực tế đã hoàn thành để thanh toán chi phí nhân công cho các đơn vị nhận khoán.

Đối với hạng mục tự tổ chức thi công: Mỗi hạng mục có 1 tổ (đội) thi công, các thủ tục kiểm soát bao gồm kiểm soát số lượng ngày công, đơn giá ngày công và kiểm soát năng suất lao động

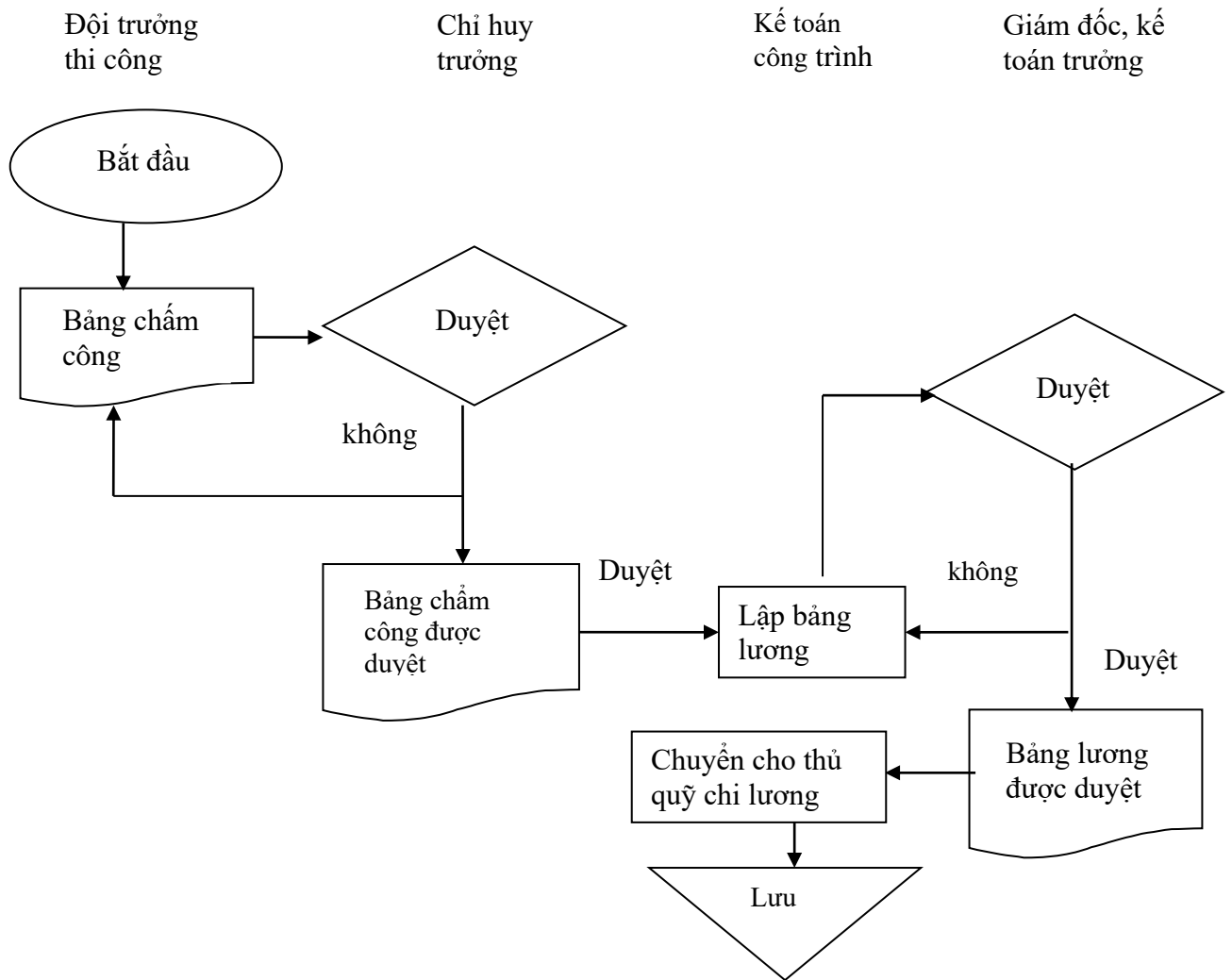
* Kiểm soát số lượng ngày công: Việc ghi chép, phản ánh chi phí nhân công căn cứ vào: Bảng chấm công, Bảng nghiệm thu kỹ thuật, Phiếu xác nhận khối lượng sản phẩm hoàn thành.

Ở công ty đã có phân định rõ ràng giữa các chức năng khác nhau như quản lý nhân sự, ghi chép, chất lượng, phát lương, chẳng hạn:

+ Đối với công nhân gián tiếp thi công công trình được công ty quản lý ở phòng tổ chức hành chính. Mọi sự thay đổi về nhân sự văn phòng chịu trách nhiệm thông báo cho Ban giám đốc và phòng kế toán biết để tạo thuận lợi cho việc theo dõi cũng như tính lương

+ Đối với công nhân trực tiếp thi công cũng có sự phân nhiệm rõ ràng, nhất là số công nhân thuê ngoài. Số lượng công nhân này được quản lý bởi đội trưởng đội thi công và được phân thành từng tổ, tổ trưởng có trách nhiệm theo dõi, quản lý số công nhân mà mình đảm trách.

Hàng ngày các tổ (đội) trưởng sẽ chấm công lao động của tổ mình sau đó cuối tháng tổng hợp tình hình trình cho chỉ huy trưởng công trình xem xét, phê duyệt và kế toán công trình tính lương. Cuối tháng từng bộ phận trong công ty sẽ phụ trách về việc chấm công cho các nhân viên thuộc bộ phận mình, kế toán căn cứ vào Bảng chấm công để lập Bảng tính lương, trình kế toán trưởng ký, sau đó trình giám đốc duyệt rồi mới đưa cho thủ quỹ phát lương. Khi phát lương, thủ quỹ căn cứ vào số tiền lương đã duyệt mà phát cho công nhân viên và yêu cầu người nhận ký, ghi rõ số tiền bằng chữ. Thủ tục kiểm soát chi phí nhân công được thể hiện qua sơ đồ 2.13



Sơ đồ 2.13 Lưu đồ kiểm soát chi phí nhân công trực tiếp

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP ĐIỆN ĐN

Đơn vị:.....

BẢNG CHẤM CÔNG _ Tháng 1 Năm 2010

TT	HỌ VÀ TÊN	Ngạch bậc lương, phụ cấp		NGÀY TRONG THÁNG													QUY RA CÔNG								
		lương	PC	1	2	3	4	5	6	7	8	...	27	28	29	30	31	Hưởng lương sản phẩm	Hưởng lương thời gian	Làm thêm ngoài giờ	Ngưng việc 100% lương	Ngưng việc 70% lương	Hưởng BHXH	Nghỉ không lương	
A	B								CN				CN												
1	Hồ Trung Trực	6,00	0,5	x	x	x	x	x		x	P	...		x	x	x	x								
2	Nguyễn Văn Khoa	5,00	0,4	x	x	x	x	x		P	x	...		x	x	x	x								
3	Nguyễn Văn Vĩnh	4,00		P	P	x	x	x		x	x	...		x	x	x	x								
4	Bùi Thanh Lam	4,00	0,3	x	x	x	x	x		x	x	...		x	x	x	x								
5	Ngô Anh Tuấn	3,50		x	x	x	x	x		x	x	...		x	x	x	x								
6	Huỳnh Văn Hùng	3,00		x	x	x	x	x		x	x	...		x	P	x	x								
7	Lê Thanh Đức	2,80		x	x	x	x	x		x	x	...		x	x	x	x								
8	Trần Huy Hoàng	1,80		x	x	x	x	x		x	x	...		x	x	x	x								
9	Nguyễn Trung Kiên	2,50		x	x	x	x	x		x	x	...		x	x	x	x								
10																								
11	Tổng cộng																								

Ngày 01 tháng 02 năm 2010

Người chấm công
(ký, họ tên)Phụ trách bộ phận
(ký, họ tên)Văn phòng cty
(ký, họ tên)

Từ bảng chấm công, kế toán tính lương và lập Bảng thanh toán lương.

BẢNG THANH TOÁN LƯƠNG

Tháng 1 năm 2010

TT	HỌ VÀ TÊN	Hệ số	LƯƠNG THEO CHẾ ĐỘ	LƯƠNG THEO KHỐI LƯỢNG THỰC HIỆN	CÁC KHOẢN KHẤU TRỪ				CÒN NHẬN
					TẠM ÚNG	BHXH (6%)	QUỸ TT (1,5%)	QUỸ CĐ (1%)	
1	Hồ Trung Trực	2.31	1.917.300	3.163.000	500.000	115.038	28.760	19.173	2.500.029
2	Nguyễn Văn Khoa	1.96	1.626.800	2.875.000	500.000	97.608	24.402	16.268	2.236.722
3	Nguyễn Văn Vĩnh	1.67	1.386.100	2.260.000	500.000	83.166	20.792	13.861	1.642.181
4	Bùi Thanh Lam	2.81	2.332.300	3.270.000	500.000	139.938	34.985	23.323	2.571.754
5	Ngô Anh Tuấn	2.31	1.917.300	2.778.000	500.000	115.038	28.760	19.173	2.115.029
6	Huỳnh Văn Hùng	1.96	1.626.800	2.345.000	500.000	97.608	24.402	16.268	1.706.722
7	Lê Thanh Đức	2,71	2.249.300	2.870.000	500.000	134.958	33.740	22.493	2.178.809
8	Trần Huy Hoàng	2,71	2.249.300	2.720.000	500.000	134.958	33.740	22.493	2.028.809
9	Nguyễn Trung Kiên	2.81	2.332.300	3.360.000	500.000	139.938	34.985	23.323	2.661.754
10
	TỔNG CỘNG	

Người lập bảng
(ký, họ tên)

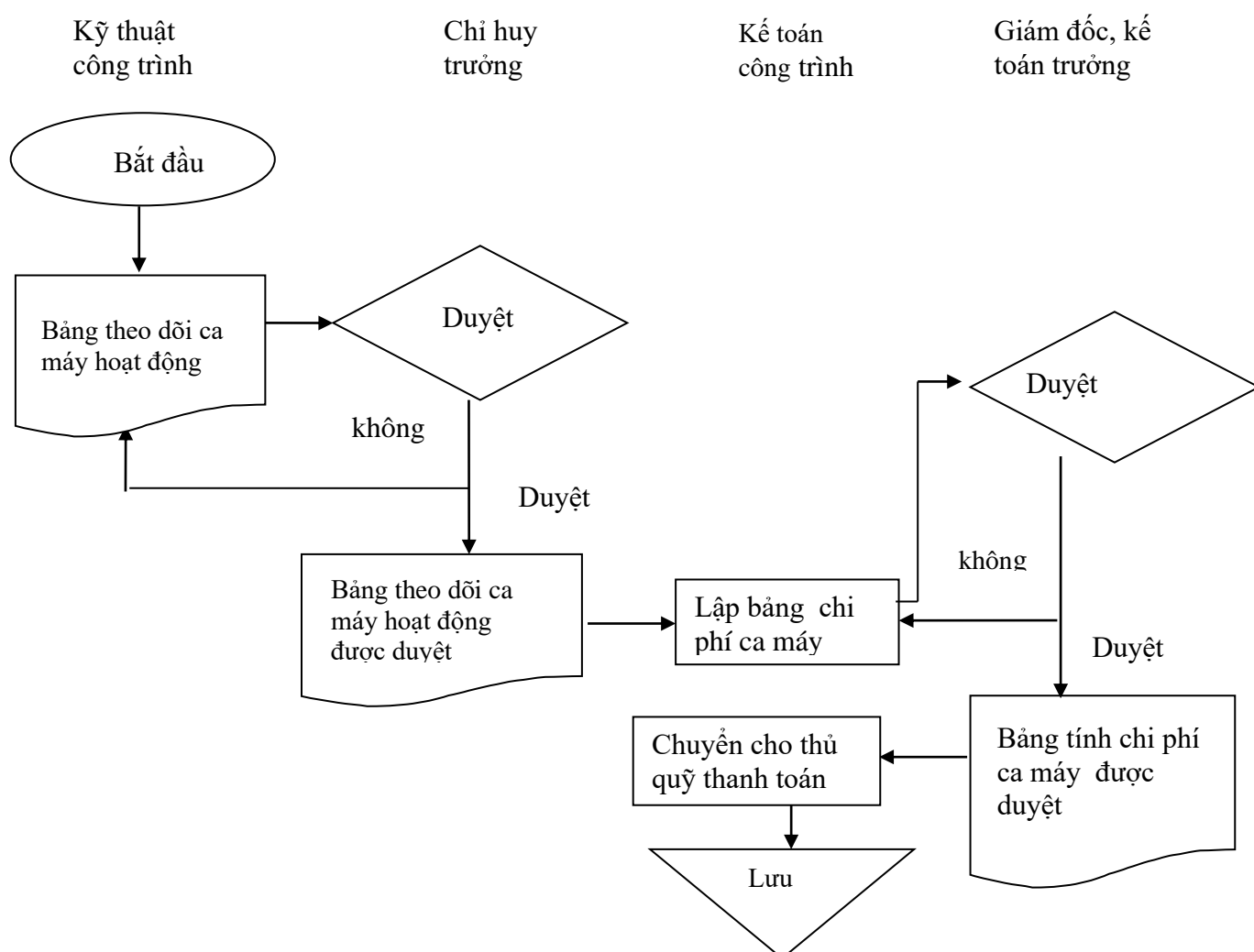
Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên)

Thực tế, chỉ huy công trình và tổ trưởng không thể tiến hành kiểm tra khối lượng xây lắp hoàn thành và căn cứ vào số lượng ngày công để tính năng suất lao động thực tế và đối chiếu với định mức trong dự toán chi phí. Chính vì vậy, việc kiểm soát năng suất lao động ở các công trình xây dựng tại các đơn vị trực thuộc công ty là chưa chặt chẽ, không có đủ căn cứ để điều chỉnh kịp thời năng suất lao động.

c) Kiểm soát chi phí sử dụng máy thi công

Việc cung ứng, điều động máy thi công được thực hiện bởi phòng kỹ thuật của công ty. Do mỗi công trình đều có dự toán, thiết kế riêng nên khi thi công công trình, căn cứ vào dự toán được duyệt phòng kỹ thuật sẽ tiến hành lập “Bảng dự trù điều máy thi công” trong đó liệt kê đầy đủ chủng loại, số lượng của từng máy và công dụng của chúng trong từng giai đoạn thi công. Thủ tục kiểm soát chi phí máy thi công được thể hiện qua sơ đồ 2.14



Sơ đồ 2.14 Lưu đồ kiểm soát chi phí sử dụng máy thi công

Các máy thi công, các xe vận chuyển và các tài sản khác phục vụ cho thi công công trình được kế toán TSCĐ thực hiện đầy đủ việc trích khấu hao và phân bổ khấu hao. Định kỳ, kế toán tổng hợp tập hợp chi phí sử dụng máy thi công để phục vụ công tác tính giá thành.

Việc theo dõi, sử dụng máy thi công đúng mục đích, đúng đối tượng yêu cầu của nhà quản lý, việc quản lý đó thông qua Phiếu theo dõi ca máy thi công và chế độ bảo dưỡng máy thi công được phòng kỹ thuật thi công thực hiện. Khi máy thi công xuất dùng cho công trình thì người điều khiển máy thi công phải được kiểm tra, giám sát bởi phụ trách kỹ thuật thi công, đội trưởng. Máy thi công phải được kiểm tra kỹ thuật trước khi xuất dùng và nếu có sự cố nào phải được sửa chữa để đảm bảo đúng định mức đề ra. Với vật liệu xuất dùng cho máy thi công phải được kiểm tra theo dõi bởi phụ trách kỹ thuật và đội trưởng đội thi công của xí nghiệp.

Tiền lương của công nhân vận hành máy thi công được trả cố định theo định mức đã ký kết trong hợp đồng lao động. Vì vậy, khi điều khiển người lái không phát huy hết công suất của máy và khả năng làm việc của mình.

Tình trạng của máy thi công không được kiểm tra định kỳ mà chỉ khi nào có sự hư hỏng thì mới tiến hành sửa chữa. Vì vậy, tại các công trình đã xảy ra việc ngừng sản xuất do sự hư hỏng bất thường của máy thi công. Các xí nghiệp chưa có các quy định trách nhiệm cho người điều khiển trong việc bảo quản và sử dụng hiệu quả thiết bị. Do chưa có bãi tập kết và vật che chắn máy thi công tại công trình nên các máy móc này chịu sự ảnh hưởng rất lớn của thời tiết nên hư hỏng nhanh chóng.

Tóm lại, thủ tục kiểm soát chi phí máy thi công chưa được xây dựng một cách cụ thể. Vì vậy, cần lập danh mục chi phí và xây dựng định mức cho từng khoản mục chi phí máy thi công, xây dựng quy trình kiểm soát đơn giá và năng suất.

d) Kiểm soát chi phí sản xuất chung

Kỹ thuật phụ trách, khi các khoản chi phí phát sinh, tổ trưởng sẽ ghi chép lại và đưa lên phòng kế toán để tập hợp lại và ghi sổ, định kỳ sẽ kiểm tra

xem có thực hiện đúng quy trình luân chuyển chứng từ, ghi sổ và việc bảo quản sổ sách.

Đối với chi phí tiền lương cho công nhân thi công quá trình kiểm soát được thực hiện tương tự như chi phí nhân công trực tiếp

Công tác mua sắm tổ chức theo dõi bảo quản đối với TSCĐ được thực hiện tương tự như quá trình mua và bảo quản nguyên vật liệu và rất được chú trọng, thường xuyên kiểm tra giá trị còn lại của tài sản, kiểm tra đối chiếu các chứng từ liên quan, chứng từ thanh toán, kiểm tra việc thực hiện quá trình mua sắm, lắp đặt đối với TSCĐ, kiểm tra việc cập nhật số liệu, trích khấu hao kiểm tra các tiêu thức phân bổ chi phí khấu hao cho từng loại hình sản xuất kinh doanh, kiểm tra tính chính xác, tính hợp lý của các mức trích khấu hao.

Đối với các dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác công ty không xây dựng đơn giá định mức mà tập hợp tất cả các khoản chi phí bằng tiền khác thực tế phát sinh. Công tác kiểm soát được thể hiện thông qua tính hợp lý, hợp lệ của các chứng từ, hóa đơn.....đối chiếu số liệu trên chứng từ gốc với số liệu đã cập nhật vào máy. Đây cũng là khoản chi phí rất dễ bị gian lận, vì thế ban lãnh đạo yêu cầu các khoản chi phí phục vụ cho xây lắp phải có chứng từ đầy đủ và hợp lý, phải được sự xét duyệt của ban giám đốc. Vật liệu, công cụ dụng cụ xuất dùng cho mục đích chung của tổ thì được tổ trưởng các nhân viên quản lý theo dõi chặt chẽ, và báo cáo tình hình sử dụng cho cấp trên.

Chi phí sản xuất chung là chi phí khó kiểm soát, đây là vấn đề bất cập của doanh nghiệp. Ở công ty công tác kiểm soát được thực hiện tương đối tốt nhưng về cơ bản vẫn còn tồn tại nhiều vấn đề cần được khắc phục

Vậy để kiểm soát tốt chi phí chung đơn vị phải lập danh mục và xây dựng định mức cho từng danh mục chi phí. Bởi thực tế, trong hoạt động xây lắp, khi hạch toán, kế toán rất dễ nhầm lẫn giữa hai khoản mục chi phí chung và chi phí máy thi công, do đó khó khăn trong việc kiểm soát.

2.3.2.3 Thủ tục kiểm soát sau đối với chi phí xây lắp

Thực chất của thủ tục kiểm soát sau đối với chi phí xây lắp là phân tích sự biến động của chi phí xây lắp thông qua việc sử dụng phương pháp thay thế liên hoàn để tìm ra các nhân tố ảnh hưởng.

Thực tế tại các đơn vị xây lắp trực thuộc công ty thì chưa thực hiện thủ tục kiểm soát sau đối với chi phí xây lắp.

2.3.3 Những hạn chế trong công tác kiểm soát nội bộ chi phí xây lắp tại đơn vị

- **Tổ chức hệ thống thông tin**

Tại đơn vị việc tổ chức hệ thống thông tin phục vụ cho việc kiểm soát chưa phù hợp giữa thông tin dự toán và thông tin thực hiện. Chi phí máy thi công và chi phí sản xuất chung chưa được lập thành danh mục cụ thể và xây dựng định mức cho từng khoản mục chi phí để phục vụ cho quá trình kiểm soát. Đối tượng hạch toán chưa tương ứng với đối tượng lập dự toán do đó chưa phục vụ cho công tác kiểm soát nội bộ chi phí xây lắp. Cụ thể, khi tham gia đấu thầu thì công ty lập một dự toán và khi trúng thầu thì công ty căn cứ vào gói thầu đó để lập một dự toán nội bộ khác về chi phí để sát với tình hình thực hiện.

Vì vậy cần tổ chức lại hệ thống thông tin dự toán và thông tin thực hiện để kiểm soát tốt hơn hiệu quả chi phí xây lắp. Hệ thống định mức chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công phải xây lắp phải xây dựng công thức tính toán trên cơ sở định mức của nhà nước. Đối với chi phí máy thi công và chi phí sản xuất chung phải lập danh mục chi phí và định mức cho từng khoản mục. Khi chi phí phát sinh, kế toán căn cứ vào danh mục chi phí hạch toán vào sổ liên quan.

- **Thủ tục kiểm soát chi phí**

Các thủ tục kiểm soát chi phí tại đơn vị còn đơn giản, chưa quy định trách nhiệm cụ thể cho từng cá nhân trong quá trình thực hiện.

Thực tế chỉ có thủ tục kiểm soát chi phí nguyên vật liệu, nhưng thủ tục kiểm soát chi phí nguyên vật liệu cũng chưa chặt chẽ ở khâu kiểm soát giá, chất lượng vật tư, chưa quy định rõ trách nhiệm từng cá nhân trong khâu sử

dụng vật tư tại công trường. Tất cả các thủ tục kiểm soát của đơn vị không được phổ biến rộng rãi trong toàn thể cán bộ công nhân viên, tổ chức phân tích, rà soát cân đối chi phí thực tế và định mức ngay sau khi hạng mục nhỏ công trình hoàn thành.

Vậy cần phải hoàn thiện thủ tục kiểm soát giá, chất lượng vật tư lúc mua, kiểm soát số lượng vật tư tại công trình, xây dựng thủ tục kiểm soát đối với chi phí xây lắp. Đồng thời thông báo rộng rãi các thủ tục kiểm soát cho toàn thể cán bộ công nhân viên để thực hiện.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Trong chương này, bên cạnh phần giới thiệu về công ty Cổ Phần Xây Lắp Điện ĐN, luận văn đã trình bày hệ thống kiểm soát nội bộ và thực trạng công tác kiểm soát nội bộ chi phí xây lắp tại đơn vị.

Trong thực tế không có một hệ thống KSNB nào là hoàn hảo, nghĩa là một hệ thống có thể ngăn ngừa mọi hậu quả xấu có thể xảy ra và công ty cũng không phải là ngoại lệ. Nhưng nhìn chung công ty đã thiết lập được một hệ thống KSNB tương đối hữu hiệu, giúp ngăn chặn được các gian lận và hạn chế phần nào được các sai sót.

Việc chuẩn bị cũng như kế thừa các điều kiện trước đây đã tạo điều kiện thuận lợi cho công ty trong quá trình cổ phần hóa. Hầu như toàn bộ hoạt động của công ty vẫn được tiến hành như bình thường, không bị gián đoạn. Một vấn đề mà nhiều công ty gặp phải trong quá trình cổ phần hóa là việc gian lận trong thời điểm giao thời nhưng công ty lại ít gặp phải. Đây là một điểm thể hiện khả năng điều hành, quản lý chặt chẽ của đội ngũ cán bộ lãnh đạo công ty.

Mặt dù địa bàn hoạt động của công ty phân tán rộng nhưng việc để mỗi bộ phận tự chịu trách nhiệm về hoạt động của mình đã làm cho việc quản lý được chặt chẽ hơn, sâu sát hơn.

Theo thực tế, công tác kiểm soát nội bộ chi phí xây lắp tại đơn vị đã được thực hiện tại các công trình bằng các thủ tục kiểm soát, dự toán chi phí. Tuy nhiên công tác kiểm soát nội bộ chi phí xây lắp còn nhiều hạn chế, thủ tục kiểm soát chưa chặt chẽ, công tác phân tích chi phí sau khi thực hiện chưa có, dự toán chưa phục vụ cho công tác nội bộ.

Vì vậy, cần thiết phải hoàn thiện lại công tác kiểm soát nội bộ chi phí xây lắp tại đơn vị.

CHƯƠNG 3

CÁC GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KIỂM SOÁT NỘI BỘ CHI PHÍ XÂY LẮP TẠI CÔNG TY CP XÂY LẮP ĐIỆN ĐÀ NẴNG

3.1 Hoàn thiện các thủ tục kiểm soát trước đối với chi phí xây lắp

Hiện nay tại Công ty CP Xây Lắp Điện Đà Nẵng khi tham gia đấu thầu bất kỳ công trình nào thì bộ phận kỹ thuật sẽ lập hệ thống dự toán đấu thầu dựa trên các định mức về giá và lượng trong các tiêu chuẩn của bộ xây dựng cho từng công trình. Các thủ tục kiểm soát là phương tiện để thực hiện mục tiêu kiểm soát chi phí tại các công trình xây dựng như so sánh với các định mức của Bộ....

Để kiểm soát tốt thì sau khi trúng thầu bộ phận kỹ thuật căn cứ vào dự toán đấu thầu đã được lập thực hiện lập một dự toán nội bộ cụ thể và sát với tình hình thực hiện. Sau đó ước lượng, lên kế hoạch nhu cầu vật tư, gửi yêu cầu vật tư đến nhà cung cấp, lựa chọn nhà cung cấp và thực hiện mua vật tư. Ước lượng nhân công thực hiện, và các chi phí phát sinh. Các bộ phận liên quan thì theo dõi, so sánh và tổng hợp.

Ở các công ty xây lắp thì chi phí nguyên vật liệu là chi phí chiếm tỷ lệ lớn trong giá thành. Vì vậy khi kiểm soát việc mua nguyên vật liệu cần phải chặt chẽ, từ khâu lên số lượng chất lượng, chủng loại, quy cách vật liệu. So sánh giá, chất lượng, chủng loại giữa các nhà cung cấp rồi mới đi đến quyết định sẽ chọn nhà cung cấp nào.

Tất cả các thủ tục kiểm soát trước chi phí xây lắp nhằm hạn chế những sai sót trong việc thực hiện thi công. Khắc phục một phần nào đó những sai sót mà ta có thể dự đoán được.

3.2. Hoàn thiện thủ tục kiểm soát hiện hành đối với chi phí xây lắp

3.2.1 Hoàn thiện thủ tục kiểm soát chi phí nguyên vật liệu

Qua những trình bày về hạn chế của thủ tục kiểm soát nguyên vật liệu ở chương 2 là: thực trạng công ty chưa kiểm soát tốt chất lượng và giá cả khi mua vật tư, vật tư được cung cấp bởi các khách hàng quen biết. Chất lượng và số lượng nguyên vật liệu xuất cho sử dụng không được theo dõi, kiểm soát

chặt chẽ, số lượng xuất dùng một số loại vật tư lại không được cân, đo, đong, đếm cụ thể như cát, đá ... vì vậy không kiểm soát được quá trình sử dụng vật tư. Ở xí nghiệp khi nhận NVL về thì tiến hành bảo quản và đưa vào sử dụng nhưng tại xí nghiệp vẫn chưa thiết kế thủ tục kiểm soát vật tư trong quá trình thi công.

Để kiểm soát tốt chi phí nguyên vật liệu cần phải kiểm soát các khâu: Cung ứng nguyên vật liệu về chất lượng và giá cả, thủ tục xuất kho, thủ tục kiểm soát vật tư sử dụng về số lượng. Cụ thể:

- Thủ tục kiểm soát nội bộ cung ứng nguyên vật liệu: giải pháp mà luận văn đưa ra là phải có sự phê chuẩn về chất lượng và giá cả khi mua vật tư. Cụ thể:

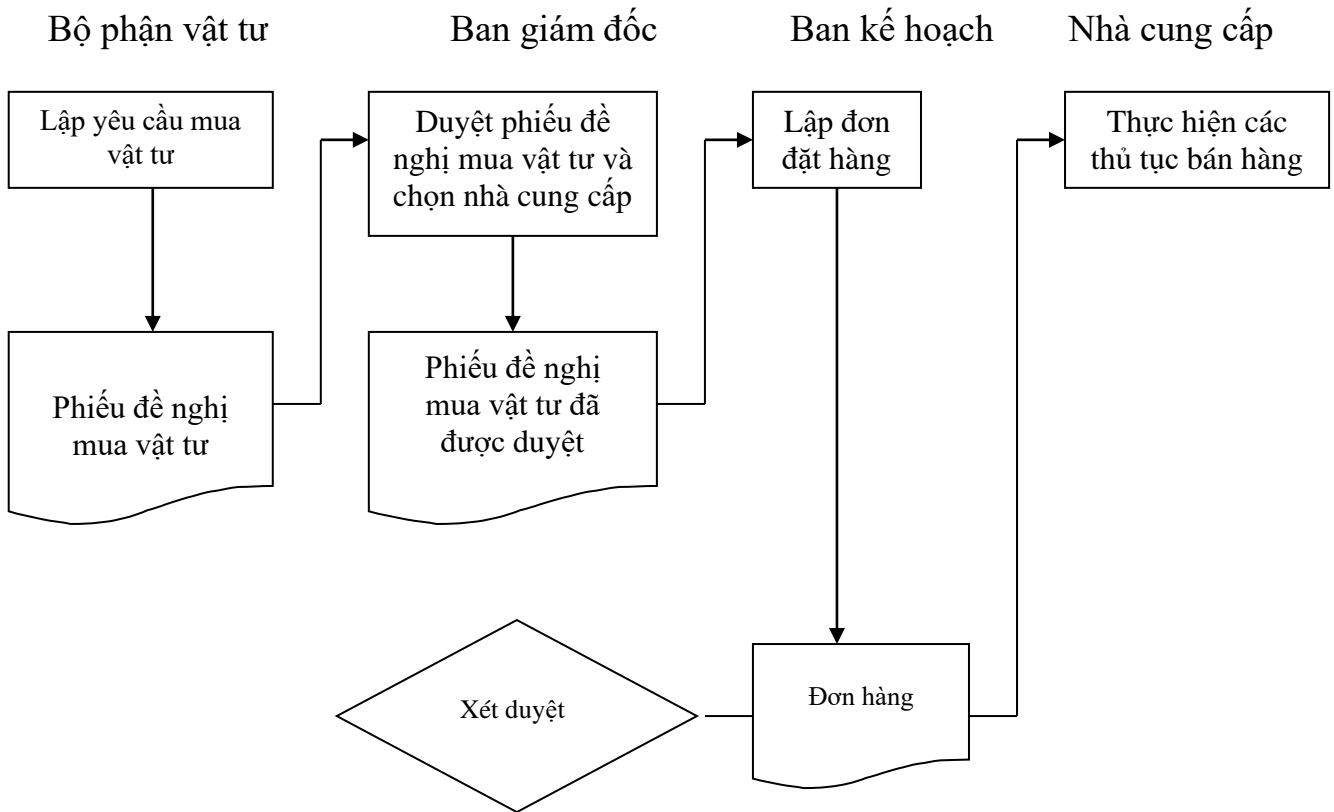
Thủ tục kiểm soát chất lượng nguyên vật liệu trước khi mua: Tại mỗi công trình khi tiến hành thi công, bộ phận kế hoạch kỹ thuật sẽ căn cứ vào hồ sơ dự toán (hồ sơ đấu thầu) để lên kế hoạch về số lượng, chất lượng của từng loại vật liệu cần mua theo từng hạng mục công trình cũng như thời điểm đặt hàng. Kế hoạch này phải được Ban giám đốc xét duyệt và triển khai xuống các ban quản lý công trình và quán triệt việc thực hiện chất lượng nguyên vật liệu đã đưa ra. Từ đó xem xét những nhà cung cấp có chất lượng nguyên vật liệu tương xứng để lựa chọn là nhà cung ứng sau này.

Thủ tục kiểm soát giá nguyên vật liệu: Cần thực hiện vào thời điểm mua nguyên vật liệu. Trước khi tiến hành mua nguyên vật liệu thì phòng kỹ thuật phải gửi yêu cầu xin báo giá và các điều kiện bán hàng về tất cả các loại vật liệu sử dụng cho công trình đến các công ty cung ứng nguyên vật liệu lớn trên địa bàn đặt công trình xây dựng một cách độc lập. Sau khi nhận được Bảng báo giá và điều kiện bán hàng của các công ty trên thì Giám đốc phải lựa chọn đơn vị có giá bán thấp nhất đã tính đến chi phí sử dụng vốn. Tức là, nhà quản lý sẽ chọn được đơn vị có chi phí mua hàng theo công thức:

$$\text{Min} [\text{giá bán đơn vị} \times \text{số lượng} + \text{tổng thanh toán} \times \text{số ngày tín dụng} \\ (\text{thanh toán chậm}) \times \text{lãi suất vay ngân hàng theo ngày tại thời điểm mua} + \text{chi phí vận chuyển bốc dỡ}]$$

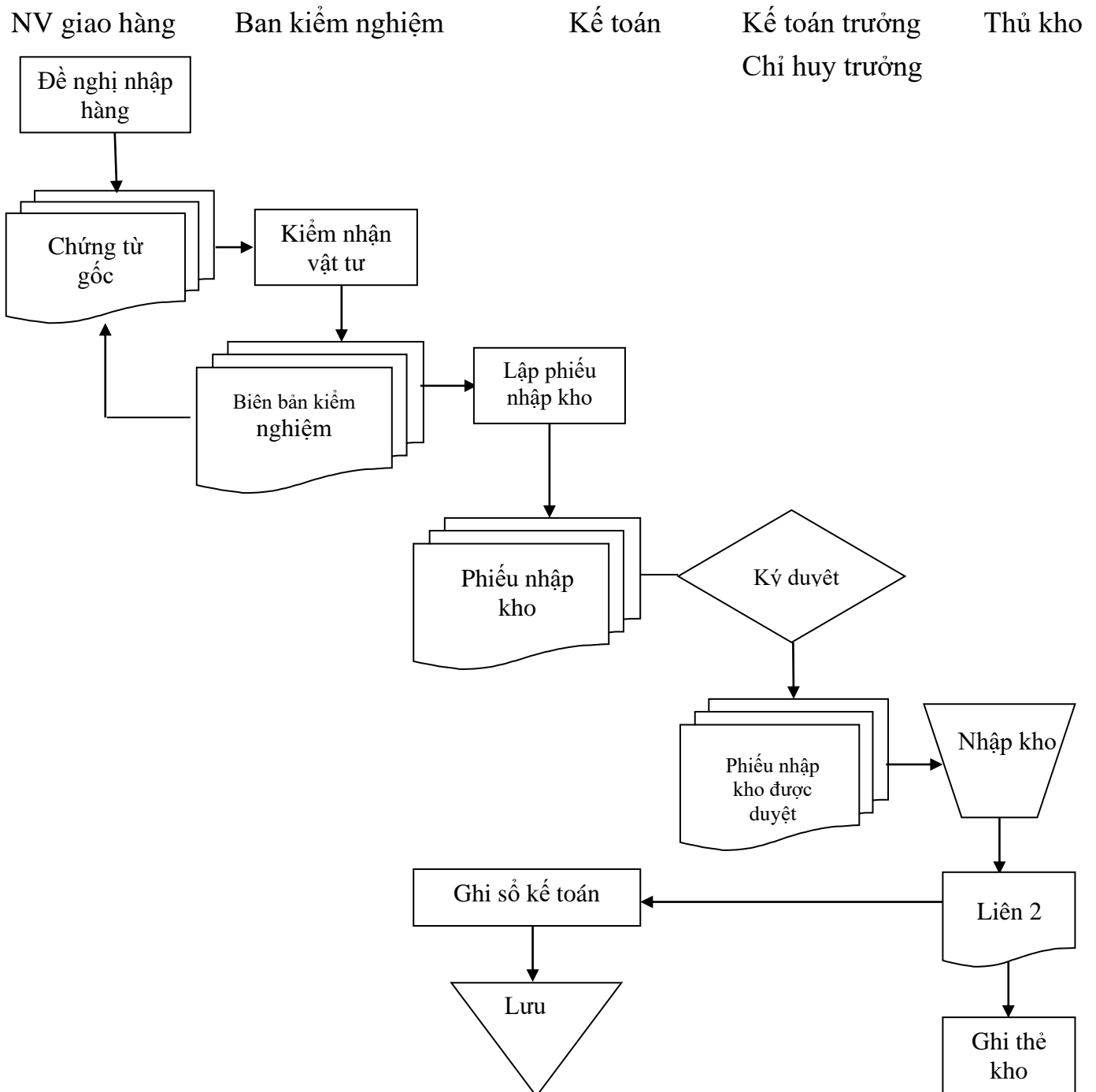
Căn cứ vào Bảng báo giá của nhà cung cấp đã được chọn làm căn cứ để ký hợp đồng mua vật tư và thanh toán.

Quy trình về thủ tục đặt hàng mua vật tư được mô tả theo sơ đồ 3.1 sau:



Sơ đồ 3.1: Lưu đồ quy trình đặt mua vật tư

Kiểm soát số lượng và chất lượng vật tư trước khi nhập kho: Khi có nhu cầu về vật tư sử dụng và dự trữ trong kho, bộ phận vật tư sẽ lập phiếu đề nghị mua vật tư có ký duyệt của Ban giám đốc và gửi đơn đặt hàng đến nhà cung cấp đã lựa chọn để đặt hàng. Khi nhà cung cấp giao hàng thì bên bộ phận vật tư có thể được nhập tại kho của các xí nghiệp hoặc chuyển thẳng đến công trình để sử dụng. Để tránh sự thông đồng giữa nhà cung cấp và bộ phận nhận hàng trong việc ghi tăng số lượng, chất lượng vật tư nhập so với thực tế thì khi nhập hàng phải thành lập Ban kiểm nghiệm. Tại các công trình, Ban này gồm: kỹ thuật công trình, chỉ huy trưởng, thủ kho, kế toán công trình. Tại kho các xí nghiệp, ban này bao gồm: trưởng ban kế hoạch, kế toán xí nghiệp, thủ kho, nhân viên kỹ thuật. Quy trình này được thể hiện qua sơ đồ 3.2 sau:

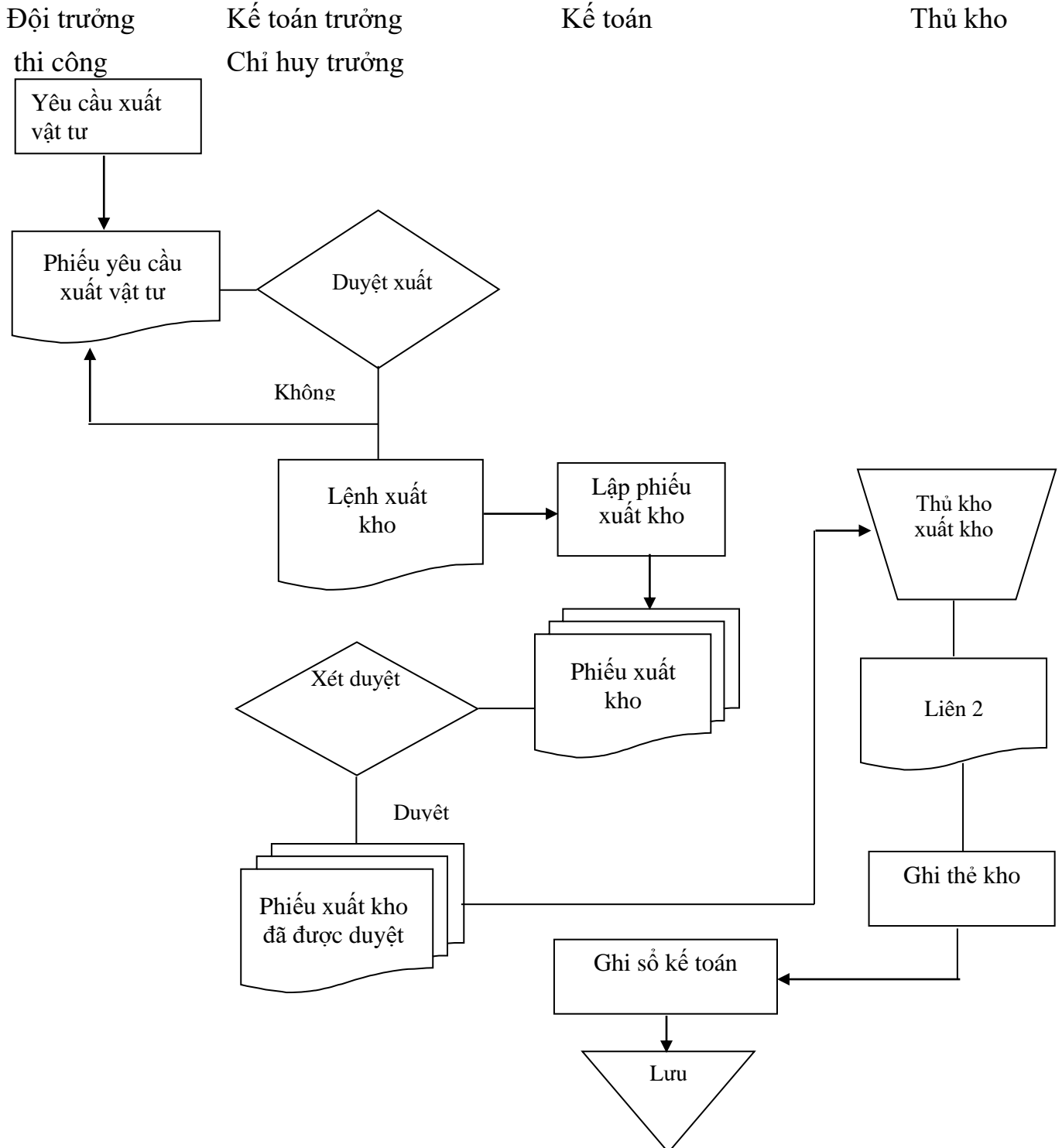


Sơ đồ 3.2 Lưu đồ quy trình nhập kho vật tư

- Thủ tục kiểm soát xuất kho vật tư: Khi có nhu cầu về vật tư, tổ (đội) trưởng bộ phận thi công sẽ lập phiếu yêu cầu xuất vật tư. Phiếu này phải có chữ ký xác nhận của Chỉ huy trưởng công trình và kế toán trưởng, sau đó thủ trưởng đơn vị ký duyệt. Nếu công trình đặt ở xa thì thủ trưởng đơn vị sẽ ủy quyền và quy định trách nhiệm vật chất cho chỉ huy trưởng công trình ký

duyet. Mọi nguyên vật liệu xuất khỏi định mức không có lý do, không có phân tích, giải trình nguyên nhân thì chỉ huy trưởng công trình và thủ kho phải bồi thường.

Quy trình xuất kho vật tư được thể hiện qua sơ đồ 3.3 sau:



Sơ đồ 3.3: Lưu đồ quy trình xuất kho vật tư

Căn cứ vào Phiếu yêu cầu xuất vật tư có chữ ký của các cấp có thẩm quyền, kế toán sẽ lập phiếu xuất kho trình chỉ huy trưởng công trình kiểm tra định mức và số lượng theo định mức đã lập cho từng hạng mục công trình. Thủ kho căn cứ vào phiếu xuất để xuất vật tư ghi số lượng thực xuất lên phiếu xuất kho, sử dụng liên 2 để ghi vào thẻ kho. Trên phiếu xuất kho, kế toán nên ghi rõ vật tư sử dụng cho hạng mục nào.

Nếu vật tư trong kho không còn thì chỉ huy trưởng công trình sẽ làm giấy đề nghị cấp vật tư, giám đốc xí nghiệp xét duyệt, bộ phận kế hoạch kỹ thuật sẽ liên hệ với nhà cung cấp để cấp vật tư.

Nếu vật tư cấp vượt định mức thì tổ trưởng thi công phải làm giấy “yêu cầu xuất vật tư vượt định mức”, có giải trình nguyên nhân và báo cáo với cấp trên để được phê duyệt như vật tư trong định mức. Để phân biệt và thống kê nhanh chóng khối lượng vật tư vượt định mức trong ngày thì khi xuất kho, kế toán lập phiếu xuất kho và ghi chú vào đó. Cuối ngày, chỉ huy công trình tập hợp tổng số lượng và giá trị vật tư xuất ngoài định mức có giải thích nguyên nhân để báo cáo với Ban giám đốc.

- Thủ tục kiểm soát sử dụng vật tư: Trên thực tế các đơn vị xây lắp trực thuộc công ty không thể kiểm soát vật tư khi ra khỏi kho đưa vào sử dụng (vật tư trên công trường), không quy định trách nhiệm của từng cá nhân trong việc quản lý vật tư trên công trường do đó vật tư thường hay bị mất mát, lãng phí.

Vì vậy, thủ tục kiểm soát sử dụng vật tư: định kỳ và đột xuất, Giám đốc xí nghiệp, uỷ ban kiểm soát sẽ kiểm kê khối lượng hoàn thành và căn cứ vào định mức xây dựng để tính ra lượng nguyên vật liệu tiêu hao định mức (Qđ). Đồng thời, căn cứ vào lượng nguyên vật liệu tồn thực tế trong kho (dựa vào kết quả kiểm kê), ban kiểm soát sẽ tính được nguyên vật liệu tiêu hao thực tế (Qt). Sau đó, nhà quản lý sẽ tiến hành đối chiếu giữa (Qđ) và (Qt). Nếu (Qđ) < (Qt) thì phải tìm nguyên nhân lượng vật tư thất thoát qua khâu nào mà quy định trách nhiệm bồi thường ở khâu đó.

Khi nhận vật tư, đội trưởng đội sản xuất phải được nhận một liên của phiếu xuất kho để làm chứng cứ kiểm tra sau này. Đội trưởng thi công phải có trách nhiệm phân phối vật tư cho các tổ thi công một cách khoa học, đồng

thời giám sát quá trình sử dụng vật tư trong thi công, đảm bảo thi công đúng định mức. Cuối ngày, đội trưởng phải yêu cầu các tổ thi công thu gom vật tư về để vào nơi quy định.

Ban kiểm soát căn cứ vào chứng cứ đó để xác định được nguyên vật liệu thất thoát ở kho hay ở nơi sử dụng.

Như vậy, các cá nhân có liên quan đến chuỗi nhập và sử dụng vật tư sẽ kiểm soát lẫn nhau. Nếu thủ kho thông đồng với nhà cung cấp để ghi tăng số lượng nhập kho để mất mát thì phải bồi thường. Nếu đội trưởng công trình để thất thoát hay lãng phí trong quá trình sử dụng thì phải đền bù thiệt hại.

3.2.2 Hoàn thiện thủ tục kiểm soát chi phí nhân công

Hiện nay thủ tục kiểm soát nội bộ chi phí nhân công của công ty là: trả lương theo thời gian và sản phẩm. Đối với việc trả lương theo sản phẩm thì công ty sử dụng hai hình thức: khoán theo thời gian, khoán theo sản phẩm.

Thực tế, chỉ huy công trình và tổ trưởng không thể tiến hành kiểm tra khối lượng xây lắp hoàn thành và căn cứ vào số lượng ngày công để tính năng suất lao động thực tế và đối chiếu với định mức trong dự toán chi phí. Chính vì vậy, việc kiểm soát năng suất lao động ở các công trình xây dựng tại các đơn vị trực thuộc công ty là chưa chặt chẽ, không có đủ căn cứ để điều chỉnh kịp thời năng suất lao động.

Giải pháp mà luận văn đưa ra là:

- Thuê nhân công thì phải là lao động lành nghề, đòi hỏi tay nghề (bậc 4/7 trở lên) thì sẽ ký hợp đồng dài hạn để giảm bớt chi phí. Đối với lao động thủ công thì nên tuyển dụng đội ngũ nhân công ở địa phương để giảm bớt chi phí thuê nhân công. Hợp đồng thuê nhân công loại này chỉ thực hiện theo thời vụ “có làm mới có lương”. Đơn giá tiền lương tính cho một ngày bao gồm cả tiền ăn.

- Thủ tục kiểm soát ngày công lao động: Việc chấm công sẽ được giao cho đội trưởng sản xuất và chỉ huy trưởng công trình tiến hành độc lập và song song nhau. Định kỳ và đột xuất Giám đốc xí nghiệp, ban kiểm soát sẽ kiểm tra số lượng công nhân làm việc tại công trình và khối lượng xây lắp hoàn thành. Cuối tháng, ban kiểm soát sẽ đối chiếu số liệu của chỉ huy trưởng

công trình và đội trưởng sản xuất. Nếu số liệu của chỉ huy trưởng công trình và đội trưởng sản xuất giống nhau nhưng sai với số liệu kiểm tra thì tìm nguyên nhân xử lý.

- Thủ tục kiểm soát năng suất lao động: Định kỳ và cuối tháng ban kiểm soát dựa vào số lượng ngày công đã kiểm tra để tính ra chi phí nhân công phát sinh trong kỳ, đồng thời căn cứ vào khối lượng công việc hoàn thành tương ứng để tính được năng suất lao động và đối chiếu với định mức chi phí nhân công định mức trong hồ sơ dự toán. Nếu có chênh lệch tăng chi phí sẽ tìm nguyên nhân xảy ra ở khâu kiểm soát ngày công hay kiểm soát năng suất mà khắc phục và quy định trách nhiệm của các cá nhân có liên quan. Đồng thời căn cứ vào năng suất lao động để xác định đơn giá tiền lương thực tế.

Tổ trưởng theo dõi ngày công, năng suất lao động và tiến độ thi công từng hạng mục công trình qua đó so sánh với định mức và dự toán. Nếu năng suất lao động giảm thì phải giải thích cho công nhân hiểu và tìm biện pháp giải quyết, đồng thời tận dụng các nguồn nhân lực kết hợp với khen thưởng nhỏ đối với tổ (đội) vượt định mức để đưa năng suất lao động tăng cao hơn.

3.2.3 Hoàn thiện thủ tục kiểm soát chi phí sử dụng máy thi công

Hiện nay thực trạng tại đơn vị thì có những hạn chế như đã trình bày là:

- Tiền lương của công nhân vận hành máy thi công được trả cố định theo định mức đã ký kết trong hợp đồng lao động. Vì vậy, khi điều khiển người lái không phát huy hết công suất của máy và khả năng làm việc của mình.

- Tình trạng của máy thi công không được kiểm tra định kỳ mà chỉ khi nào có sự hư hỏng thì mới tiến hành sửa chữa. Vì vậy, tại các công trình đã xảy ra việc ngừng sản xuất do sự hư hỏng bất thường của máy thi công. Các xí nghiệp chưa có các quy định trách nhiệm cho người điều khiển trong việc bảo quản và sử dụng hiệu quả thiết bị. Do chưa có bãi tập kết và vật che chắn máy thi công tại công trình nên các máy móc này chịu sự ảnh hưởng rất lớn của thời tiết nên hư hỏng nhanh chóng.

- Thủ tục kiểm soát chi phí máy thi công chưa được xây dựng một cách cụ thể.

Vì vậy, cần lập danh mục chi phí và xây dựng định mức cho từng khoản mục chi phí máy thi công, xây dựng quy trình kiểm soát đơn giá và năng suất. Cụ thể:

Đối với máy thi công thuê ngoài: Được kiểm soát thông qua hợp đồng thuê máy thi công đã được Giám đốc, kế toán trưởng phê duyệt. Đơn giá thuê được xây dựng dựa trên khối lượng, chất lượng sản phẩm hoàn thành.

Đối với máy thi công của đơn vị: Quản lý công trình cần quy định trách nhiệm trực tiếp cho người lái hoặc điều khiển xe máy. Mọi hư hỏng, mất mát phải có lý do giải trình và bồi thường theo mức độ hư hỏng thuộc trách nhiệm của họ. Trong đội xe phải có một đội trưởng xe máy thi công với quyền lợi phù hợp với các trách nhiệm: bảo quản xe máy thi công, quản lý nhân viên lái xe, lập báo cáo tổng hợp tình trạng hư hỏng của xe máy thi công để có kế hoạch sửa chữa kịp thời, đảm bảo tiến độ thi công và hạn chế tổn thất.

Thủ tục kiểm soát chi phí sử dụng máy thi công của đơn vị bao gồm các thủ tục kiểm soát chi phí trực tiếp liên quan đến xe máy thi công như: Chi phí cho nhân viên lái máy thi công, chi phí nhiên liệu chạy máy thi công, thủ tục kiểm soát ca máy thi công từng hạng mục, thủ tục kiểm soát năng suất sử dụng máy thi công.

- Thủ tục kiểm soát chi phí nhân công lái xe máy thi công: Lương của công nhân vận hành máy thi công được trả theo hợp đồng lao động nhưng gắn với mức độ hoàn thành nhiệm vụ theo hệ số Ki.

- Thủ tục kiểm soát chi phí nhiên liệu chạy máy thi công: nhiên liệu cấp cho máy hoạt động dựa vào ca máy, khối lượng thi công và định mức tiêu hao. Các thủ tục kiểm soát chi phí nhiên liệu, vật liệu sử dụng cho máy thi công tương tự như thủ tục kiểm soát chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.

- Thủ tục kiểm soát chi phí sửa chữa thường xuyên máy thi công: nhân viên vận hành xe máy phải lập tờ trình xin sửa chữa thường xuyên trình đội trưởng xe máy, kế toán trưởng và Giám đốc phê duyệt trước khi sửa chữa. Sau khi công việc sửa chữa hoàn thành phải có biên bản nghiệm thu và nhập

lại phụ tùng cũ (nếu có) kèm theo chứng từ thanh toán trình kế toán trưởng và Giám đốc phê duyệt thanh toán. Nhân viên vận hành phải theo dõi vào sổ chi phí sửa chữa thường xuyên.

- Thủ tục kiểm soát năng suất sử dụng máy thi công: để kiểm soát năng suất sử dụng máy thi công trong quá trình thi công vận hành phải có kỹ thuật công trình chỉ huy, điều hành, tổ chức máy thi công khoa học để nâng cao hiệu quả sử dụng máy thi công. Định kỳ, kỹ thuật công trình phải thống kê khối lượng máy thi công hoàn thành, ca máy hoạt động và so sánh với định mức để báo cáo với chỉ huy trưởng công trình.

Định kỳ, ban kiểm soát sẽ kiểm tra đột xuất ca máy hoạt động và khối lượng máy thi công hoàn thành để làm căn cứ kiểm tra đối chiếu và đưa ra các hành động kiểm soát.

3.2.4 Hoàn thiện thủ tục kiểm soát chi phí sản xuất chung

Ở công ty, các dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác công ty không xây dựng đơn giá định mức mà tập hợp tất cả các khoản chi phí bằng tiền khác thực tế phát sinh. Công tác kiểm soát được thể hiện thông qua tính hợp lý, hợp lệ của các chứng từ, hóa đơn.....đối chiếu số liệu trên chứng từ gốc với số liệu đã cập nhật vào máy. Đây cũng là khoản chi phí rất dễ bị gian lận, vì thế ban lãnh đạo yêu cầu các khoản chi phí phục vụ cho xây lắp phải có chứng từ đầy đủ và hợp lý, phải được sự xét duyệt của ban giám đốc

Chi phí sản xuất chung là chi phí khó kiểm soát, đây là vấn đề bất cập của doanh nghiệp. Ở công ty công tác kiểm soát được thực hiện tương đối tốt nhưng về cơ bản vẫn còn tồn tại nhiều vấn đề cần được khắc phục

Vậy để kiểm soát tốt chi phí chung đơn vị phải lập danh mục và xây dựng định mức cho từng danh mục chi phí. Bởi thực tế, trong hoạt động xây lắp, khi hạch toán, kế toán rất dễ nhầm lẫn giữa hai khoản mục chi phí chung và chi phí máy thi công, do đó khó khăn trong việc kiểm soát.

Mỗi đơn vị xây lắp trực thuộc công ty phải xây dựng một quy chế thưởng, phạt nghiêm minh phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của mỗi người. Toàn bộ nhân viên quản lý làm việc tại công trình phải chịu sự điều hành trực tiếp của chỉ huy trưởng công trình. Trong giờ làm việc bất kỳ một cá nhân nào

ra khỏi vị trí làm việc đều phải báo cáo lý do và cung cấp bằng chứng cho việc vắng mặt của mình. Nếu cá nhân nào không tuân thủ thì tính thời gian vắng mặt để chấm công và trừ lương.

Đối với chi phí nguyên vật liệu dùng chung: thủ tục kiểm soát nguyên vật liệu dùng chung cho sản phẩm xây lắp được thực hiện tuân thủ kiểm soát nguyên vật liệu trực tiếp.

Đối với chi phí dịch vụ mua ngoài: đối với tiền điện, nước quản lý thông qua đồng hồ đo, nhưng không thể hạn chế mức tối đa và thường xuyên kiểm tra việc sử dụng điện, nước tại công trình, nếu vượt thì quy trách nhiệm cho từng cá nhân. Thường xuyên giáo dục ý thức tiết kiệm trong mỗi nhân viên, hạn chế sử dụng các thiết bị dùng điện không cần thiết. Tách riêng phần điện, nước sinh hoạt và phần điện, nước thi công để kiểm soát. Đối với chi phí điện thoại giao khoán cho từng cá nhân theo chức năng nhiệm vụ được giao...

Chi phí bằng tiền khác như: chi phí tiếp khách... quy định một mức cụ thể và giao cho chỉ huy trưởng công trình quản lý.

Chi phí công cụ dụng cụ và khấu hao tài sản cố định, hai khoản mục chi phí này phụ thuộc vào thời gian thi công (phân bổ và khấu hao theo đường thẳng). Vì vậy, để hạ thấp chi phí này cần phải đẩy nhanh tiến độ thi công. Mặt khác cần giao cho từng cá nhân có trách nhiệm quản lý và bảo quản tài sản tránh hư hỏng, mất mát. Đối với công cụ dụng cụ, tài sản cố định đã xuất ra khỏi kho, đang thi công trên công trình thì đội trưởng thi công phải chịu trách nhiệm bảo quản và sử dụng có hiệu quả. Tài sản cố định, công cụ dụng cụ sau khi thi công xong phải được lau chùi và cất giữ cẩn thận hạn chế sự tác động của thời tiết, tăng thời gian sử dụng của tài sản.

3.3 Tình hình thực hiện thủ tục kiểm soát sau quá trình thực hiện chi phí xây lắp:

Thực tế tạo các đơn vị xây lắp trực thuộc công ty chưa thực hiện thủ tục kiểm soát sau đối với chi phí xây lắp.

Thực chất của các thủ tục kiểm soát sau đối với chi phí xây lắp là phân tích sự biến động của chi phí xây lắp thông qua việc sử dụng phương pháp thay thế liên hoàn để tìm ra các nhân tố ảnh hưởng.

Kiểm soát chi phí là điều khiển quá trình thực hiện chi phí theo định mức. Vậy khi có sự chênh lệch so với định mức xảy ra cần phân tích nguyên nhân gây ra sự chênh lệch và đưa ra hành động kiểm soát phù hợp.

Biến động chi phí thực tế so với định mức là biến động giảm trong khi các yếu tố khác như chất lượng công trình, tiến độ thi công, đời sống công nhân đảm bảo là tốt. Lúc này, mọi hành động kiểm soát của ban kiểm soát vẫn thực hiện như cũ.

Biến động chi phí thực tế so với định mức là tăng thì ban kiểm soát cần phải xem lại các thủ tục, hành động kiểm soát trước đây, tìm ra nguyên nhân chênh lệch chi phí và có quyết định phù hợp để điều chỉnh sự biến động này. Hoạt động kiểm soát này được thực hiện trong quá trình thi công công trình thì mới có ý nghĩa. Ở đây chỉ đề cập đến biến động chi phí.

3.3.1 Kiểm soát tình hình thực hiện chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

$$* \text{ Đối tượng phân tích: } \Delta VL = \sum_{j=1}^n P_{1,j} - \sum_{j=1}^N P_{d,j} \times M_{d,j}$$

Biến động chi phí nguyên vật liệu trực tiếp do 2 nhân tố gây nên: Biến động về giá và biến động về lượng nguyên vật liệu tiêu hao.

Biến động về giá nguyên vật liệu (ΔP) được tính theo công thức:

$$\Delta P = \sum_{j=1}^N (P_{1,j} - P_{d,j}) \times M_{d,j}$$

Với $M_{1,j} = q_{1,i} \times Q_{1,i}, M_{d,i}$

ΔP : biến động về giá nguyên vật liệu

$P_{1,j}$: Giá thực tế loại vật liệu j

$P_{d,j}$: Giá định mức loại vật liệu j

$M_{1,j}$: Lượng nguyên vật liệu j tiêu hao thực tế

$M_{d,j}$: Lượng nguyên vật liệu tiêu hao định mức

$q_{d,i}$: Lượng nguyên vật liệu định mức sử dụng cho 1 đơn vị khối lượng xây lắp hạng mục i

$q_{1,i}$: Lượng nguyên vật liệu thực tế sử dụng cho 1 đơn vị khối lượng xây lắp hạng mục i

$Q_{d,i}$: Khối lượng xây lắp định mức hạng mục i

$Q_{l,i}$: Khối lượng xây lắp thực tế hạng mục i

$\overline{j=1,n}$: Loại nguyên vật liệu

i: Hạng mục công trình.

Biến động về lượng nguyên vật liệu (ΔM) được tính theo công thức

$$\Delta M = \sum_{j=1}^n (P_{1,j} \times (M_{1,j} - M_{d,j}))$$

Trong đó:

ΔM : Biến động về lượng nguyên vật liệu.

Tổng biến động chi phí nguyên vật liệu trực tiếp được tính theo công thức

$$\Delta VL = \Delta P + \Delta M$$

Tại công trình “Hoàn thiện chống quá tải lưới điện Điện Lực Cẩm Lệ năm 2011”, biến động chi phí nguyên vật liệu được tính theo bảng 3.4 sau:

Bảng 3.4 Bảng phân tích tình hình biến động chi phí nguyên vật liệu

TT	Loại vật liệu	Đơn vị	Định mức(vnd)			Thực tế (vnd)			Biến động (vnd)		
			Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền	Giá	Lượng	Tổng
HẠNG MỤC			Mdi	Pdi	VLd	Mli	Pli	VL1	ΔP	ΔM	ΔVL
I	Xây dựng ĐZ liên lạc 471 E9 - 471 E12 đến TBA Hòa Phú 2 - 471 E12				93.769.900			113.551.000	1.281.100	18.500.000	19.781.100
a	Thiết bị				15.000.000			15.500.000	500.000	-	500.000
1	Dao cách ly 3 pha 24kV (truyền động cơ khí)	bộ	1	15.000.000	15.000.000	1	15.500.000	15.500.000	500.000	-	500.000
b	Vật liệu				78.769.900			98.051.000	781.100	18.500.000	19.281.100
1	Dây nhôm bọc AV95-12,7kV	mét	759	54.200	41.137.800	860	55.000	47.300.000	607.200	5.555.000	6.162.200
2	Sứ đứng 24kV + ty mạ kẽm (loại Pin post)	bộ	11	220.000	2.420.000	20	222.000	4.440.000	22.000	1.998.000	2.020.000
3	Chuỗi néo polime 24kV + phụ kiện	chuỗi	24	185.000	4.440.000	42	189.000	7.938.000	96.000	3.402.000	3.498.000
4	Kẹp răng trung thế A95-185/A95-185	cái	24	620.000	14.880.000	32	621.000	19.872.000	24.000	4.968.000	4.992.000
5	Dây nhôm bọc AV70-12,7kV	mét	21	44.500	934.500	28	45.000	1.260.000	10.500	315.000	325.500
6	Dây chảy 10K	sợi	3	40.000	120.000	4	41.000	164.000	3.000	41.000	44.000
7	Cáp hạ thế M(3x185+1x95)-0,6kV	mét	8	1.772.200	14.177.600	9	1.773.000	15.957.000	6.400	1.773.000	1.779.400
8	Sứ đứng 24kV + ty mạ kẽm (loại Pin post)	bộ	3	220.000	660.000	5	224.000	1.120.000	12.000	448.000	460.000
II
					2.941.708.405			3.581.648.486	54.287.619	147.047.372	201.334.991

Nguồn: Công ty Cổ Phần Xây Lắp Điện Đà Nẵng (tháng 2- 2010)

* Nguyên nhân của sự biến động

- Biến động về giá nguyên vật liệu cho thấy giá nguyên vật liệu thực tế phải trả cho một đơn vị khối lượng nguyên vật liệu tăng lên so với định mức. Nguyên nhân của sự tăng lên này có thể do các nguyên nhân sau:

+ Giá nguyên vật liệu trên thị trường biến động tăng. Nguyên nhân này nhà quản lý không thể kiểm soát được.

+ Người thu mua nguyên vật liệu thông đồng với nhà cung cấp ghi tăng giá nguyên vật liệu mua vào để hưởng lợi cá nhân. Nếu qua kiểm tra thấy được đây là nguyên nhân làm gia tăng giá vật liệu thì ban kiểm soát sẽ phải xem xét tính hiệu quả của các thủ tục kiểm soát trước đó và việc thực hiện các thủ tục kiểm soát này.

Nếu thủ tục kiểm soát kém hiệu quả thì cần xây dựng một thủ tục kiểm soát giá vật liệu mua vào hiệu quả hơn. Nếu như các thủ tục không được thực hiện đúng thì cần xử phạt thích đáng cán bộ vật tư và những cá nhân liên quan đã có hành vi vi phạm.

- Biến động về khối lượng nguyên vật liệu sử dụng thực tế so với định mức do các tác nhân:

+ Sự gia tăng khối lượng xây lắp của từng hạng mục công trình so với định mức. Đây là sự gia tăng tất yếu không ảnh hưởng đến mục tiêu kiểm soát chi phí của từng công trình.

+ Sự gia tăng khối lượng vật liệu để xây dựng một đơn vị khối lượng xây lắp của từng hạng mục. Sự gia tăng này là không tốt. Bởi vì, qua hệ thống thí nghiệm của Bộ Xây dựng đã đưa ra định mức khối lượng vật liệu chuẩn cho một đơn vị khối lượng xây lắp. Thực tế, không một đơn vị xây lắp nào bỏ ra nhiều hơn khối lượng vật liệu này để xây lắp một đơn vị khối lượng. Do vậy, nguyên nhân chủ yếu của sự gia tăng lượng vật liệu này là do trong quá trình xây lắp đã bảo quản vật tư không tốt nên đã để xảy ra hiện tượng mất mát, lãng phí. Trách nhiệm này thuộc về tổ (đội) trưởng, thủ kho và tùy theo mức độ thất thoát mà có biện pháp xử lý phù hợp như: trừ lương, cắt thưởng, không nâng bậc lương theo quy định... Để kiểm soát tốt chi phí nguyên vật liệu trực tiếp thì định kỳ khi hoàn thành từng hạng mục nhỏ cần tiến hành đo

lượng và so sánh chi phí này với định mức đã đề ra và tìm ra yếu tố gây gia tăng chi phí thực tế và có hành động kiểm soát phù hợp trong thời gian thi công đến. Cuối tháng, cuối năm cần tiến hành phân tích chi phí này để có các quyết định phù hợp trong tháng tới và các công trình khác.

Tại công trình “ Hoàn thiện chống quá tải lưới điện điện lực Cẩm Lệ năm 2011”, chi phí nguyên vật liệu tăng hơn so với định mức là 201.334.991 đồng so với giá nguyên vật liệu tăng làm tăng 54.287.619 đồng và lượng nguyên vật liệu tiêu hao làm tăng chi phí nguyên vật liệu trực tiếp 147.047.372 đồng. Khối lượng vật liệu xây lắp theo từng hạng mục không gia tăng. Điều này cho thấy, công tác kiểm soát giá vật liệu mua vào và lượng nguyên vật liệu sử dụng không hiệu quả.

Giá nguyên vật liệu này gia tăng là do giá nguyên vật liệu trên thị trường gia tăng, đồng thời cán bộ vật tư đã có sự gian lận trong quá trình thu mua vật tư. Để hạn chế điều này thì cần xây dựng các thủ tục kiểm soát hữu hiệu, đồng thời phải xử phạt thích đáng những cá nhân vi phạm, khen thưởng những cá nhân thực hiện tốt các thủ tục kiểm soát giá nguyên vật liệu mua vào.

3.3.2 Kiểm soát tình hình thực hiện chi phí nhân công trực tiếp

$$* \text{ Đối tượng phân tích: } \Delta NC = \sum_{i=1}^n pnc_{1,z} \times N_{1,i} - \sum_{i=1}^n pnc_{d,z} \times N_{d,i}$$

$$\text{Với } N_{1,i} = n_{1,i} \times Q_{1,i} \quad , \quad N_{d,i} = n_{d,i} \times Q_{d,i}$$

Phân tích chi phí, sự biến động chi phí nhân công trực tiếp là đi phân tích sự ảnh hưởng của 2 nhân tố: Biến động về giá của một ngày công lao động và biến động về năng suất lao động. Biến động về giá của một ngày công lao động (Δnpc) được tính bằng công thức.

$$\Delta npc = \sum_{i=1}^n (pnc_{1,z} - pnc_{d,z}) \times N_{d,i}$$

Trong đó:

Δnpc : Biến động về giá một ngày công lao động.

$N_{1,i}$: Năng suất lao động thực tế thi công hạng mục i

$N_{d,i}$: Năng suất lao động định mức hạng mục i

$n_{1,i}$: Ngày công thực tế thi công một đơn vị khối lượng xây lắp hạng mục i

$n_{d,i}$: Ngày công định mức thi công một đơn vị khối lượng xây lắp hạng mục i

$pnc_{1,z}$: Đơn giá ngày công thực tế loại nhân công z

$pnc_{d,z}$: Đơn giá ngày công thực tế loại nhân công z

$Q_{1,i}$: Khối lượng thi công thực tế hạng mục i

$Q_{d,i}$: Khối lượng thi công định mức hạng mục i

$i = 1, n$: Hạng mục công trình, z : Loại nhân công.

$$\Delta N = \sum_{i=1}^n pnc_{i,z} (N_{1,i} - N_{d,i})$$

Trong đó:

ΔN : Biến động năng suất lao động.

Tổng biến động chi phí nhân công trực tiếp được tính theo công thức:

$$\Delta NC = \Delta pnc + \Delta N$$

Tại công trình “Hoàn thiện chống quá tải lưới điện Điện Lực Cẩm Lệ năm 2011”, biến động chi phí nhân công trực tiếp được phân tích qua bảng sau:

Bảng 3.5 Bảng phân tích tình hình biến động chi phí nhân công

STT	Loại vật liệu	Đơn vị	Định mức(vnđ)			Thực tế (vnđ)			Biến động (vnđ)		
			Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền	Giá	Lượng	Tổng
HẠNG MỤC			ndi	pncdi	NCi	nli	pnc1i	NC1	Δpnc	ΔN	ΔNC
I	Xây dựng ĐZ liên lạc 471 E9 - 471 E12 đến TBA Hòa Phú 2 - 471 E12				16.429.946			22.199.900	1.209.554	1.642.298	2.851.852
A	Phần Móng + Tiếp địa				8.013.503			12.699.400	880.097	1.284.616	2.164.713
MT3	Móng trụ ly tâm (MT3)	Móng	21	90.909	1.909.089	30	101.000	3.030.000	211.911	302.730	514.641
MT3-Đ	Móng trụ ly tâm đôi (MT3-Đ)	Móng	26	86.974	2.261.324	36	95.600	3.441.600	224.276	310.536	534.812
Rtd10	Tiếp địa 10 cọc (Rtd10)	VT	30	85.782	2.573.460	48	97.800	4.694.400	360.540	576.864	937.404
Rc4	Tiếp địa cột (Rc4)	VT	15	84.642	1.269.630	17	90.200	1.533.400	83.370	94.486	177.856
B	Phần cột				1.728.400			2.225.000	51.600	64.500	116.100
LT12C	Cột BTLT 12mC (dụng thủ công + cơ giới)	Cột	20	86.420	1.728.400	25	89.000	2.225.000	51.600	64.500	116.100
C	Phần Xà + Kết cấu khác				6.688.043			7.275.500	277.857	293.182	571.039
XĐ-T	Xà đỡ cột ly tâm (XĐ-T)	Bộ	18	70.855	1.275.390	20	75.000	1.500.000	74.610	82.900	157.510
XĐ-T-1A	Xà đỡ thẳng chữ A (XĐ-T-1A)	Bộ	15	69.782	1.046.730	16	74.300	1.188.800	67.770	72.288	140.058
XN-T	Xà néo cột ly tâm (XN-T)	Bộ	21	82.783	1.738.443	22	85.300	1.876.600	52.857	55.374	108.231

CDC	Chụp đầu trụ cột LT 3m (CDC)	Bộ	21	71.866	1.509.186	21	73.600	1.545.600	36.414	36.414	72.828
CTĐ	Cùm trụ đôi	Bộ	17	65.782	1.118.294	17	68.500	1.164.500	46.206	46.206	92.412
II
					1.779.906.173			1.857.100.140	29.315.477	30.878.490	60.193.967

Nguồn: Công ty Cổ Phần Xây Lắp Điện Đà Nẵng (tháng 2- 2010)

* Nguyên nhân của sự biến động

- Biến động chi phí nhân công trực tiếp cho thấy lượng lao động thi công một khối lượng xây lắp tăng so với định mức. Sự gia tăng này cần phải được phân tích nguyên nhân và đưa ra hành động kiểm phù hợp.

- Biến động chi phí nhân công trực tiếp xảy ra do sự biến động của hai nhân tố:

+ Biến động về mức giá lao động: Thực tế tại các công trình xây dựng, giá lao động đã được thoả thuận trước khi công việc xây lắp được tiến hành. Giá lao động biến đổi là do tình hình giải toả và xây dựng mới các khu dân cư đã làm cho nhu cầu về lao động xây lắp tăng. Đồng thời mức giá tiêu dùng trong khoản thời gian gần đây đã có sự gia tăng làm cho giá lao động cũng tăng lên. Sự biến động này làm nhà quản lý không thể kiểm soát được.

+ Biến động giảm về năng suất lao động là sự gia tăng ngày công xây lắp một đơn vị khối lượng thực tế so với định mức. Sự biến động này cho thấy quá trình quản lý nhân công thực hiện không tốt, đã có sự chây lười, chạy việc, trình độ tay nghề công nhân kém, điều kiện thi công khó khăn hơn so với mức bình thường đã làm cho năng suất lao động giảm.

Trường hợp năng suất lao động giảm là do sự quản lý và kiểm soát không tốt của tổ (đội) trưởng thì cần phải xem xét lại các thủ tục kiểm soát chi phí nhân công trực tiếp trước đó, việc thực hiện các thủ tục này để có điều chỉnh thích hợp trong tương lai. Đơn vị cần phải có hình thức xử phạt thích đáng hành vi quản lý kém hiệu quả của tổ(đội) trưởng. Những công nhân nào chây lười, chạy việc thì sẽ trừ lương lao động công nhân tay nghề kém cần điều chỉnh bậc thợ cho phù hợp với khả năng của họ.

Tại công trình “Hoàn thiện chống quá tải lưới điện Điện Lực Cẩm Lệ năm 2011”, chi phí nhân công tăng 60.193.967 đồng do giá nhân công làm tăng 29.315.477 đồng do năng suất lao động giảm làm tăng chi phí nhân công 30.878.490 đồng. Giá nhân công vào thời điểm cuối năm 2009 và đầu năm 2010 đã có sự gia tăng do nhu cầu lao động xây lắp các khu dân cư mới tăng và do lạm phát. Đây là một yếu tố khách quan làm biến động tăng chi phí nhân công trực tiếp mà nhà quản lý không kiểm soát được. Để kiểm soát tốt

tình hình này phải có sự phân tích, so sánh chi phí định kỳ và có sự điều chỉnh thích hợp.

3.3.3 Kiểm soát tình hình thực hiện chi phí sử dụng máy thi công

Để kiểm soát tốt chi phí sử dụng máy thi công tại các công trình xây dựng, chi phí này phải được đo lường và phân tích sự biến động như sau:

$$* \text{ Đối tượng phân tích: } \Delta M = \sum_{i=1}^n pm_{1,i} \times T_{1,i} - \sum_{i=1}^n pm_{d,i} \times T_{d,i}$$

$$\text{Với } T_{1,i} = m_{1,i} \times Q_{1,i}, \quad T_{d,i} = m_{d,i} \times Q_{d,i}$$

Chi phí sử dụng máy thi công chịu ảnh hưởng của hai nhân tố:

+ Biến động về giá ca máy thi công (ΔM_b) được tính như sau:

$$\Delta Pm = \sum_{i=1}^n (pm_{1,i} - pm_{d,i}) \times T_{d,i}$$

Trong đó:

ΔPm : Biến động về giá ca máy thi công

$pm_{1,i}$: Đơn giá thực tế ca máy thi công hạng mục i

$pm_{d,i}$: Đơn giá định mức ca máy thi công hạng mục i

$T_{1,i}$: Năng suất máy thi công thực tế hạng mục i

$T_{d,i}$: Năng suất máy thi công định mức hạng mục i

$pm_{1,i}$: Ca máy thực tế thi công một đơn vị khối lượng xây lắp hạng mục i

$pm_{d,i}$: Ca máy định mức thi công một đơn vị khối lượng xây lắp hạng mục i

$Q_{1,i}$: Khối lượng thi công thực tế hạng mục i

$Q_{d,i}$: Khối lượng thi công định mức hạng mục i

$\overline{i = 1, n}$: Hạng mục công trình

+ Biến động năng suất máy thi công (ΔT) được tính bằng công thức:

$$\Delta T = \sum_i^n (T_{1,i} - T_{d,i}) \times pm_{1,i}$$

Trong đó:

ΔT : Biến động năng suất lao động.

Tổng biến động chi phí máy thi công được tính theo công thức:

$$\Delta M = \Delta pm + \Delta T$$

Tại công trình “Hoàn thiện chống quá tải lưới điện Điện Lực Cẩm Lệ năm 2011”, biến động chi phí máy thi công được phân tích qua bảng sau:

Bảng 3.5 Bảng phân tích tình hình biến động chi phí sản xuất chung

TT	Loại vật liệu	Đơn vị	Định mức(vnđ)			Thực tế (vnđ)			Biến động (vnđ)		
			Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền	Giá	Lượng	Tổng
HẠNG MỤC			Qdi	Pmdi	Mbd	Qli	Pmli	Mb1	Δpm	ΔT	ΔM
I	Xây dựng ĐZ liên lạc 471 E9 - 471 E12 đến TBA Hòa Phú 2 - 471 E12				10.270.274			12.363.078	513.518	1.579.286	2.092.804
	- Máy đào <= 0,8m3	ca	6	1.626.791	10.086.104	7	1.708.131	11.956.917	504.308	1.366.505	1.870.813
	- Máy trộn 250l	ca	1	110.462	110.462	2	115.986	173.979	5.524	57.993	63.517
	- Máy đầm bàn 1KW	ca	1	73.708	73.708	3	77.394	232.182	3.686	154.788	158.474
II
					123.559.360			133.589.300	2.984.270	7.045.670	10.029.940

Nguồn: Công ty Cổ Phần Xây Lắp Điện Đà Nẵng (tháng 2- 2010)

* Nguyên nhân của sự biến động

- Biến động tăng chi phí sử dụng máy thi công là do tiến độ thi công chậm làm thời gian thi công công trình kéo dài dẫn đến khấu hao máy thi công tăng lên và tiền lương công nhân vận hành máy thi công. Trong trường hợp này thì cần có biện pháp giám sát tiến độ thi công cho đúng với thời gian định mức. Để giữ tiến độ thi công, định kỳ kỹ thuật giám sát công trình phải báo cáo tiến độ thi công cho ban kiểm soát, nếu tiến độ thi công chậm thì cần phải tăng tốc độ thi công trong thời gian tới như cho công nhân làm đêm, tăng năng suất lao động, tăng lực lượng lao động.

- Biến động tăng chi phí sử dụng máy thi công là do sự ảnh hưởng của hai nhân tố:

+ Biến động tăng mức giá ca máy thi công: Nguyên nhân của sự gia tăng này là sự gia tăng giá và lượng nhiên liệu chạy máy, đơn giá ca máy thuê ngoài tăng... Giá nhiên liệu tăng là do: Giá nhiên liệu trên thị trường gia tăng, sự gian lận trong quá trình mua nhiên liệu của cán bộ vật tư. Lượng nguyên vật liệu gia tăng là do có sự hao hụt, mất mát trong quá trình sử dụng nhiên liệu chạy máy.

Để kiểm soát tình hình này thì cần thắt chặt việc thực hiện các thủ tục kiểm soát đơn giá ca máy thi công, khoán luôn mức nhiên liệu cho công nhân lái máy hoặc có kế hoạch mua và kiểm soát tốt quá trình xuất nhiên liệu chạy máy theo định mức.

+ Biến động về năng suất sử dụng máy thi công: Là sự gia tăng ca máy thi công một đơn vị khối lượng xây lắp. Nguyên nhân của sự gia tăng này là do sự điều hành máy thi công không tốt làm cho thời gian máy nhàn rỗi nhiều, các lao động hỗ trợ cho máy thi công như xúc cát, vật cản, địa hình thi công khó, công nhân vận hành máy không thành thạo

Để kiểm soát sự gia tăng chi phí này thì tại mỗi máy thi công hoạt động cần có sự điều khiển của kỹ thuật giám sát của từng hạng mục thi công, chuẩn bị đầy đủ các máy móc và nhân công hỗ trợ trước khi cho máy thi công hoạt động.

Tại công trình “Hoàn thiện chống quá tải lưới điện Điện Lực Cẩm Lệ năm 2011”, chi phí sử dụng máy thi công có sự biến động tăng 10.029.940 đồng do ca máy thi công tăng làm tăng 2.984.270 đồng và năng suất máy thi công giảm làm cho chi phí tăng 7.045.670 đồng. Điều này cho thấy việc quản lý máy thi công chưa chặt chẽ, cần phải kiểm tra các khâu: Hợp đồng thuê máy thi công, năng suất máy thi công, nhiên liệu xuất dùng và các chi phí liên quan đến máy thi công.

Nếu đơn giá thuê máy cao thì cá nhân thuê máy phải có trách nhiệm giải trình và chịu trách nhiệm, nếu nhiên liệu xuất dùng vượt định mức thì nhân viên lái máy phải bồi thường, người phê duyệt xuất nhiên liệu phải chịu trách nhiệm liên đới, nếu năng suất lao động thấp thì điều chỉnh giảm lương công nhân vận hành và kỹ thuật điều hành. Đồng thời phải xem xét lại các thủ tục kiểm soát khi ký hợp đồng thuê máy, thủ tục xuất nhiên liệu hoặc quá trình giám sát điều hành máy thi công.

3.3.4 Kiểm soát tình hình thực hiện chi phí chung

Đối với chi phí chung việc phân tích, rà soát cũng được thực hiện theo từng khoản mục chi phí: tiền lương quản lý, vật liệu, công cụ phục vụ thi công, khấu hao tài sản cố định, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác. Số liệu căn cứ vào thực tế tập hợp trên sổ sách kế toán và định mức xây dựng ban đầu. Phương pháp thực hiện việc phân tích tương tự như phân tích các khoản mục chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí máy thi công.

Biến động tăng chi phí chung do ảnh hưởng của hai yếu tố: Giá cả tăng lên và sự sử dụng lãng phí các yếu tố cấu thành nên chi phí chung của từng hạng mục công trình. Để kiểm soát tốt chi phí này cần tìm hiểu nguyên nhân gây nên sự biến động và có hành động kiểm soát phù hợp.

Khi có sự biến động tăng chi phí chung cần xem xét lại có sự biến động của khối lượng xây lắp thực tế so với định mức hay không. Nếu không có sự gia tăng khối lượng xây lắp thực tế thì nguyên nhân gây nên sự biến động này có thể là : tăng chi phí khấu hao máy móc sử dụng chung cho công trình, tăng

tiền điện nước, chi phí tiếp khách ... từ đó có các hành động kiểm soát phù hợp trong tương lai.

Tại công trình “Hoàn thiện chống quá tải lưới điện Điện Lực Cẩm Lệ năm 2011”, định mức chi phí chung là 345.813.953 đồng, chi phí thực tế là 316.350.520 đồng giảm 29.463.433 đồng. Đây là một dấu hiệu tốt cho công tác kiểm soát.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Từ cơ sở lý luận và thực tiễn luận văn đã đưa ra những giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kiểm soát nội bộ, tổ chức hệ thống thông tin dự toán và thiết lập lại các thủ tục KSNB về chi phí xây lắp trực thuộc công ty.

Giải pháp mà luận văn đưa ra tính khoa học và hợp lý, với hy vọng giúp cho công ty đạt được các kế hoạch và mục tiêu đã đề ra.

KẾT LUẬN

Kiểm soát nội bộ chi phí xây lắp các công trình là vấn đề mà mọi công ty xây lắp đều quan tâm. Ở nước ta hiện nay, lãng phí thất thoát trong đầu tư xây dựng cơ bản là một thách thức nghiêm trọng. Lãng phí trong quá trình thi công, rút ruột công trình... là vấn đề quan tâm của toàn xã hội. Một trong những nguyên nhân gây ra tình trạng trên là thiếu sự kiểm soát của Nhà nước, cơ quan chủ quản trong quá trình đầu tư và xây dựng, các công ty xây dựng được Nhà nước bảo hộ bằng các chính sách: bù đắp, chỉ định thầu... Giữa các doanh nghiệp không có sự cạnh tranh trong hạ thấp giá thành xây lắp mà chủ yếu tìm cách để thắng thầu.

Trước bối cảnh nền kinh tế hội nhập hiện nay, đến lúc các công ty xây lắp phải quan tâm đến hạ chi phí và giá thành sản phẩm xây lắp. Tuy nhiên, hiện nay quá trình kiểm soát nội bộ chi phí xây lắp tại các đơn vị xây lắp trực thuộc công ty chưa quan tâm thực hiện đúng mức, thủ tục chưa chặt chẽ.

Qua nghiên cứu lý luận về kiểm soát nội bộ chi phí xây lắp trong các công ty (doanh nghiệp) xây lắp, đồng thời tìm hiểu thực trạng công tác kiểm soát nội bộ chi phí xây lắp tại Công ty Cổ Phần Xây Lắp Điện Đà Nẵng.

Luận văn đã đưa ra những ưu điểm cũng như các cách giải quyết tương đối đầy đủ các vấn đề kiểm soát nội bộ chi phí xây lắp tại các đơn vị xây lắp trực thuộc công ty:

- Hệ thống hóa được một số lý luận cơ bản về kiểm soát nội bộ chi phí xây lắp trong công ty (doanh nghiệp).
- Vận dụng lý luận đó vào các thủ tục kiểm soát nội bộ chi phí xây lắp ở Công ty Cổ Phần Xây Lắp Điện Đà Nẵng.
- Đề xuất một số giải pháp chủ yếu và kiến nghị nhằm tăng cường kiểm soát nội bộ chi phí xây lắp tại Công ty Cổ Phần Xây Lắp Điện Đà Nẵng.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Bộ môn hệ thống thông tin kế toán (2004), *Hệ thống thông tin kế toán*, Nxb Thống kê.
- [2] Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh (2003), *Kế toán quản trị áp dụng cho các doanh nghiệp Việt Nam*, Nxb Tài chính.
- [3] TS Bùi Văn Dương (2005), *Hệ thống kế toán doanh nghiệp theo chuẩn mực kế toán mới*, Nxb Tài chính.
- [4] TS. Võ Văn Nhị (2001), *Kế toán quản trị*, Nxb Thống kê.
- [5] TS. Trương Bá Thanh, ThS. Trần Đình Khôi Nguyên (2001), *Giáo trình phân tích hoạt động kinh doanh*, Nxb Giáo dục.
- [6] Nguyễn Thị Diễm (2009), *Tăng cường công tác kiểm soát nội bộ chi phí đầu tư xây dựng cơ bản tại Bru Điện Thành Phố Đà Nẵng*, Luận văn Thạc sỹ kinh tế, chuyên ngành kế toán, Đại học Đà Nẵng
- [7] Nguyễn Thị Hiền (2010), *Kiểm soát chi phí sản xuất tại công ty Cổ Phần Dược - Thiết Bị Y Tế Đà Nẵng*, Luận văn Thạc sỹ kinh tế, chuyên ngành kế toán, Đại học Đà Nẵng.
- [8] Nguyễn Thị Kim Hương (2005), *Tăng cường kiểm soát chi phí các công trình xây dựng cầu đường tại TP. Đà Nẵng*, Luận văn Thạc sỹ kinh tế, chuyên ngành kế toán, Đại học Đà Nẵng.
- [9] Hoàng Thị Thanh Hải (2005), *Nâng cao hiệu quả công tác kiểm soát nội bộ về chi phí ở Công ty Điện lực 3*, Luận văn Thạc sỹ kinh tế, chuyên ngành kế toán, Đại học Đà Nẵng.
- [10] Nguyễn Phi Sơn (2006), *Xây dựng hệ thống kiểm soát chi phí xây lắp tại các đơn vị trực thuộc Tổng Công ty xây dựng Miền Trung*, Luận văn Thạc sỹ kinh tế, chuyên ngành kế toán, Đại học Đà Nẵng.